



VĂN NGHỆ

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: 12

(2667)

THỨ BẢY, 19 - 3 - 2011

QUÊ NGOẠI

Truyện ngắn của PHẠM PHÁT

THỦY tổ họ Dương là Tiết độ sứ Dương Đình Nghệ, nguyên Hào trưởng Châu Ái (vùng đất Thanh Hóa bây giờ), người có công lớn vây đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán về nước, khôi phục quyền tự chủ cho đất Giao Châu vào năm 931.

Sau đó, Tiết độ sứ bị một bộ tướng làm phản, sát hại để đoạt quyền và cầu viện nhà Hán.

Hai con của Tổ là nữ tướng Dương Thị Như Ngọc (sau là vợ Ngô Quyền) và tướng quân Dương Tam Kha đã cùng Ngô Quyền diệt tên phản tặc và sau đó đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, buộc vua Tàu phải rút quân về nước, chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc của nước ta.

Đến thời Lê, cư dân vùng Thanh Nghệ đã mang gươm theo vua Lê Thánh Tôn đi Bình Chiêm mở nước về phương nam. Dấu chân của những tòng binh lập nghiệp đến đâu, làng mạc mọc lên đến đó.

Trong những ngôi làng Việt đầu tiên trên đất Quảng ngày ấy, có một làng nằm trên bờ sông Thu Bồn, gần đường thiền lý, cách Hội An không xa, được chúa Nguyễn Hoàng chọn làm dinh trấn Quảng Nam, đã cùng Hội An sớm trở thành một nơi phồn thịnh vào bậc nhất của xứ Đàng Trong thời ấy. Đó là Thanh Chiêm. Và trong những tiễn hiền hậu hiền có công khai cơ lập nghiệp làng này có hậu duệ của thủ tổ Dương Đình Nghệ từ Thanh vào. Rồi đời này qua đời khác, sinh con đẻ cháu thành dòng tộc Dương - Thanh Chiêm ngày nay. Mẹ tôi là con gái của nhà họ Dương ấy.

Nhưng gốc tích lẫy lừng ấy của quê ngoại tôi mãi sau này tôi mới biết. Vậy mà từ thuở chín mươi, tôi đã quyến luyến với vùng quê này lắm. Trời đất sinh thế! Hàng năm, ngoài ba tháng hè gần như được ở với ngoại, còn ra tết nhất, ngày đón ngày kỵ, cha mẹ tôi thường cho tôi về miệt. Hễ được về ngoại là trong người cứ nôn nao như trẻ bảy giờ sắp được đi du lịch xa.

Tối hôm trước, khi lên giường, mẹ dặn nhỏ: "Sáng mai, hễ mẹ nhéo một cái vào đít là phải ngồi dậy ngay, sè sẹ kèo em thức dậy hẵn đòi." Tôi dạ thật to rồi nhảy cà tung trên giường như phát khùng.

Sáng hôm sau, mẹ tôi cắp rổ mây, như cái lán của các bà, các chị bảy giờ, tong tá đi trước, tôi lúi lúi vừa chạy theo vừa réo mẹ chờ. Mẹ tôi không quay lại, giục đi mau kẻo hết xe.

Xe đây là xe kéo, thường gác gọng chờ khách ở Quán cơm đầu đường. Anh phu xe người cùng làng với mẹ, vừa thấy bóng mẹ con tôi, đã đơn đẵ xác càng trờ xe tôi:

- Hôm nay trên nhà có đám hả cô Năm? Mẹ tôi tươi cười "Ờ" một tiếng nhỏ thay lời chào, khẽ vén tà áo dài phía sau ra trước bụng, bước một chân lên rồi nhắc gọn người vào xe. Anh xe bế thốc tôi đặt vào lòng mẹ. Mẹ tôi đưa tay đỡ và kéo tôi vào lòng. Nhưng tôi lại muốn chồm tới để nhìn anh xe. Anh nhắc gọng xe, mặt quay về phía trước, sửa cho ngay ngắn cái nón lá hép vành như nón lính thú ngày xưa, bắt đầu đưa những bước nhỏ. Ông quần buông lững

(Xem tiếp trang 20)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



GIẢM BỚT HỘI HỌP

Nhà văn CAO NĂM

TRONG sự nhốn nháo sinh ra từ mặt trái của cơ chế thị trường những năm gần đây, có thể nói hội họp cũng là cái nan gáy bức xúc trong nhân dân. Chẳng thế, câu nói đầy chất bí hài "đâu có họp là ta cứ đi!" đã thành cửa miệng của nhiều người.

Thời thi đũa cắp, đũa kiều hội họp, thấp là phường, xã, quận, huyện, cao là tỉnh, thành, ban, ngành bộ trung ương. Chỉ kể sơ kết thôi, một năm không biết đã có đến bao nhiêu cuộc sơ kết, chứ đừng nói đến tổng kết, với diện rộng, và tất nhiên số đại biểu cũng đông hơn, tốn kém tiền của nhiều hơn. Khi ra cần bộ phuơng, xã mà tôi biết hầu như cả tháng chỉ có đi họp, hết ở xã, phuơng lại huyện, quận, nhiều khi còn lên tận thành phố.

Họp đã thế, hội cũng chẳng kém (đây không nói lễ hội, chỉ nói hội họp thôi). Không hiểu sao mươi năm nay nhiều kiểu hội thế, chưa kể hội thảo, hội đàm, hội nghị (cũng quanh năm từ mùa mở ra đầy đặc không kém họp), chỉ kể hội thi đã không biết có man nào là cuộc hội thi. Xin đơn cử mấy dạng mà không ở đâu, không năm nào không diễn ra các hội thi bí thư chi đoàn giỏi, bí thư chi bộ giỏi, chi hội trưởng nông dân giỏi, chi hội trưởng phụ nữ giỏi, mặt trận thi dân vận khéo, rồi kể chuyện theo sách, tuyên truyền viên dân số, v.v... Hội thi nào cũng tiến hành rầm rộ mấy tháng trời, có khi kéo dài cả năm, và thường được "tiến hành từ cơ sở" lên huyện, quận, tỉnh, thành thậm chí tận trung ương. Thường những cuộc hội thi như thế không phải ai đăng ký là thi, mà phần nhiều có "dự kiến" trước, nghĩa là được chọn để bồi dưỡng "cô bài bản", thậm chí còn có người "luyện giọng" cho trước khi đi hội thi nữa! Thực công phu, và dĩ nhiên là phải tốn kém công quỹ.

Tác dụng của những cuộc họp hành, hội thi xin miễn bàn, đây chỉ nói dưới góc độ giảm chi tiêu công để kiểm chế lạm phát theo tinh thần Nghị quyết số 11 của Chính phủ. Ai cũng biết, những cuộc họp hành, hội thi mấy năm qua tổ chức tràn lan và hầu như không theo một quy định thống nhất nào. Và chín mươi chín phần trăm các cuộc hội họp đều có "tiêu chuẩn", bắt kể người đến dự thuộc đối tượng nào, người đương chức, hưởng lương Nhà nước, hay người không hưởng lương, cũng đều "phong bao" như nhau. Quả là một sự vô lý mặc nhiên được "thừa nhận", không những làm tổn hại công quỹ Nhà nước mà còn tạo ra sự mất công bằng trong xã hội, trước hết là ngay trong đội ngũ công chức Nhà nước, thậm chí ngay trong một cơ quan, đơn vị, địa phương. Thế nên, có lẽ đã đến lúc Thủ tướng Chính phủ mạnh tay ra một quyết định cấm tất cả các cấp, các ngành, tổ chức chính trị, xã hội (có hỗ trợ kinh phí Nhà nước) không được chi tiêu hội họp cho những người đương chức, hưởng lương Nhà nước và cắt giảm tối mức tối đa những cuộc hội họp tập trung, tăng cường hội họp trực tuyến, qua internet, có hình thức kỷ luật đối với những cán bộ lãnh đạo cho chi "tiêu chuẩn" hội họp sai nguyên tắc. Chính phủ đang làm mọi cách để kiểm chế lạm phát, và đây cũng là một biện pháp nhằm giảm chi tiêu công, góp phần thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ một cách thiết thực. ■



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM CHÚC THỌ CÁC NHÀ VĂN CAO TUỔI

SÁNG ngày 15 - 3 - 2011, Hội Nhà văn tổ chức gặp mặt các nhà văn cao tuổi. Đồng đảo các nhà văn từ 70 trở lên đã đến dự. Các nhà văn Học Phi và Vũ Đức Phúc (99 tuổi) cùng các nhà văn hơn 90 như Vũ Khiêu, Tô Hoài... không tới được vì lý do sức khỏe. Nhà văn cao tuổi nhất có mặt hội trường là nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, hơn 90 - ông là đại diện cuối cùng của phong trào Thơ Mới 1932 - 41.

Thay mặt Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Hữu Thỉnh đã nói lời chúc mừng và ghi nhận những đóng góp rất quan trọng của đội ngũ các nhà văn cao tuổi cho nền văn học nước nhà. Ông nhấn mạnh, trong lĩnh vực sáng tạo đương như các nhà văn cao tuổi vẫn ngày một sung sức, thể hiện độ chính của tư duy nghệ thuật. Bằng chứng là, trong cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 3 vừa kết thúc năm 2010, đã có không ít nhà văn cao tuổi chiếm lĩnh những đỉnh cao của cuộc thi như nhà văn Nguyễn Quang Thành, Bùi Bình Thi, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Khắc Phê và đó đều là những tác phẩm để lại những ấn tượng mạnh cho độc giả không chỉ về sự thành công trong nghệ thuật thể loại mà còn đạt tới sự chân chán của tư tưởng, dấu hiệu thể hiện rõ ràng hiểu biết sâu sắc cuộc sống của nhân dân ta trong những năm tháng đã qua.

Bên cạnh sự tiếp tục thành công trong sáng tạo, các nhà văn cao tuổi cũng đã có nhiều ý kiến đóng góp xây dựng tổ chức Hội, xây dựng các cơ quan cấp 2 của Hội. Đó đều là những ý kiến tâm huyết, Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội Nhà văn sẽ nghiên cứu nghiêm túc những ý kiến đó để tiếp tục đổi mới công tác Hội, xây dựng các cơ quan cấp 2 của Hội, đặc biệt là các cơ quan báo chí xuất bản, đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới.

Chủ tịch Hội Nhà văn cũng đã thông báo với các Nhà văn cao tuổi có mặt trong buổi gặp mặt và



chuyển lời tới các Nhà văn cao tuổi trong cả nước những hoạt động của Ban Chấp hành khóa VIII, trong đó có chương trình chăm sóc và đầu tư, khích lệ các Nhà văn cao tuổi có điều kiện phát huy hết những thế mạnh sự từng trải về tuổi đời, tuổi nghề của mình, đóng góp cho nền văn học nước nhà nhiều tác phẩm xuất sắc hơn nữa, tiếp tục là những trụ cột quan trọng của nền văn học Việt Nam trong nhiều năm tới.

Nhà văn Xuân Cang thay mặt các nhà văn cao tuổi cảm ơn sự quan tâm của Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội Nhà văn với các nhà văn cao tuổi. Ông cũng xin được chuyển lời của nữ Nhà văn cao tuổi Lê Minh, vì lí do riêng không tới dự cuộc mít启蒙 nay rằng: Hội Nhà văn hãy luôn nhận thức lực lượng các Nhà văn cao tuổi hiện vẫn là một lực lượng mạnh, đang "thường trực" sáng tác trong đời sống văn học. Vì thế sự quan tâm của Hội không chỉ mang ý nghĩa chính sách, mà phải coi là một hướng đầu tư chiến lược để khai thác hết tiềm năng sáng tạo của đội ngũ những nhà văn từng trải, có tay nghề và rất tâm huyết với dân, với nước. ■ PV

TOẠ ĐÀM NHỮNG CHIẾC GAI TRONG MƠ

TÂP thơ song ngữ "Những chiếc gai trong mơ" của nhà thơ Nguyễn Bảo Chân là nội dung buổi toạ đàm diễn ra sáng ngày 12-3 tại Hội trường báo Văn nghệ. Cuộc toạ đàm do Ban nhà văn Trẻ và báo Văn nghệ Trẻ phối hợp tổ chức. Các ý kiến trong cuộc toạ đàm này không chỉ có giá trị về học thuật mà còn là những trao đổi mang tính chất chuyên môn trên tinh thần thẳng thắn và xây dựng.

Nhà phê bình Lê Thành Nghị nhận xét: thơ của Bảo Chân là những vết khắc chân thực từ tâm khảm, là chất lọc những cảm nhận. Nhà thơ Đặng Huy Giang chia sẻ: "Có cảm giác, bằng trái nghiệm của riêng mình, thông qua một cách nói giàu nhịp điệu, giàu hình ảnh và tự nhiên, Nguyễn Bảo Chân đã thấm cảm ơn nỗi đau bằng thơ và chính nỗi đau

bằng thơ đã làm cho con người chỉ lớn dậy". Nhà phê bình Văn Giá tâm đắc với việc lập tứ và triển khai tứ của nhà thơ Bảo Chân. Đặc biệt, việc dồn trọng tâm vào câu cuối cùng làm bài thơ trở nên long lanh và tạo dựng nên tầm vóc cho bài thơ. Nhà thơ Nguyễn Thuỷ Kha đánh giá: đọc tập thơ có cảm giác như Nguyễn Bảo Chân dám sống đến nát lòng biển cả. Tuy nhiên ông cũng lấy làm tiếc vì trong tập thơ đôi chỗ tác giả dùng từ còn có phần quen tai, thả lỏng và thậm chí hơi dễ dãi.

Tuy không phải là tập thơ song ngữ hiếm hoi xuất hiện thời gian gần đây, nhưng tập thơ "Những chiếc gai trong mơ" của Nguyễn Bảo Chân đã thực sự "ghi điểm" bởi việc chuyển ngữ và cũng là quá trình sáng tạo những tác phẩm thơ bằng hai ngôn ngữ, vừa tinh tế, vừa ám ảnh.

Cũng tại buổi toạ đàm, lá thư của GS-TS Harry Aveling (Trung tâm nghiên cứu QT, Trường ĐH Ohio Athens, Hoa Kỳ) đã được gửi tới những người có mặt trong khán phòng. Lá thư có đoạn viết: "Những cuốn sách hay đáng được xã hội nhận nhận bởi chúng dâng tặng bạn đọc, những người yêu văn chương, những người yêu thích một cái gì đó mới mẻ và trưởng tồn - sự hiểu biết sâu sắc hơn về đời sống, được diễn đạt với ngôn ngữ thuần khiết nhất... ở đây có những dấu vết của niềm vui và nỗi buồn, của hy vọng và thất vọng, của những chiếc gai hằn in trong những giấc mơ ngọt ngào nhất. ■ PV



HỘI THẢO QUỐC TẾ VỀ TIẾP CẬN VĂN HỌC CHÂU Á TỪ LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI PHƯƠNG TÂY

TRONG báo cáo để dẫn mở đầu Hội thảo này tại Viện Khoa học Xã hội Việt Nam sáng hôm 14-3-2011, Viện trưởng Viện Văn học PGs.Ts. Phan Trọng Thường nói vấn đề nổi lên hiện nay trong khu vực nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học vẫn là tương quan giữa những cái được xem như tính đặc thù phương Đông của văn học và tính phổ biến của các lý thuyết văn chương, rộng hơn là văn hóa học và khoa học nhân văn khác du nhập từ phương Tây; tình trạng tiếp xúc và tiếp nhận cùng lúc nhiều lý thuyết như vậy từ những nguồn phát sinh đa dạng có thể là một nguyên nhân gây những rối ren nhầm lẫn cả trong nghiên cứu và tiếp nhận.

Hội thảo quốc tế lần thứ hai này được tiến hành trong khuôn khổ hợp tác giữa Viện Văn học Việt Nam với Viện Harvard-Yenching và Quỹ Japan Foundation nhằm thảo luận về tính tương thích trong sự vận dụng lý thuyết vào nghiên cứu như đã nói trên cùng các cơ hội và thách thức thường xuyên trên quá trình đó.

Phản thảo luận của các học giả Việt Nam, cho thấy sự du nhập các lý thuyết văn chương và khoa học nhân văn khác vào nghiên cứu văn học Việt Nam là một thực tiễn phong phú đã thực sự kiến tạo nên bộ mặt văn học ngày nay, đồng thời, như một dấu chỉ của vận động, cũng đặt ra những vấn đề từ thực tiễn đó, đặc biệt trong tình trạng một chuyển đổi kép như những năm gần đây.

Phản thảo luận của các học giả từ Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan đóng góp cái nhìn trên những hướng mới này. Đồng thời cũng đặt một loạt câu hỏi khiến chúng ta phải suy nghĩ lại về các lý thuyết từ việc vận dụng chúng trong các môi trường xa lạ, dẫn đến một sự hình thành lại lý thuyết trong quá trình và tư duy nghiên cứu.

Hội thảo kết thúc sau hai ngày làm việc tích cực và tiếp nối bằng các thuyết trình chi tiết hơn của ba giáo sư Harvard tại Viện Văn học cho đến cuối tuần. ■

NGUYỄN CHÍ HOAN

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT:

ÙN ÙN KÉO ĐẾN...

BỐNG LAI

Năm nào cũng có những chuyện nghe vừa thương lại vừa tức dân mình. Chuyện: Vùng kia có khu vườn, thanh thao không khí thế nào mà người bệnh chỉ cần vò đáy vài bùa là khỏi liền. Tin ra, người ủn ủn kéo đến cả trăm cả ngàn, khỏi còn chỗ mà chen chân chờ đứng nói chỗ đó... ! Mùi mồ hôi, mùi dù thử tật bệnh, mùi của rác thải ôi thiu lẩn mùi thực phẩm đã qua bộ máy tiêu hóa "chế biến" khiến nhất định cái không khí thanh thao ấy (giả dụ vậy) đã ô nhiễm nặng rồi mà người ta vẫn không thôi kéo đến...

Cả chuyện này nữa. Những người làm thống kê bảo rằng càng năm càng tăng, hàng triệu khách du lịch đi viếng Chùa Hương, Phú Già, viếng Bà Chúa Kho, Bà Chúa Xứ, vân vân... Du lịch ư ? "Có đâu mà du với chả lịch ! Người ta cứ nói thế, bọn em năm nào mà không kéo nhau mài nhẵn cửa đến. Xin lỗi ngài cho nhau rồi về còn bán hàng". Một bà buôn nhang ở ngôi chợ tỉnh bảo. Quả có vậy, người người nhẽ nhại mồ hôi chen nhau, "du" đầy nhau mau đến chỗ thiêng rồi "lịch" rịch bày ra những xôi cùng oán, lầm rầm khấn tài khấn lộc trong mù mịt sặc sụa khói hương ! Lấy đâu sự thường lâm ? Thậm chí chẳng có gì mà thường lâm ! Đây là chưa nói bộ rạc cảnh ăn uống, nhọc nhằn nơi ngự "nhất quận công".

Còn gì để tức để giận nữa ? Còn ối. Nhưng kể thêm một chuyện thôi cho khỏi nhảm chử. Chuyện: Nam Định là tỉnh kinh tế phát triển chưa mấy khởi sắc, lâu nay ít được dư luận quan chiếu. Đột nhiên vài năm gần đây xảy chuyện rôm rả phát ấn đến Trần thu hút cả nước. Tất nhiên là lại ủn ủn kéo đến. Giận và thương dân mình u thì có u, mê thì có mê đã đành, nhưng không tới đây để cầu siêng năng phú quý sung túc, cầu mưa thuận gió hòa mà cầu cái sự cưỡi đầu cưỡi cổ làm ông nọ bà kia. Có cái sự này là tại cái sự đồn. Còn đồn từ đâu ra thì đố ai biết. Đồn rằng... Cô, cậu, chú, bác kia nhờ có được cái ấn son vua Trần mà năm rồi thế này... thế này... Nghe đồn là tin, dân ta vậy. Mà cái chuyện ham hố quan quyền chức tước ở xứ mình cũng là có thật; xin đừng phủ nhận. Nó có nguồn gốc cả đấy. Vấn đề này đủ đất cho một luận án tiến sĩ dày dặn thi triển. Xin gợi ý : ông ngoại của nguyên nhân là nến Khổng học, còn ông nội của nó là cái học đường cả ngàn năm chăm chỉ đào tạo độc một nghề : nghề leo vồng làm quan. Ông Jean Marquet, nhiều năm làm Giám đốc Nha học chính Đông Dương thời thuộc địa, từng có một nhận định sắc sảo và xác đáng trong tác phẩm "Ngũ hoa" (Giải thưởng Viện Hàn lâm Pháp) của mình như sau: "Trong mỗi người Tàu có một gã lái buôn, còn trong mỗi dân An Nam là một ông quan" (*) Chuyện này xin chưa bàn ở đây. Chỉ bàn cái cả tin đáng giận của người mình. Nhưng có thương giận dân mình một thì lại thấy tội cho các nhà chức trách mưu. Các ngài hình như, năm này qua năm khác, chẳng chế được cái sự "ùn ủn kéo đến" khiến nó cứ phình mãi thêm, u mê mãi thêm, lầm trộ lầm kiểu mãi thêm. Bởi chỉ một chuyện tai chính thôi, nguồn thu tăng đủ để xoa tay cười. Nay là từ dịch vụ ăn uống, này là từ dịch vụ trông xe, này là... Địa phương không chủ trương thu tiền "ấn phí". Tốt. Dung mả.. .Đừng nghe những kẻ đi dự lễ về kể xấu _ lời nói chẳng mất tiền mua _ hãy nhìn những bức ảnh được đăng tải : cứ 10 người thò tay qua khe cửa phòng vé, xin lỗi, phòng phát ấn (trong cứ như cái cũi) thì thấy tới 9 người kẹp theo một tờ bạc. Kẻ thứ 10 bảo : Tôi chờ dài tay dài cổ chẳng thấy động tĩnh gì, đành làm theo người ta, thế là được ngay một cái ấn Trần!

Báo chí đã có ý kiến rất nhiều trước những xáo xí của cái tục phát ấn(ai bày cái tục này ?). Mong mỏi rằng... Thị vừa hay Ban tổ chức họp lại tổng kết, có cả các vị đầu tỉnh và thành phố tham dự. Ông Chánh thành phố : Công tác tổ chức đã đổi mới, sẽ nghiên cứu để việc phát ấn được khoa học hơn. Ông Phó tỉnh : Đã tốt rồi cần tốt nữa. Xem xét để lùi lại thời điểm phát ấn và kéo dài thêm (?) thời gian lễ hội. Ông Chánh tỉnh : Tỉnh chủ trương giữ nguyên lễ tục này, chỉ cần tổ chức cách phát ấn sao cho trật tự là ổn.

Thế là rõ. Địa phương quyết tâm bảo lưu việc phát ấn nhưng còn đang nghĩ xem có cách nào hay hơn, khoa học hơn, đỡ lộn xộn ngắt xỉu hơn. Có hai cách _ xin mạnh dạn gợi ý _ đảm bảo chắc chắn 100% thành công và trật tự.

Một, chấp nhận ý kiến của ông thủ từ điển là, các cá nhân, tập thể nào có nhu cầu (?) nên đặt trước số lượng. Ngoài ra, cần mở các đại lý phát ấn khắp cả nước, những tỉnh lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh thì có nhiều đại lý. Chu đáo hơn nữa, việc phát ấn có thể thực hiện ròng rã cả năm, thậm chí 24 trên 24.

Hai, bỏ đi, nghỉ cái việc phát ấn này đi cho khỏe. Thế. ■

(*) Nguyên văn: "Dans chaque Chinois il y a un commerçant comme dans chaque Annamite il y a un mandarin" ("Les cinq fleurs", Jean Marquet, Paris, 1928)

ĐỘNG ĐẤT, SÓNG THẦN VÀ TINH THẦN NHẬT BẢN

SONG ANH

TRẬN động đất được coi là lớn nhất trong vòng một thế kỷ trở lại đây diễn ra vào ngày 11-3-2011 vừa qua tại Nhật Bản kéo theo những hệ lụy khác là sóng thần và những vụ nổ nhà máy điện nguyên tử Phukushima 1 và 2 đã khiến nước này chịu tổn thất nặng nề. Báo chí Nhật cho biết, tổn thất chung về người có thể lên đến con số sáu nghìn người.

Không thể không lo lắng và chia sẻ với những người Nhật đang đối đầu với tai họa. Tuy vậy, trong những câu chuyện mỉm cười đang diễn ra hàng giờ ở Nhật, ta vẫn có thể nhìn thấy những điều phi thường kỳ lạ. Đó là sự kiện cường của người Nhật trong cuộc đối đầu với thiên tai.

Một vị bác sĩ Nhật tư hào tuyên bố với báo chí: "Những trận động đất xảy ra hàng năm trên đất nước Nhật, và cả trận lớn như thế này cho thấy người Nhật thật sự rất kiên nhẫn và đoàn kết. Cho dù biết bao nhiêu người bị tổn thất, mất mát, đau đớn cùng cực, người Nhật vẫn không để mất đi tinh thần trật tự xã hội của mình". Trong số hơn 200 người được sơ tán khỏi khu vực nhà máy điện nguyên tử, có rất nhiều người vẫn tỏ ra tin tưởng vào chính phủ. Một người đàn ông trả lời phỏng vấn hãng tin Kyodo ngày 15-3 đã khẳng định: "Chính phủ bảo cứ bình tĩnh và tôi hoàn toàn tin tưởng họ".

Về phía mình, chính phủ Nhật đã bắt đầu chiến dịch ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng mà thiên tai gây cho nền kinh tế ngay ngày hôm sau khi xảy ra nguy biến. Thứ bảy, ngày 12-3, Ngân hàng trung ương Nhật Bản đã lập tức chuyển cho 13 nhà băng khu vực đông bắc 670 triệu đô la Mỹ ứng trợ khẩn cấp về tài chính; ngày 13-3 tuyên bố sẽ bằng mọi cách trấn áp các biểu hiện đầu cơ trên thị trường tài chính chứng khoán; ngày 14-3 ông Masaaki Shirakawa, thống đốc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản cho biết sẽ xem xét vấn đề điều chỉnh lãi suất... Tất cả đều nhằm việc cung cấp khả năng các ngân hàng giữ thị trường ổn định sau đợt thiên tai khủng khiếp vừa rồi.



Chiếc ô tô bị sóng cuốn lênh láng nhà

Các nhà phân tích kinh tế nhận thấy: bất chấp những thiệt hại nói trên, với việc đầu tư xứng đáng vào xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hồi được nguồn vốn về nước, nhờ những biện pháp tích cực kích thích nền sản xuất công nghiệp từ phía chính phủ, ở Nhật Bản cuối 2011 đầu 2012 vẫn sẽ có một cuộc "bung nổ" về sản xuất công nghiệp. Từ *The Guardian* dẫn lời các chuyên gia kinh tế người Nhật cho rằng: động đất khiến nền kinh tế của Nhật phát triển tích cực hơn chứ không hề làm nó yếu đi. Chủ nhật vừa rồi, chính phủ Nhật đã bác bỏ đề xuất của phe đối lập là tăng dần thuế trong nước, tuyên bố sẽ thực hiện mọi biện pháp nhằm ổn định thị trường, có thể sẽ áp dụng những biện pháp mạnh về hành chính đối với những hiện tượng đầu cơ tích trữ. Quan sát viên của tờ *Kommersant* (Nga) cho rằng, trong 25 trở lại đây cứ mỗi lần đổi mặt với những trạng huống gây chấn động xã hội quy mô lớn thế này, Nhật Bản thường áp dụng các biện pháp kích cầu đúng lúc và

nhanh chóng. Trong trường hợp có nguy cơ lạm phát, ngân hàng quốc gia Nhật Bản thường coi quá trình lạm phát như một hiện tượng tất yếu cần phải có. Và cuối cùng hầu như các chuyên gia kinh tế xã hội đều nhất trí nhận xét, Nhật Bản không ngần ngại tiếp tục tăng các khoản nợ chính phủ mà hiện nay đã chiếm đến 196% GDP.

Không hiểu sao tôi rất nhớ và thích thú với một chi tiết trong bộ phim "Trở về tương lai" của đạo diễn Robert Zemeckis (Mỹ) thực hiện năm 1985, trong đó có đoạn nhân vật chính từ những năm 80 của thế kỷ XX rơi vào những năm đầu sau thế chiến I, khi nền kinh tế Nhật Bản được coi như một con số không tưởng so với thế giới. Nhân vật chính của câu chuyện đã khiến những người thời đó ngạc nhiên khi nói đến Nhật Bản như một đất nước có nền công nghiệp tân tiến, có cả ô tô và đồ điện tử "sành điệu". Tin làm sao được chứ! Thay đổi bộ mặt một đất nước từ quá khứ đến hiện tại đã là khó, thay đổi từ quá khứ đến... tương

lai thì quả thật phi thường.

Trong suy nghĩ của tôi, Nhật Bản là một dân tộc phương Đông hết sức lâng mạn với truyền thuyết về chàng Izanagi và nàng Izanami bắc Thiên Cầu Kiều xuống hạ giới ướm mầm cuộc sống, nhưng đồng thời cũng hết sức thực tế và khắc kỷ trong việc rèn luyện ý chí con người. Y chí, lòng tự tôn dân tộc, ý thức kỷ luật của mỗi cá nhân làm nên sức mạnh của cả xã hội Nhật Bản. Nếu không thể, làm sao họ có thể khôn khéo và bất khuất đối đầu với thiên tai vẫn diễn ra mặc định hàng năm, không một lời kêu than, ca thán! Nói lan man thêm một chút, tôi chợt nhớ tới chị Văn Chi, một người bạn lớn của tôi hiện đang giảng dạy tại trường DH Tổng Hợp Hà Nội, có chia sẻ những ghi chép của chị sau khi đọc một bài viết có tên là "Tinh thần nghệ nhân" của Nhật Bản như thế này: Đối với một thợ làm gốm Nhật Bản, "mất ba năm để học rèn đất sét cho giỗ, mười năm để sử dụng bàn xoay giỗ"; Với người nấu ăn "mất mười năm chỉ để học cách sử dụng con dao trong nhà bếp, mười năm khác cho việc chế biến các món theo mùa". Với thợ làm mứt kẹo theo kiểu Nhật thì "phải mất ba năm để học cách điều khiển ngọn lửa trong lò, mười năm nữa để làm mứt dỗ"; và với thợ điêu khắc thì "phải cúi thấp ba lần trước một nét chạm trổ." Chính vì vậy mà người thợ thủ công hiện nay được coi như không chỉ là những chuyên gia - những người có được một sự nghiệp có ý nghĩa trong cuộc đời của họ mà còn là hiện thân của danh dự, tính ngoan cường, tính kiên định và lòng nhiệt tình.

Nhớ lại những chi tiết trên, thêm những gì tôi đã từng được biết về tinh thần Nhật Bản - những "đạo" kinh doanh và triết lý làm người của họ, tin tưởng rằng người Nhật một lần nữa, bằng ý thức mạnh mẽ về danh dự, tính ngoan cường, tính kiên định và lòng nhiệt tình sẽ nhanh chóng vượt qua những thử thách mà họ đang phải đối mặt trong những ngày tháng ba này.■

THÔNG BÁO VỀ VIỆC XÉT GIẢI THƯỞNG HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM NĂM 2011

TRONG kỳ họp thứ 3, Ban Chấp hành Hội Nhà văn khóa VIII đã quyết định sửa đổi một số điểm trong Quy chế xét Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam. Một trong những sửa đổi đó nhằm làm cho Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam cập nhật với đời sống văn học trong nước. Từ năm 2010 trở về trước, Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam được trao cho những tác phẩm xuất bản năm trước đó. Nhưng từ năm 2011 đến năm 2015, Giải thưởng sẽ được trao cho những tác phẩm xuất bản từ ngày 1 tháng 11 của năm trước đến ngày cuối cùng của tháng 10 năm sau dựa theo ngày nộp lưu chiểu.

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2011

có một điểm đặc biệt là xét các tác phẩm xuất bản trong cả 2 năm tính từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 10 năm 2011. Vì Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2010 chỉ trao cho những tác phẩm xuất bản trong năm 2009, do đó, để tạo điều kiện về thời gian cho việc đọc một khối lượng lớn tác phẩm được đề cử xét Giải thưởng Hội Nhà văn năm 2011, các Hội đồng nghệ thuật của Hội Nhà văn Việt Nam sẽ tiến hành công việc sơ khảo sớm hơn so với các năm trước.

Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam xin thông báo thời gian nhận các tác phẩm để cử cho Giải thưởng năm 2011 chia làm hai đợt:

• **Đợt một**: nhận các tác phẩm xuất bản từ 1/1 đến 31/12/2010. Hạn cuối cùng nhận các tác

phẩm để cử đợt một là ngày 15/4/2011.

• **Đợt hai**: nhận các tác phẩm xuất bản từ ngày 1/1 đến 31/10/2011. Hạn cuối cùng nhận các tác phẩm để cử đợt hai là ngày 15/11/2011.

Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam trân trọng đề nghị các nhà xuất bản trong cả nước, các Hội VHNT địa phương, các cơ quan báo chí, các Hội đồng nghệ thuật của Hội Nhà văn Việt Nam, các Chi hội nhà văn hoặc các Ban Liên lạc nhà văn và các cá nhân là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam giới thiệu các tác phẩm tốt dự xét giải.

Các tác phẩm dự giải xin gửi về Ban Sáng tác, Hội Nhà văn Việt Nam số 9, phố Nguyễn Ðình Chiểu, Hà Nội.

BAN CHẤP HÀNH
HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

HÙNG ngày đầu xuân Tân Mão, cả thị xã Sầm Nưa tỉnh Hủa Phan trên đất nước bạn Lào, rực rỡ mầu hoa đào và trắng xóa hoa ban như để chào đón đoàn cán bộ cấp cao tỉnh Thanh Hóa sang thăm hữu nghị chính thức tỉnh Hủa Phan kết nghĩa. Hai bên đường vào khu trung tâm chính trị tỉnh, nhân dân các bộ tộc Lào cùng với quân đội và các cháu thiếu nhi nối dài, trên tay mỗi người đều cầm cành đào vẩy chào làm tôi cứ ngỡ đang mơ.

Dãy núi Ca Na Xa giữa thị xã có dòng Nậm Sầm chảy dưới chân mang hình một dôi tay luồn giang rộng đón bạn bè xa gần. Trên gương mặt mỗi con người ở đây xinh sáng như cánh đào khoe sắc giữa mùa xuân. Mỗi tỉnh Thanh Hóa-Hủa Phan có từ lâu lâm rồi. Hai tỉnh có chung 192 cây số đường biên giới. Dòng sông Mã qua tỉnh Sơn La đột ngột đổ vào đất Hủa Phan cứ thế rong ruổi, vắt vã suốt 62 cây số trên đất bạn mới chảy vào Thanh Hóa ở Na Tao huyện Mường Lát, rồi hành trình hơn ba trăm cây số qua 11 huyện thị tỉnh Thanh tạo nên hàng trăm thác ghênh và cơ man huyền thoại. Chính dòng sông Mã quấn quanh các dân tộc hai tỉnh lại bền nhau như mói cơ thể không thể tách rời.

Tỉnh trưởng Khăm Hùng xuất thân là bác sĩ và đã từng công tác tại Bệnh viện Việt Trung Thanh Hóa nên ông rất am hiểu địa lý và con người xứ Thanh.

Trong cuộc hội đàm giữa hai đoàn cấp cao của hai tỉnh, ông khẳng định rằng trong nhiều thập kỷ qua Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa đã giúp Hủa Phan vô tư và tận tình đúng nghĩa anh em. Một tỉnh có 8 huyện, 91 vùng và 750 bản ngoài việc tập trung phát triển kinh tế, đảm bảo tốt an ninh quốc phòng hiện đang tập trung xây dựng khu du lịch lịch sử tại Viêng Xay, nơi đã từng là căn cứ địa cách mạng của Đảng nhân dân cách mạng Lào từ năm 1963 đến năm 1975.

Thanh Hóa đã giúp tỉnh chúng tôi xây dựng hàng trăm công trình ở khu căn cứ cách mạng như bệnh viện, trường cấp 3, thủy lợi, thủy điện, đường giao thông và nhiều công trình cho an ninh quốc phòng không chỉ ở thị xã Sầm Nưa mà nhiều nhất là ở Viêng Xay và huyện Xiêng Kho. Trong chiến lược đào tạo nhân lực Thanh Hóa cũng đã làm nền móng nâng cao trí tuệ cho Hủa Phan để có một Hủa Phan nhiều hứa hẹn như hôm nay.

Sau những lời đầy tinh nghĩa của tỉnh trưởng Khăm Hùng, tiến sỹ Trịnh Văn Chiến, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tóm lược những việc làm được và chưa làm được của hai tỉnh thông qua bản thỏa thuận hợp tác kinh tế văn hóa, an ninh quốc phòng ký ngày 15-6-2006 tại Hủa Phan.

Qua phát biểu của Chủ tịch Trịnh Văn Chiến tôi được biết, tổng giá trị hàng hóa trao đổi qua cửa khẩu Na Mèo giữa Thanh Hóa và Hủa Phan là trên 18 triệu USD. Năm năm Thanh Hóa đã giành kinh phí giúp Hủa Phan gần 20 tỷ đồng Việt Nam, trong đó đầu tư cho các công trình là 13 tỷ và 7 tỷ chi trực tiếp cho lưu học sinh Hủa Phan đang được đào tạo tại Thanh Hóa. Các bệnh viện đa khoa dọc biên giới đã khám điều trị cho 768 lượt cán bộ và nhân dân Hủa Phan.

Nhiều việc, nhiều con số đáng nói, đáng nhớ nhưng tôi nhớ nhất trong cuộc hội đàm vẫn là nghĩa tình sâu sắc của hai tỉnh và hai dân tộc suốt mấy chục năm qua. Đồng chí Trịnh Văn Chiến quan tâm nhiều đến an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế của hai tỉnh. Đặc biệt là bảo vệ sử dụng lưu vực sông Mã trên đất bạn hơn 60 cây số. Nếu môi trường nước không được bảo vệ tốt thi nguồn nước sông Mã khi chảy về Thanh Hóa hơn 300 cây số sẽ rất khó an toàn để phục vụ dân sinh.

Trong suốt ngày hội đàm cấp cao hai tỉnh, đồng chí Trịnh Văn Chiến đặt nặng vấn đề dồn sức cho nhau cùng phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho nhau tìm mọi biện pháp xóa đói giảm nghèo thật nhanh và hiệu quả. Tôi nhận ra cách ứng xử trong giao tiếp của vị chủ tịch còn rất trẻ này thật tinh tế và thiết thực ngay trong cuộc hội đàm. Lâu lăm rồi tôi mới thật sự mừng như thế, mừng cho một thế hệ lãnh đạo đầy hứa hẹn với công cuộc đổi mới trên quê mình.

TRỞ LẠI HÙA PHĂN

Bút ký của KIỀU VƯỢNG



Lễ ký kết hợp tác giữa hai Tỉnh trưởng và hai đoàn cấp cao Thanh Hoa - Hủa Phan

Kết thúc hội đàm, các doanh nghiệp trẻ Thanh Hoa đã trao cho bạn năm trăm triệu đồng Việt Nam để xây dựng ngay một số căn nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo tỉnh Hủa Phan. Các doanh nghiệp hai bên cũng đã bàn định, ký kết hợp tác. Công ty CP được vật tư y tế Thanh Hoa đã nhận đất để xây dựng tổ chức sản xuất và đại lý thuốc chữa bệnh tại Hủa Phan, còn các đồng chí lãnh đạo hai đoàn cấp cao đã dự lễ khởi công Trường chính trị tỉnh do Thanh Hoa tài trợ tại huyện Viêng Xay.

Chiều ấy, Chánh Văn phòng Tỉnh trưởng đưa chúng tôi đi thăm lại khu căn cứ cách mạng Lào trong các hang núi do quân tình nguyện Thanh Hoa đã làm năm mươi năm trước.

Tháng 8-1961, sau hiệp định ký kết giữa hai nước, công trường 217B được thành lập với hơn 5 ngàn thanh niên trẻ sang mở tuyến đường từ cửa khẩu Na Mèo đi Sầm Nưa và ngược bờ sông Mã lên huyện Xiêng Kho. Công trường do ông Vũ Bá, phó Ty Giao thông vận tải làm trưởng ban. Những năm tháng đầy cam go, đầy bi hùng ấy tôi không mấy khi dám nhắc lại. Chỉ nhớ bao gian nan nhưng tuổi trẻ luôn mang trên chiếc mũ là câu khẩu hiệu "Vì tinh nghĩa hữu nghị đặc biệt Việt Lào - Thanh niên Thanh Hoa quyết làm hết sức mình".

Đến tháng 3-1962, công trường chọn sáu trăm thanh niên khỏe ở toàn tuyến đi nhận nhiệm vụ đặc biệt. Chúng tôi được biên chế từng đại đội, mỗi đại đội vào mở và sửa chữa một hang. Công việc chính suốt ngày chỉ có đúc đẽo, đập phá các tảng đá chấn lối để mở thành một cái hang rộng và sâu hun hút. Công cụ sản xuất là chòng, búa, xà beng và đục sắt. Đá đục ra đến đâu, khênh vác đổ xuống những vực sâu để xóa dấu vết. Suốt 7 tháng 18 ngày trong hang, có lúc đường tắc, những ai ôm thật có ý tá xác nhận mới được ăn cháo bí đỏ nấu với mầm hạt gạo còn người khỏe đi làm thi ăn sẵn gạc nai thiếu muối. Ăn và ngủ trong hang đá, đại đội nào làm đâu chỉ biết đó, tuyệt đối không được giao lưu với bên ngoài. Những trận sốt rét vật vã hẫu như không trừ cho một ai nhưng tuổi trẻ hối ấy vượt lên tất cả. Ngày cuối cùng, chúng tôi được ra ngoài thấy có 5 chiếc xe tải bọc bat đứng sẵn. Một bữa liên hoan đặc biệt gồm thịt lợn luộc thái sẵn đặt trên các tàu lá chuối tươi giữa trắng cỏ non trước cửa hang. Chúng tôi thỏa sức ăn xôi, thịt luộc chấm với hạt mắc tên. Mấy chục năm rồi tôi vẫn có cảm giác đó là bữa ăn ngon nhất trong đời mình. Khi ăn xong tất cả lên xe

bọc bạt có linh công binh mặc đồng phục bông súng đứng kiểm tra và không để sót lại một ai vì phải đảm bảo bí mật tuyệt đối cho công trình. Xe chạy suốt một đêm và mãi chiều hôm sau nữa chúng tôi được đồ quân xuống bến phà huyện Cẩm Thủy để mò tiếp con đường từ xã Cẩm Sơn đi Điện Lư huyền.

Tròn năm chục năm trời trở lại Viêng Xay, tôi băng hoàng vì cái hầm chúng tôi đúc đẽo lại là nơi sống và làm việc của Hoàng thân Xu Pa Nu Vông từ năm 1963 đến năm 1975. Tôi gục đầu vào tảng đá cửa, kê cho nước mắt cứ trào ra, trong lòng tôi ngổn ngang bao nỗi niềm, bao kỷ niệm xưa cũ trên đất Viêng Xay. Nơi cửa hang này, thằng Sơn quê huyện Hậu Lộc lên cơn sốt rét ác tính, hắn num cổ áo tôi lôi ghi lại đòi thuốc ký ninh - thuốc có cồn viên náo đau mà cứu nó. Phải hai giờ đồng hồ quên quai, vật vã rồi mới rũ ra như con chim bị đạn kiệt sức và mới nhảm mắt được. Chúng tôi khâm liêm Sơn ngay ở cửa hang này. Nơi ấy hôm nay tôi trở lại có một cây bưởi xanh tốt đang trổ hoa thơm ngát. Mãi đến trưa ngày hôm sau, cả đoàn Thanh Hoa trở vào thăm di tích lịch sử, nơi ở và làm việc của Hoàng thân thi người giới thiệu du lịch mới thuyết minh là cây bưởi do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trồng lưu niệm năm 1975 khi đến dự Đại hội Đảng nhân dân cách mạng Lào trước khi Đảng và nhà nước Lào chuyển về thành phố Viên Chăn.

Căn hầm của Hoàng thân, của cố Tổng bí thư Cay Xóm Phông Vi Hản, của đồng chí Khăm Tày Xi Phan Dom đều do thanh niên Thanh Hoa mở hổn ấy hiện đang được tôn tạo và bảo vệ nguyên bản cho bạn bè khắp thế giới đến thăm quan du lịch. Hàng vạn khách du lịch đến đây nhưng không ai biết tông tích những người đầu tiên vào làm chiến khu này. Tôi hỏi người thuyết minh thì anh cười và bảo:

- Cả Viêng Xay có hàng ngàn cái hang. Còn cái khu này nghe nói là thanh niên tình nguyện Việt Nam làm.

Đoàn cán bộ cấp cao Thanh Hoa dừng lại rất lâu bên chiếc bàn đã đặt ảnh của 7 đồng chí ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào thời ấy. Sáu cái giường gỗ mộc thô sơ còn nguyên để các đồng chí Bộ chính trị nghỉ trưa sau buổi họp. Thật cảm động cho một thời gian khó khăn mà bọn phỉ Vàng Pao cấu kết với phản động ngoài nước chống phá quyết liệt cách mạng Lào thời kỳ còn non trẻ. Và thời ấy, may sao tuổi trẻ chúng tôi có mặt để chứng kiến ý chí quật cường, quyết giành

độc lập dân tộc của Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào.

Từ trong hang quay ra, tôi ngỡ ngàng vì phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa Hoàng Văn Hoảng cùng với một số giám đốc doanh nghiệp Hợp Lực, Tiến Nông, Công ty phát triển công nghệ an ninh đang nói chuyện với người bảo vệ việc gì đó có vẻ quan trọng lắm. Và rồi các anh gửi người bảo vệ một ít tiền để nhờ họ ngày đêm chăm sóc cho cây bưởi mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trồng lưu niệm 36 năm trước ở cửa hang lịch sử này.

Mùa này rừng Viêng Xay vẫn tràn ngập hoa đào đá. Những cây đào bao đời mọc tự nhiên phải nửa mặt lên mới nhìn thấy màu hoa rực rỡ. Và trên hàng các núi đá trùng điệp nối nhau mùa hoa ban, hoa mận như đến sớm hơn làm sáng cả một vùng núi rừng.

Hủa Phan, vùng đất, vùng rừng trùng điệp đã gắn quãng đời đầu trắc trung của tôi với bao kỷ niệm khó phai trong ký ức. Đêm cuối cùng của cuộc trở lại mảnh đất xưa cũ sau bữa cơm là múa Lầm vông- điệu múa truyền thống lâu đời của dân tộc Lào như có sức cuốn hút những ai đến với đất nước triều voi này "... O này cô gái Lào.... múa một mình sao nó không đẹp..."

Điệu nhạc Lầm vông đậm đốn, cuốn hút dòng người nối nhau thanh thản và bình yên.

Mãi tận khuya, tôi về khách sạn đang mơ màng định đi nằm thì tiếng gõ cửa làm tôi giật mình. Cửa bật mở. Anh Hoàng Văn Hoảng, phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy bảo tôi:

- Ta đến một nơi đặc biệt nữa rồi về hãy ngủ.

Mười hai giờ khuya, xe chạy vòng vèo qua bao đổi núi đến một khu nhà rộng rực ánh điện, tôi nhận ra Tỉnh trưởng Khăm Hùng và Chủ tịch tỉnh Thanh Hóa Trịnh Văn Chiến đang có mặt ở khu nhà này. Chúng tôi lặng lẽ cầm tay nhau bước vào bên các hố cát quan tình nguyện Việt Nam vừa được quy tập.

Trung tá Lê Bát Phong đội trưởng đội quy tập của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa cho biết:

- Đợt này ta cùng bạn đã quy tập thêm về đây được 133 hài cốt của các đồng chí hy sinh trên đất bạn. Hiện nay đội chúng tôi cùng bạn đang tập trung xác minh danh tính từng người trước khi đưa về nước. Trong số hài cốt quy tập đợt này chủ yếu là bộ đội nhưng có cả thanh niên tình nguyện, có cả những người hy sinh từ kháng chiến chống Pháp.

Chúng tôi đứng mặc niệm rất lâu bên căn nhà đặt hài cốt bao người con Thanh Hóa hy sinh qua nhiều giai đoạn khác nhau nhưng tất cả lặng im, không ai nói lời nào. Tôi như đang ở cõi mộng du xa lắc, tôi ngửa mặt nhìn những ánh sao chổi với trên nền trời khuya cứ muốn kêu lên "Sơn oř! Bạn bè năm chục năm trước oř! Liệu chúng mày có đưa náo trong số 133 hài cốt đợt này đưa về quê không? Thời ấy chúng mình đói, rét và sốt rùng thi nhau hành hạ nhưng đất nước Lào và đất Hủa Phan hôm nay bình yên lắm rồi, đẹp lắm rồi".

Một đêm thức trọn. Nhớ buổi sáng hôm đó vừa đặt chân đến đây, khi vào thắp hương viếng nghĩa trang quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trên đất bạn Lào, tôi đã khóc.

Hôm ấy anh Trịnh Văn Chiến nói với tôi ý định sẽ xây một đài tưởng niệm quân tình nguyện Thanh Hóa trên đất huyện Nậm Xôi sát biên giới cửa khẩu Na Mèo. Tôi mừng lắm.

Tôi ao ước một ngày nào đó, có một nông trường có ngàn vạn con trai, con gái tỉnh Thanh sang sống cạnh đài tưởng niệm để xây dựng, để trồng rừng, để chăn nuôi đại gia súc, để sinh sống và đưa nền kinh tế hai tỉnh phát triển thật nhanh để mong sao không còn ai phải đói nghèo. Thế hệ trẻ ấy sẽ sinh con đẻ cái, sẽ sống hạnh phúc ở vùng đất đầy hứa hẹn và mênh mông này, họ sẽ làm đẹp cho vùng đất mà cha ông họ đã đổ mồ hôi xương máu giữ tình hữu nghị đặc biệt của hai dân tộc, hai nước Việt - Lào. Chào Sầm Nưa, Xiêng Kho, Viêng Xay...

Chào dòng Nậm Sầm bao đời ngân nga dàn nhạc nước bên những rừng hoa đào, hoa mận, hoa ban.

Nhớ lầm, lưu luyến lầm đất nước Lào mến khách và bình yên. ■

HOÀNG VIỆT HẰNG

Lệch một bờ vai

*L*y ra cha con phải dạy con điều này
khi mới lớn, bao nhiêu điều bí ẩn
bí ẩn lời yêu, bí ẩn đường đời
con không học, dĩ đường băng cũng vấp.
có những điều mẹ không hiểu lắm
thế giới của con ngắn gọn thế kia ư?
chỉ nói một câu, làm sao mẹ nhớ
tóc trắng trên đầu quên nhỡ cũng như mưa.
bờ vai ngang mẹ gánh lệch trời trưa
phải dạy dỗ con trai đi đường dài thật khó
nhưng mẹ không thể thay giọng cha con
nghịch khắc ở cung đàn
lệch một bờ vai mẹ ngồi so trọng đực...
thôi thì đàn không lời
tả tai cùng mưa gió...

Vịn vào rêu

*H*un hút lối mòn dù bàn chân đi
xung quanh ngập cỏ xanh
sông Châu Lặng như mặt giấy
xa ngái một ngôi chùa bờ đáy
ít dấu chân người lai qua
rêu phong thăm cá rêu phong
mắt ta chạm đến rêu phong
lòng hέo úa bỗng nhiên tươi dịu
thập thững bước chân ta thập thùng
vịn vào rêu
để không ngã vào chính lòng mình.



ĐINH LONG

Không để

*B*uổi sáng
Người hành khất chia cây đàn
Xin tôi...

Buổi chiều
Người hành khất chia cây nạng
Xin tôi...

Buổi tối
Người hành khất chia lời lẽ
Xin tôi...

Ban đêm
Trong mơ
Tôi xin người hành khất.

PHẠM QUỐC CA

Hoa chờ em

*T*rời buông heo heo giá lạnh
Đất vắng lên nắng đã quy
Hoa lá lượt cùng cao nguyên gió
Mùa nỗi niềm mây trắng thiên di
Ai phơi gấm đổi cao lũng thấp?
Tha thán anh đi
mãi chẳng hết chiều
Em có về khi hoa báo nắng
Gọi kỷ niệm vàng những lời yêu?
Đợi chờ em
Cỏ hống sương tím
Trập trùng xa sòng núi cao nguyên
Lòng anh như dã quỳ đến hẹn
Vàng rực mùa hoa chờ em.

Trang thư bầu trời

*T*ròn một năm xa
Mùa đông lại đến
Giò vèo đưa
Tùng trận én sang sông
Những – con – chữ – cánh – chim gửi về em đó
Trang – thư – bầu – trời
Em đọc ra không?

HỒ PHONG TƯ

Học lái xe

*N*ày côn, này số, này ga, này phanh
Vô lăng như vòng luân hồi,
Giữ chặt lấy, hướng về phía trước
Nổ máy,
đi!

Số một chậm nhưng chắc
Xe vào đường, lên dốc
(Nhưng mấy ai thích đi số một!)
Số hai nhanh hơn
Khi đường đã phẳng phiu và không trơn tuột
Đạp hết côn lên số ba
Xe bon về phía trước
Để lại phía sau những mái phố, những khuôn mặt
người
Thân quen câu bụi
Số bốn xe như bay
Như mơ
Nhưng đừng mơ!
Con đường như cuộc đời
Ô gà, ô voi...
Cạm bẫy
Khổ nhất là số lùi
Âm thầm, chậm chạp
Tưởng không chịu đựng nổi
Gương trước, gương sau..
minh đối diện minh

Sau mọi cõi thẳng, áu lo
Rồi sẽ yên bình
Bài học giản dị nhận ra khi học lái xe
Tiến dã khờ nhưng biết lùi càng khờ!

Cố hương

*T*ừ bấy ra đi
Đối lần trở lại
Trở lại mà như khách qua đường ? (!)
Sau một đêm nhạc nhàn
Lại đi...

Chẳng biết cây gạo đầu làng có còn trổ hoa ?
Người ấy năm xưa có khi nào bỗng nhớ ?
Trái táo trong vườn ai sang nhất nữa ?
Chưa một lần dừng đợi bến sông quê!

Con đường sau cơn mưa
Nước đọng vũng như mảnh gương mới vỡ
Hoa muộn vàng hoe
Ánh mắt nào nhìn theo như quen, như lạ...

Mộ cha nằm lặng lẽ
Hoa lau trắng trời...
Thêm một bước
lại thấy con đường dài thêm một bước
Triu nặng
Chân nhang nghiêng ngả
Cha!

Cố hương
Với vợ...

À oi

À oi, vật đổi sao dời
Cái hoa thành quả, quả rồi thành cây
À oi, nước hoa thành mây
Mưa trời ra biển, với đầy mây trắng
À oi, núi hoa đất bằng
Đêm đêm rơi vật sao băng cuối trời
À oi, cái kiếp con người
Oa oa tiếng khóc chào đời hoang sơ
À oi, cái nhện giăng tơ
Con chim tha rác bên bờ xanh cây
À oi, ta tóc cũng gầy
Tình với thi khổ, tình đầy lại đau
À oi, tóc trắng trên đầu
Liệu xiêu gánh nặng qua cầu nhân gian.

LÊN CAO THÁY TRỜI THẤP THẬT

Truyện ngắn dự thi của DU AN

THÍ trấn trên đỉnh núi. Mới như quả bí đỗ bỗ đỗ. Dân cũ vốn là hai bản người Thái, bày chục nóc nhà, ngót nghét ba trăm nhân khẩu.

Dân chưa cũ, chẳng mới là những giáo viên.

Thanh là giáo viên mới tinh, tính theo năm X, ngày hâm nhâm tháng tam. Thực ra nếu xét toàn diện thì Thanh chỉ mới về mặt công chức, cái bằng. Còn mặt đời... đã hai tư tuối, có chồng, một con gái lên năm.

Thanh cô đơn sau một năm tốt nghiệp trung học phổ thông. Hồi sao sớm thê, Thanh cười: Nhìn khác biệt.

Tảo hôn từ xinh gái mà ra. Thanh công nhận, kể ngắn gọn. ... Tân tinh, rung rinh, đám cưới. Trăng mật, có con.

Nhung lụa, diêm dung của tất cả mua ước bao người nhưng vẫn thiếu một cái. Hàng đêm Thanh thở dài, chữ nghĩa hiện về. Bao lần rào rón, lụa lúc chồng vui, Thanh nói thật. Chồng nhất trí cho ôn thi, rồi thi đỗ, học một lèo, nhận cái thủ khoa Trung học sư phạm tỉnh. Hôm cầm bằng tốt nghiệp về chống bảo: "Hay là để thư thư vài năm nữa cho cái Thủ vào lớp một rồi đi làm". Thanh nán nỉ, phân tích. Chồng chiều. Có hai buổi tối đánh ô tô đi, mang về cái quyết định nhận công tác tại trường Tiểu học thị trấn N. Chồng bảo: Em chịu khó vùng cao một năm; thành phố, huyện gần không có chỉ tiêu. Thanh bảo: Được đi dạy học là em thích rồi.

Thanh được một mình một phòng tập thể. Đã thế dâng trước một khoảng sân, dâng sau khoảng vườn, rào dậu đẹp mắt. Chị hiệu trưởng bảo có cô mới được như thế đấy, con cháu ông VIP nào bắt mối cho chị kê với. Thanh bảo nhà em lao động, có chặng nhiều mồ hôi hơn mọi người. Chị hiệu trưởng cười rung, bầu ngực nâng lên hạ xuống.

Hai tháng trôi qua, Thanh bắt đầu biết cái tai hại của mình. Tôi nào cũng khách, Anh trưởng chi nhánh ngân hàng, anh phó phản biện, anh hạt kiểm lâm và nhau chan chát. Được cái có học, không ai đánh ai. Nhưng bàn ghế, ấm chè cứ nồng suốt bốn tiếng đồng hồ. Họ chuyện cho vay, chuyện mổ xe, chuyện bắt gđ.. không ai nghe ai mà rôm rả. Thanh, người chứng kiến ch襌 lại... Thế à? Thế à? Đôi mắt tròn, lèn da bắt điện hồng rực, cái đầu nghiêng xuống vì mỏi mệt, tóc xõa mắt hắt lên, trông càng duyên, càng chưa hiểu biết. Thế là tro tài, y như một cuộc thi chọn rể. Thanh cười thẩm khi lèn ý nghĩ này. Rồi ý nghĩ tắt ngay khi cái hơi rượu thịt đến gần quá. Thanh xua tay trước mũi, hỏi em làm sao thế, bảo: "Anh hút thuốc kinh quá". Điều thuốc vứt xuống đất, gièy di di, dùi nhắc cao.

Tôi nào cũng giống tôi nào, tiếng cười nói, tiếng đàn chó nhà ông Pán trù lên chập tối và nửa đêm. Dêm ở trên này sâu lị. Nghe hết, tĩnh ngủ hết. Chẳng hiểu ra làm sao, rồi hiểu. Hiểu rồi thì bậm bực chửi vào đêm. Vẫn thế, thi chửi khi tiếng xe máy qua nhà mình. Đi xe máy ai nghe, cái đầu lại đang lảng lanh, họa có mà người gõ.

Thế là lô tு điểm cō giáo Thanh.

Sầm sầm tối, chị hiệu trưởng mặc bộ quần áo ngủ hoa rất to đén. Chị bước vào phòng nhìn ngắm, nhắc cái lọ hoa khen đẹp. Đập đập cái váy, cái váy đung đưa, mắt chị lắc lắc. Thanh đứng bên ngoài cửa sổ chưa vào. Xem bà này làm gì. A hóa ra là phấn khởi động. Bắt đầu vào bài...

- Cô ở đây có buồn không?

- Vùng cao ai chả buồn. Có khi cô mới đến chưa có bạn nhỉ? Để tôi giới thiệu cho mấy anh.

- Mà cô thì thiếu gì anh. Có khi cô cứ nhận rồi chia cho tôi mấy anh lè.

Thanh sải chân bước vào, mời chị uống nước. Chén nước đưa lên cái mồi vẫn còn son, loại mươi nghìn một thỏi. Chén nước cạn. Chị ta vờn mãi mà con mồi như đang

đổi ngôi chủ săn.

- Hình như chỉ hôm nay hơi mệt?

- Cảm ơn cô... Tôi mệt vì cô đây này.

Câu chuyện bung ra với yêu cầu, để nghe nhắc nhở lần thứ nhất. Thanh nóng mặt, uống một cốc nước rồi cố ghìm, nhẹ giọng bế dưới.

Chị hiệu trưởng đắc thắng ra về. Xuống nửa dốc, gặp một xe máy gần ga lên.

- Ai như chú Hoạt phải không nhỉ?

- Dạ. Chị Lan a. Anh Toàn bảo hôm nay đến chị mà lại phải về huyện họp. Một mình em buồn quá. Hoạt nhăn nhó, ngoay ngoái cái đầu chảng ra đàn ông, chảng ra đàn bà.

- Chú liệu liệu với nhân viên của tôi đấy.

- Vâng. Cùng là cán bộ cốt cán của huyện chí yên tâm.

Người đàn bà thấy mình lên cao. Có cái gì cứ mon man da thịt, đang bờ xuông những múi thịt bánh mì dưới bụng. Màn đêm thoát mènh mông khi cái xe máy rù ga, xa dần.

Đàn bà có một cái rất yếu là chảng biết giữ một miếng võ riêng cho mình. Dù chức vị quyền cao đến đâu vẫn là đàn bà. Lan lấy cái việc mình vào tận cái tổ đêm đêm làm quà cho công luận. Chết thật, giờ giải lao, họp các cơ quan, đơn vị trong thị trấn chỉ ta cứ làm như mình vừa đi họp Quốc hội về, sung sướng cái móm. Vừa hiệu trưởng vừa đàn bà trong một sự việc rất chỉ là sinh hoạt... Tôi cương quyết yêu cầu cô Thanh. Tôi thông cảm thi thoảng vắng nhưng không có nghĩa là mặc kệ đạo đức. Tôi khổ lắm chứ, có ra làm sao thị trấn, rồi phỏng lại gọi tôi lên. Bởi giờ chát trấu mặt tôi trước chứ. Mắt tôi là mắt giáo dục của toàn cụm vùng cao này. Giời ơi! Phải em gái tôi, tống về quê làm ruộng luồn, giáo mới ướt thế đấy... Có anh cười thảm. Có anh lắc đầu. Có chị nắm tay, lôi ra bảo chưa đâu vào đâu đừng có bô bô cái móm như thế. Chị ấy đại rồi, chị Lan nổi súng lên... Bô là bô thế nào, không sâu sát thì làm cái gì. Thời thi chịu, sống lâu lên lão bà, lão bà có mang cái đầu của đứa bé thi cũng chịu.

Thanh bị đòn. Mãi hôm ra chợ mới tường. Mua thịt bảo chị cắt cho em ba lạng. Cắt ra bốn lạng, bảo chỉ ba lạng thôi, hơn em không lấy. Chị hàng thịt nhoay nhoay con dao. Tích tắc, còn ba lạng rưỡi. Thanh than thở, bắt em ăn mấy ngày đây... Thật đúng là hàng thịt. Không hiểu sao Thanh lại nói thế. Động vào tổ kiến lửa rồi. Chị ta ném con dao xuống phản, tay chống nạnh. Cô mà cũng phải ket à. Lương chắc chắn

bao giờ phải động đến. Hôm nay chắc nhẽ cái món hươu nai nhà cô. Tôi vô phúc. Không ngờ ở đây cũng có một người chũ nghĩa, ria má. Thanh nóng bừng mặt, rồi rút nhanh tiền trả. Kinh nghiệm dạy cô rằng những chỗ bụi bặm như thế này tốt nhất là chịu nhì.

Hôm sau, mấy anh khách cũ bị Thanh thôi lịch sự, thẳng thắn:

- Các anh đã có gia đình. Em cũng có chồng con. Anh em vùng cao chơi với nhau có chừng có mức không người ta dì nghĩ.

- Chúng ta có làm gì đâu mà sợ. Được nói chuyện với em một buổi, anh thấy ngày tháng hết lè thê. Buồn lắm em a... Biết làm sao...

Lời nói của Thanh không mấy chuyển biến. Tôi sau, không anh này thì anh kia đến. Chết nỗi, Thanh không đủ vô học để thô thiển. Chuyện vẫn chuyện, nghe vẫn nghe, và không thể làm lợ lem hay mượn bộ quần áo rách mặc vào cho các anh phát chán. Thanh lo lắng, nhiều đêm giật thót khi nghĩ đến chị hiệu trưởng. Sẽ lần nữa chị đến, chắc chắn là bà là sát bát ngát.

Cái cục lò lắng của Thanh một ngày giải thoát từ trên trời rơi xuống, như mặt gáu sịn có người đem cho dùng lúc sưng vù.

Lâm hai mươi tuổi, quê Thái Bình, học Trung học Sư phạm dưới quê xong, không xin được việc. Ông cậu, phó chủ tịch huyện bảo ở dưới ấy không nói làm gì, chứ lên đây, đơn giản như đi gặt. Quả đúng, khuôn mặt mắng tơ của Lâm đã ngồi ở hàng ghế giáo viên trưởng tiểu học Na Sa ngay ngày mồng năm tháng chín. Chẳng cần nói, người ta đọc ra, nể vì, con cháu nhà sếp. Sếp nào không biết, đều là sếp.

Từ trường Thanh sang Na Sa có hai cây số. Sau vụ bà Lan hiệu trưởng, hàng thịt, Thanh hay sang đó chơi. Trường chẳng có đứa nào cùng khóa nhưng Thanh biết chúng nó vì cùng dân phố lên đây.

Trường Na Sa ở trên đồi, từ đó nhìn xuống, bên phải đường từ bản Thái ra, bên trái đường bản Mông xuống. Thanh cùng đám bạn ngồi tán gẫu bên gốc muồng.

Cái Hoa nhà C9, làm sao áo toàn nhựa chó đẻ, tóc nó được cái vẫn dài nhưng chẽ ngon. Trên đầu, xuôi xuôi dưới lưng, phần đuôi... một khoang bên trên xù lên. Thanh thấy thường thường làm sao. Thanh hỏi tích cóp được nhiều chưa? Hoa bảo cũng được hòn chục rồi, lê ra hơn hai nhưng dạo đầu năm phải đưa chồng đi cai hai lần. Tao định bằng mọi giá sang năm phải chuyển vùng được. Cái Hòa nhà tao lên lớp mười, dù

khoát phải gần mẹ. Thanh thở dài: Bây giờ nhiều người có tiền lâm, cả quyền nữa. Thời thì cứ quyết tâm, thấy hoàn cảnh mình người ta sẽ thương.

Cái Bình ngồi nghịch di động. Thỉnh thoảng tự nói: Nhớ mới chả nhung, có giỏi thi tối nay lên đì. Đỗ đê, vừa hôm thứ ba cho một trận phải chống gậy về, hôm nay còn muốn chết. Thanh hỏi: Cái lão ấy còn hay thôi rồi. Bình cong môi, uốn từ phải sang trái: Năm sút chứ gi? Xưa rồi. Thằng đang trong cái a lô là thứ ba. Người ngợm thế nào, hôm nào đưa sang chỗ tao chơi. Khùng khieber, nhất là hôi nách. Thế nên mày chỉ nhân tin à...

Cả đám phá lên cười. Hoa bảo hôi nách hay mồm thôi, không nghiên ngáp, cờ bạc thì cười đi. Cười! Lão ta cũng chưa muộn, mà tao cũng chưa, tao yêu cầu lão... mua đất phố là một, chửa hôi nách là hai. Lúc ấy chưa mấy tháng lên xe hoa cũng OK.

Thanh thấy ghê ghê. Thanh lấy chồng sớm nhưng may mắn. Huy máu làm ăn nhưng chân chì, hiền lành, hiếu và chiều vợ. Thanh lên đây cũng chưa nghĩ ngày về. Về, mình về có nghĩa là những đứa như Hoa sẽ mất đi cơ hội; hoặc nếu có phải thêm năm năm, mười năm ăn rau muống, cá khô, tháng tháng vượt những tờ tiền nhẩm về đích. Chao ôi, ở trên cao mới biết là khó xuống lâm.

- Cái Lâm nhỏ được bao nhiêu sợi cho bà Hoa rồi? Đưa đây tao giả tiền. Bình hắt hám.

- Em vứt hết xuống đất rồi. Đây.

Lâm cùi xuống định nhật đèn thì Hoa cười.

- Giỏi ạ có em út của tôi còn quê đến thế. Chưa biết có quê được hết năm nay không. Lúc này Thanh mới để ý Lâm. Khuôn mặt rất nét, tay thon, chỉ tội nước da hơi nâu nâu. Cô bé này sẽ là bông hoa của thị trấn, rồi sẽ chờ sủa, sẽ rập riu. Thanh thấy mình làm sao, năng nang trong ngực. Thanh nuốt khan, hít một hơi thật dài khi đọc được tên ý nghĩ vừa rồi. Lo, ghen cố hữu đàn bà. Thật chả ra làm sao. Thanh vẫn chả ước có một đứa như người mẫu đến chia lửa với mình.

Thanh thử người thả mắt xuống đường. Nắng vàng man dại, cánh rừng màu trắng phản lén như chống chọi, cầm tức. Từ khoảng mờ mờ, trên lối mòn, có mấy đốm đen đen, rõ dần. Ba con ngựa thồ hàng, mấy người Mông ủi oải. Hoa đứng lên, vỗ vai Thanh một cái – Nhớ chồng hả. Thanh chỉ tay ra xa xa. Lập tức Hoa chạy vào nhà lấy cái bao, lao xuống đốc như ma đuổi. Thanh thấy mình như có tội.

- Khổ thân cái con mẹ này. Làm như mai sê chết. Lương chẳng bao giờ dám động. Tại nó cơ, cứ hão huyền chuyển vùng. Năm nay mười triệu, sang năm gấp đôi. Có cái trường ngồi trên tảng lửa cũng chả đuổi kịp.

- Thị hoàn cảnh vậy, biết làm thế nào. Thanh nói với Bình, muốn nhặt nhặt đi cái sự thật kinh người.

- Lâm! Theo mày thì chị Hoa phải làm gì. Mà mày bảo với cậu mày một câu đi, giúp chị ấy đi!



Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY

Lâm dạ một tiếng. Dạ để ngoan, chứ nó làm sao tham gia được những chuyện đính đổi này. Thanh nhìn nét hồn nhiên của nó, thèm.

Lâm chuyển hẳn về với Thanh. Hai cái giường một ghép lại. Màn, Thanh có một cái màn đối. Không hiểu mang lên lần nào.

Nhà có hai người, nhanh tối. Hai chị em đang ăn cơm thì có khách. Nghe tiếng xe máy gần lên dốc, Thanh biết trăm phần trăm ai. Đặt bát cơm xuống, Thanh nói với Lâm: Chị dặn làm gì nhỉ chưa? Tuyệt đối là kè kè.

Khách vào phòng thì hai chị em đang ngồi nhẩn tin. Thấy cái bóng in vách, tò dán vào, đến lúc màn hình di động chẳng nhìn thấy gì thì Thanh ngang lên.

- Ô! Anh Đóa! Lâm ơi... anh Đóa...

Thanh lật đặt pha nước. Lâm vẫn ngồi bó gối bên giường. Cái giường làm ghế, hai chị em ngồi; qua cái bàn, đến cái ghế thật, người tên là Đóa đang nhìn Thanh.

- Anh về thanh tra à? Thanh thấy ngượng với Lâm, lên tiếng.

- Ủ. Nhưng mà chuyến này thanh tra mỗi mình em thôi.

- Anh đùa thế... Chị ở nhà nghe thấy thi em chẳng còn sợi tóc nào.

Đóa nói một câu lại liếc về Lâm một cái. Thanh cũng nhìn sang Lâm... trông cái mặt kia. Như bà mẹ chồng trong phim. Thanh cúi xuống gãi chân, giấu nhanh cái cười vô duyên. Đóa không biết, đang nhìn Lâm.

- Em giới thiệu với anh đây là Lâm. Bạn ngủ của em.

- Thế ở đâu đến đây ngủ...? Đóa hỏi, không biết hỏi Thanh hay cái đứa như tượng trên giường.

- Nó cũng là giáo viên. Trường Na Sa đấy. Lính mới sợ ma, về ở với chị Thanh cũng sợ ma thế là sợ cộng sự bằng hết.

Không khí giãn ra.

Lâm đang đọc báo. Cái bìa hạnh phúc lứa đôi, có cặp trai gái áo cưới. Lâm không ngẩng lên.

- Lâm! Anh Đóa đang hỏi về em đấy? Thanh cố kìm sự không chịu được của mình. Một thoáng gi như sai lầm, như ăn hận không rút lại được. Giả lúc này, Lâm xin phép ra ngoài, đi đâu đó... Như Thanh, nghe kiểu nói này, sẽ tìm cớ mà thoát khỏi người thừa. Nhưng con bé này... đúng là quê một cục.

Tivi bật, đến lúc này thì Thanh mếu lên đỉnh đầu. Sẽ là một câu mỉa như lém nứa. Kìa Thanh đang mím môi, đôi mắt sắp phóng lửa. Tờ báo vẫn im che mặt Lâm. Có lẽ luồng nóng của Thanh bị tờ báo gián nhiệt nên Thanh bật ra:

- Ôi chết! Em ngồi vào cái điều khiển!

Đóa cười.

- Tivi không tự nhiên bật ra, không tự nhiên tắt đi. Nó có khi và chỉ khi có điện, mất điện. Thời giờ bóng đá rồi. Anh xin phép.

Thanh tiến Đóa. Lâm cũng đứng dậy, đứng ở hè nhìn hai người chầm chậm xuống dốc.

Mươi phút sau Thanh về.

- Con này hôm nay bị làm sao thế?

- Thị chị chả dám em...

- Người đời rồi. May biết đây là ai không? Trường phòng giáo dục đấy.

- Em không biết.

- Không biết. Thị thấy chị niềm nở, em phải tươi cười lên một tí chứ. Có phải ai chị cũng thế đâu.

Đi ngủ, hai người thảng thản thảng tay.

Gà gáy, Thanh quặp sang chân Lâm. Cà cà rờ rờ. Như là Huy, như đang ở nhà mình. Nửa đêm về sáng, Thanh hay xoa vuốt ngực chồng. Huy thường im lặng, giả ngủ, rồi bất chợt chồm lên, cuống quít. Vâng, rồi tiếp, chín, mười giờ mới dậy. Tối thứ bảy nào cũng thế, Thanh hiểu, hết mình những giờ phút bên chồng. Thanh với Huy, lấy trước yêu sau. Sóng phẳng, cái tuổi mới lớn cũng có yêu yêu nhưng gợn gợn. Bao nhiêu người nói... thế là lầy, có con. Những đêm một mình một phòng Thanh hay kiểm tra mình. Nhớ chồng không? Có. Những lời tán tỉnh có rung động không? Có. Có ngoài luồng một tí không? ... Chưa biết.

- Chị giận em à? Lâm quay mặt sang Thanh.

- Không. Em mày móc quá, phải học xã giao đi... Má cũng tại chị không giới thiệu ngay từ đầu.

- Thế liệu có làm sao không?

- Làm sao thì không làm sao nhưng sẽ khó cho mình, nhiều việc khó nói thẳng ra lắm.

Lâm im lặng, chẳng biết nó không hiểu

hay sao.

Đầu tháng sau thì một tối anh Đóa lại đến. Một lúc Lâm mới nhận ra - Em chào thầy. Đóa hỏi Lâm có người yêu chưa, trông em giống bà cô chị Thanh lắm. Lâm đáp chị Thanh có chồng, có con rồi.

Thanh sốt sắng pha trà. Lâm chạy ra, ghé tai - Em đi chơi nhé. Thanh ngán ngữ rồi ủ.

Còn hai người, Thanh kể chuyện về Lâm, cài ý xin lỗi. Đóa nói con bé này có vẻ cá tính đấy. Cả phòng quản hơn nghìn giáo viên, vẫn mẫu lục hậu lầm rồi. Lời Đóa xem như xoa phẳng chuyện cũ. Thanh thấy nhẹ lòng.

- Anh thấy cái Hoa có đơn chuyển vùng chưa?

- Có, nhưng hơn trăm tiểu học xin đi. Thời thi cổng hiến thêm chút nữa.

- Thế em cũng định chuyển sao mà hỏi?

- Em khác, nó khác. Chồng không ra chồng, con dành bỏ hoang.

- Thị kê chồng, tệ nạn xã hội mà. Trên này có rau thơm rau má bọn anh cũng không kỉ luật đâu.

Đóa đặt tay lên tay Thanh. Hình như là ấm, rồi nóng, rồi bóng điện nhòa nhòa. Huy. Tí nữa là tiếng thở. Hơi rượu, mùi bựa rargas sát vào má Thanh. Không phải Huy. Thanh á một tiếng, vút đứng dậy. Đóa trố mắt.

- Chị làm sao thế? Lâm chạy vào ngay, như là từ nay vẫn nấp sau cánh cửa.

- À, con rắn. Chị thấy nó trườn trên thành giường.

Lâm cúi đầu nghiêm ngó xuống gầm giường. Đóa nhìn, Thanh nhìn.

Tối hôm sau, tám rưỡi Đóa đến. Đóa bảo - Đội hiệu trưởng cụm xã vùng cao liên minh chiêu đãi. Gõm, kính cho cái bà Lan của em, chơi phải đến hai chục chén. Con mẹ này hay ra phết, chả trách lão Bắc ủy ban hay lên công tác. Cái thằng cha này quắt người không lốn được cũng phải. Chục suất ăn cho mình, lại còn chỉ định trường... Chẳng biết vợ con có được miếng nào không hay lại béo con mẹ Lan.

Thanh nghe, biết là rượu nói. Thanh không tham gia những chuyện chính trường như thế này.

Lâm vừa đi dạo ngoài sân trường, về giường. Thanh nhìn - Được lắm! Đóa không để ý đến Lâm đang tượng ngón ôm gói. Tiếng rượu vẫn bốc,tron tuột không ý tứ. Lâu lâu Thanh mới: Da... da... vắng a... thát ngọt.

Bây giờ thi Đóa không nói nữa. Đôi mắt tập trung vào Thanh, cái khuôn ngực áo ngủ rộng cổ.

- Cho anh hôn em một cái...

Thôi rồi, tiếng chut, đôi môi, cả cái môi, cái đầu ập xuống, day day má Thanh. Thanh không kịp né.

- Đổ chó.

Lâm ném cái gối vào Đóa. Choeng choeng choeng, ba cái chén dây truyền, cái ấm rẽ trên bàn, rơi xuống. Đóa vụt nắm người lên. Nước chè, bã chè lỗ chỗ khoang thát lung.

Lâm đứng giữa giường, mắt mặt như sát thủ. Thanh tiện tay phủi quần Đóa. Đóa bảo kê anh. Thanh ra hiên bê chậu nước, có cái khăn mặt. Đóa lau mặt xong, cười cười:

- Chết anh say rượu hay sao ý nhỉ?

- Bọn em cảm tình quá. Anh thông cảm. Đóa về, Thanh chỉ ra đến hè, đứng dậy.

Lâm đang trên giường, chân trùm kín chân kín đầu. Thanh nói qua cái chân:

- Đã bao chí canh phòng thôi. Vật râu cọp rồi. Biết làm sao đây...

Cái chân nói:

- Thị kê chị. Mai em về Na Sa.

- Không được. Không đi đâu hết.

Cái chân nhỏ cao phán đầu gối; ắt xuống, dựng lên.

Thứ năm, Thanh xin phép bà Lan về. Lí do con bé viêm họng cả tuần, anh Huy chẳng biết thuốc men thế nào. Bà Lan sốt cao hót ngay, hỏi cả chuyện anh Đóa dao này thế nào.

Đã gần mười một giờ trưa, Thanh không về nhà ngay mà đi thẳng xuống Phòng giáo dục. Phòng trường phòng đóng. Thanh gõ ba cái. Im. Thanh sờ tay nắm đinh mờ, hé nhìn thòi nhưng không dám. Lại gõ. Lần này có tiếng ai đấy, cứ vào đi.

Thanh vào, Đóa vẫn đang cúi mặt xuống trang giấy. Thanh đứng, hít sâu một cái:

- Anh Đóa. Em đến đây...

- Ôi Thanh. - Đóa vốn và đứng dậy. - Việc cái Hoa ấy gi. Nể em quá mất thời...

Thôi việc gì để sau, đừng hoàng đản.

SỔ TAY THO



RỒI SẼ TỚI

Rồi sẽ tới một thời em mỏi mệt

Khi nhấp xong vị mặn chát của đời

Nhưng tôi chỉ nhớ về em trước hết

Ở nét cười tinh nghịch - mắt cùng môi...

Rồi sẽ tới thời em khinh bạc nữa

Khi đủ vinh quang, ấm lạnh,

chân chưởng...

Nhưng tôi mãi giật mình vì ngọn lửa

Của hồn em ngày mới biết

ngọn lửa yêu thương...

"Giật mình" giấu sức biếu cảm, diễn

tả lòng người đột ngột bị lay động dữ dội.

Vì sao vậy? Bởi, mối tình đầu của em

thuở ấy mãnh liệt "như ngọn lửa" nóng

bỗng thiếu đốt. Nhân vật "tôi" đã không

giấu điểm thô lỗ: tình em thuở ấy suốt đời

chấn động lòng tôi. Tình thơ phảng phát

giọng điệu say đắm của Puskin: "Tôi yêu

em đến nay chúng có thể/ Ngọn lửa tình

chưa hẳn đã tàn phai". Kết thúc bài thơ:

Rồi sẽ tới thời ta cô độc lắm

Bé bạn thi xa, tri kỷ khó tìm

Tôi xin được giữ trong lòng

lặng lặng

Khuôn mặt hài hòa duy nhất -

là em!

Thơ không dùng biện pháp tu từ nào mà thấm đẫm buồn. Ý thơ dồn nén trong một dự cảm triu nặng "Rồi sẽ tới thời ta cô độc lắm". Đây là khổ thơ hay nhất. Hay vì, độ dồn nén nỗi buồn thường trống vắng, vì sự trải nghiệm đường đời, tình thơ bộc trực dữ dội. Cách xưng hô chuyển từ "tôi" (ngôi thứ nhất) thành "ta" (đại từ ngôi thứ ba, chỉ chung tôi và em). Nguyễn nhân có độc thì đã rõ "Bạn bè thi xa, tri kỷ khó tìm". Đáng sau mấy chữ "tri kỷ khó tìm", nhân vật trữ tình bày tỏ tiếc nuối và khát vọng tình yêu, tình bạn cao quý: tôi không có em và ngược lại sẽ dẫn đến bi kịch trống vắng: sống giữa đời mà vẫn cô đơn, không bạn tâm giao. Khép lại bài thơ là "khuôn mặt hài hòa" của em neo lại trong lòng tôi: tình yêu còn đó. Tình thơ sâu lắng dồn vào từ "duy nhất"- khẳng định, chỉ có em là người đáng yêu nhất, hài hòa về tâm hồn và hình thức chiếm ngự vĩnh viễn lòng tôi.■

Đóa than thở việc ngập đầu, đòi giúp

việc thi yếu quá, minh lãnh đạo lầm lúc vẫn

phải làm nhân viên. Thanh dạ vắng đâu

đầu. Thanh định nói, mãi mới lừa được.

Không ngờ lại là lời xin lỗi.

- Đợt tới, anh định bổ nhiệm em lên hiệu phó. Em nghĩ sao... Không biết là Đóa lảng

đi, hay là thật. Người cao hay giở vỗ lâm.

- Em cảm ơn anh. Em chỉ cần làm giáo

viên thứ bảy về với chồng con thôi.

Đóa lắc đầu. Đóa nói về xa xá, có tuổi

thêm một tí, vị trí xã hội không có, buồn

lầm... Thanh ngồi im ngoan nghe, rồi nhắc

lời xin lỗi về xử sự tối hôm qua. Đóa

không né được nữa, chặc lưỡi:

- Thôi... đi vùng cao mà không ngã xe

thì chưa đến vùng cao. Xây sát tí mà.

Thanh thấy yên lòng nhưng lúc bắt tay

tam biệt đôi mắt Đóa lại xa lắc, trái hẳn với

cái miếng cười rất gần.

Thôi thì đời nó thế. Thanh cố dẹp

khoảnh khắc ấy ra khỏi đầu. Nghĩ đến tí

nữa sẽ gặp bê Thu.

Thanh về nhà, Huy ngạc nhiên - Hôm

nay thứ năm... ? Em xuống tập huấn, Thanh

thấy ngưỡng ngưỡng khi nói dối. Huy khôn

để ý, ôm chầm lấy Thanh. Một tháng... phải

đến cho chồng. Thanh chẳng kịp nghĩ đang

ở phòng khách.

Mẹ! Cái Thu bén hàng xóm chạy về

nhảy lên hai người. Bộ ba ôm nhau, từ lúc

nào cái Thu bị kẹp vào giữa.

Thứ tư tuần sau, Thanh mới lên trường vì đúng tối hôm thứ năm mưa to, đường sạt.

Những tường vách mốc thêch, hàng cây

trăng trắng nhô nhô, con dốc, gốc muỗm...



BÍ THƯ TỈNH ỦY KIM NGỌC CUỘC ĐỜI, VĂN HỌC VÀ ĐIỆN ẢNH

(Trò chuyện với nhà văn Văn Thảo về ông Kim Ngọc và tiểu thuyết Bí thư Tỉnh ủy)

Khi ngồi với nhau, chúng tôi thống nhất rằng, là kẻ thù không nói xấu quá khứ, càng không dám chê trách ai, không mấy ai có khả năng "đi" ra ngoài khoáng không của con tàu vũ trụ thời đại mình. Chúng tôi trò chuyện với nhau chỉ vì nghĩ, nếu không rạch rời chuyện quá khứ sẽ là bất kính trọng tương lai và rằng nếu vì tể nhị với một vài người mà để cái cũ có cơ sống sót làm di họa cho tương lai thì mới thật là bất kính với họ. Là vì chúng tôi tin rằng, nếu còn sống đến hôm nay, những người từng phê phán ông Bí thư Tỉnh ủy Phước Vĩnh sẽ chia sẻ những điều éo le này...

MINH TRIẾT KIM NGỌC

PV: Thưa anh Văn Thảo, lẽ ra phải là Nguyễn Hữu Nhàn hoặc thậm chí là tôi, những nhà văn cùng quê với ông viết về Kim Ngọc. Thế rồi anh mới là tác giả tiểu thuyết "Bí thư Tỉnh ủy", còn chúng tôi thành kẻ vô ơn?

VĂN THẢO (VT): Như tôi đã nói ở lời cuối sách, tôi có mặc cảm rằng, khi ông Kim Ngọc cùng Tỉnh ủy Vĩnh Phú bị kiểm điểm, bị quy kết, tôi đã hoàn toàn ủng hộ việc phê phán những "sai lầm" của ông Kim Ngọc. Dù chỉ là ủng hộ trong lòng thôi, nhưng vẫn là ủng hộ. Tôi viết để giải tỏa mặc cảm, để phê phán cái nhận thức sai lầm một thời của chính mình. Nhưng sao anh lại nói mình là kẻ vô ơn?

PV: Chúng tôi cùng hàng vạn dân Vĩnh Phú thời ấy được hưởng lợi từ nỗi oan ức lịch sử có tên là Kim Ngọc. Nghị quyết 68/TU là của Vĩnh Phúc, khi bị phê phán công khai trên báo Nhân dân và Tạp chí Học tập, tỉnh này đã nhập với Phú Thọ thành Vĩnh Phú, nhưng ảnh hưởng của nó thì còn như mưa bông mây, những cơn mưa dai dẳng. Tôi nhớ ngay trong tâm thế bị phê phán như gà phải cáo ấy, lời ông Kim Ngọc nói "Đã là nông dân, kể cả nông dân của CNXH thì phải có vườn rau ao cá" vẫn loan truyền trong dân gian. Vâng thế là việc cầm cự cầm, còn dân Thanh Sơn, Yên Lập chúng tôi thi cứ âm thầm khai phá đất ven đồi, ruộng chàm hay đấu thửa đuôi theo mà cấy lúa trống khoai. Cấy thi trưa hay tối, nhưng gặt thì phải gặt đêm, đêm đêm trên các nẻo đường hẹp ven rừng đòn gánh của chúng tôi, của cả Bí thư Đảng ủy Chủ tịch xã cứ và nhau cầm cộp và không ai chào ai. Nhưng, vào những năm 90, tôi đã nhiều lần viết về "khoán Kim Ngọc," ra vào nhiều lần nơi quản lý tư liệu của tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng không thể mở được các hòm thiếc chứa các nghị quyết cũ vì lý do "tể nhị".

VT: Tôi may mắn hơn anh. Khi mang Giấy giới thiệu của Đài Truyền hình Việt Nam về Vĩnh Phúc, tôi được Tỉnh ủy giữ làm khách 4 tháng, có Trưởng phòng Lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy luôn sẵn sàng cung cấp hay thậm chí cùng nhau đi tìm tư liệu, được bố trí ở căn nhà cấp 4 trong khuôn viên Tỉnh ủy cũ, nơi ông Kim Ngọc sống và làm việc. Vắng vẻ vô cùng, tôi cảm thấy những đêm dài không ngủ của ông, với chiếc đĩa cà phê nghĩ về khoán, về cái đổi của dân và nhất là về cách làm ăn gian dối của dân – những người được vinh danh là giai cấp cần lao.

PV: Tôi có nghe nói về các ý kiến, các bức thư và gốm cả đơn từ phản đối việc làm phim Bí thư Tỉnh ủy?

VT: Có. Cảm động nhất là thư của người thư ký cho ông Kim Ngọc, nghe đâu có thời phải bán vé số trong Thừa Thiên Huế. Nhưng cũng có người phản đối, cho rằng, Hợp tác hóa chẳng những là phương thức sản xuất của CNXH mà còn của sản xuất hàng hóa và, nhất là còn vì nó thuận lợi cho việc huy động nhân lực vật lực cho cuộc chiến tranh; tóm lại, họ không muốn xói xáo lại quá khứ.

PV: Tôi không tin tác giả những bức thư như thế lại nghĩ như thế, nó chỉ là đồn lỵ cuối cùng của giáo điều và của thái độ hờ hững trước lịch sử - một nét tính cách không hay của hết thảy chúng ta. Nhưng anh phải cảm ơn họ, nhờ họ mà anh để cho nhân vật bà Thường nói rất có sức thuyết phục trong tiểu thuyết rằng "nếu bảo nhỡ có hợp tác chúng ta mới có nhân vật lực đánh Mỹ là không phải với lòng yêu nước của nông dân; thử hỏi, hối chống Pháp, chúng ta có HTX đâu mà người và của vẫn rầm rộ ra trận?" Nhà tôi ấm no suốt thời hợp tác nhà ông Kim Ngọc, nhưng có 4 trong 5 anh em trai tôi ra trận còn bố mẹ tôi thì vẫn vui vẻ nhận ngày công 2 lạng thóc ướt - vui vẻ với phép vua nhưng sống thật với lẽ là một bí mật ai ai cũng biết nhưng không ai nói ra.

VT: Không ai nói ra còn vì chúng ta hay "tể nhị" nể ông này, e ông nọ tự ái. Tỉnh Vĩnh Phúc cũ có chưa đến 1 triệu dân, nhưng chỉ trong 2 năm đã có tới 22.000 thanh niên ra mặt trận, nghĩa là hầu hết những người có thể cầm súng của tỉnh này. Tôi để bà Thường nói cái ý tôi hằng ấm ức suốt mấy mươi năm: Nếu bảo có hợp tác mới thắng Mỹ, sao thắng Mỹ rồi, HTX hết lý do tồn tại rồi lại vẫn cứ nhân rộng nó ra cả nước? Mà những người nói thế, hóa ra bảo nông dân bị ép buộc nên mới có sức mạnh ư?

PV: Bây giờ sang một khía cạnh khác của con người ông Kim Ngọc. Ở thời ấy, những người như Đinh, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cứ hay quy kết rằng ông Kim Ngọc ảnh hưởng xét lại; còn ngày nay, những kẻ vọng ngoại, coi nước ngoài mới có tư tưởng chửi người mình làm gì mà có được, lại bảo ông Kim Ngọc học khoán của tỉnh An Huy Trung Quốc, anh nghĩ sao?

VT: Tôi không được gặp cha đẻ của khoán hộ, nhưng sau 4 tháng gặp hầu hết những người cùng thời hoặc từng là cộng sự với ông, tôi tin nó là tư duy của ông Kim Ngọc. Trong Thủ vụ của ông, có ông Nguyễn Văn Tôn bấy giờ làm Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, người rất có lý luận. Kim Ngọc xuất thân là nông dân, tham gia cách mạng từ năm 17 tuổi, rất thương và tin

yêu nông dân, gắn gũi với nông dân. Vì các nét tính cách và sống trong môi trường cộng sự ấy, ông Kim Ngọc nghĩ ra khoán hộ là điều dễ hiểu.

PV: Tôi từng đến xã Bình Định huyện Yên Lạc quê ông. Đó là xã khuất nẻo, nhưng chưa đủ độ hẻo lánh để có thể nuôi giấu cán bộ cách mạng hoạt động bí mật. Đằng khác, như trong sách anh viết, ông Kim hoạt động liên lạc cho Xứ ủy Bắc Kỳ và nuôi giấu ông Trung Chính ngay từ khi còn đi ở cho địa chủ Đinh, anh không thấy vô lý sao? Như tôi từng tìm hiểu, đó là thời ông Kim Ngọc (Nguyễn) làm tá điền ở chân núi Tam Đảo. Đó là một đồn điền lớn, chỉ khi nó lớn nó mới cần khoán cho các tá điền, chứ địa chủ Đinh của anh, như anh viết, chỉ có duy nhất Kim làm người ở chân trâu rồi làm thợ cày. Khác với chủ đồn điền, địa chủ vùng chau thổ Bắc bộ giỏi lắm có vài ba hecta ruộng, vợ chồng, bố con, anh em nhà họ đã tự lâm quâ nử: rất ít người mướn tá điền. Và tôi ngờ rằng ông Kim không chỉ phục địa chủ Đinh cách muối cà ăn cả nắm vẫn giòn, mà còn phục cách khoán quản của nó - ở đây là chủ đồn điền Đỗ Đinh Đạo, cái đồn điền sau này ta tiếp quản thành Nông trường Quốc doanh Tam Đảo.

VT: Có thể anh có lý. Nhưng, như tiểu thuyết tôi có nói, ông Kim có lý luận hẳn hoi, ông vận hội cơ chế cũ: Nếu hợp tác hóa lấy hộ làm đơn vị để tính quy mô (lớn cả xã hoặc cấp thấp là xóm) thì vì sao sau khi có HTX quy mô rồi, anh gạt hộ ra ngoài mà không tính hộ như là một đơn vị sản xuất? Đây cũng là cơ sở cho việc khoán nhóm lao động sau khi khoán hộ bị phê phán.

PV: Anh yên tri, tôi vẫn đang bàn về cơ sở lý luận của khoán hộ. Nhưng cách khoán của Đỗ Đinh Đạo (cả giao ruộng thu sản thóc lẫn khoán ruộng thu lợi hời, bỏ cùu) nếu có gợi ý cho ông Kim Ngọc, thì khi thành của Kim Ngọc, nó đã thành một tư duy khác: Lợi ích của khoán thuộc về dân, về Hợp tác chứ không phải thuộc về địa chủ, tư sản. Và đó là cốt tử của cách mạng. Nó cũng là cơ sở lý luận để 30 năm sau ông Đặng Tiểu Bình nói câu nổi tiếng ngõ như vu vơ: "Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, quan trọng là có bắt được chuột hay không?" còn những ai chỉ vì quyền lợi của một nhóm nhỏ thì bảo "Bắt được chuột hay không, không quan trọng; quan trọng là mèo đen hay mèo trắng"; họ cũng phải có lý luận của họ chứ?



Nhà văn Văn Thảo

VT: Thật không may là Kim Ngọc đã đi trước quá xa thời đại của mình, chứ nếu không, tôi cũng tin như anh, chính Kim Ngọc mới là người nói về mèo đen trắng. Ông là một minh triết phương Đông, từ thực tế nâng lên thành lý luận, tin vào trực cảm mẫn tuệ và tin vào nhân dân của mình chứ không quen thói coi họ chỉ là đối tượng của cách mạng.

TIỂU THUYẾT VÀ PHIM TRUYỀN HÌNH

PV: Trong tiểu thuyết "Bí thư Tỉnh ủy" nhân vật ông Kim, bà Thường và đặc biệt ông Đinh thật sống động, giấu tình sử thi, thú vị nhất là chỗ Đinh cứ chốc chốc lại lên chỗ tay thợ ghi âm mà nhắc không được để sót lời nào của anh Trung Chính. Tôi đặc biệt thú vị ở chức năng nhận thức của nó, nếu nó thật là sứ thi, thì hóa ra những kẻ đón ý/ nịnh trên nạt dưới và cơ hội tìm cách tiến thân trên xương máu đồng chí mình đã có ngay từ thời bấy giờ?

VT: (cười) Có chứ, có nhiều ấy chứ và thậm chí chính là do họ nhiều nên mới làm thành "một thực tiễn" kiểu khác, làm cơ sở cho các tín điều giáo lý của trên chia ai chả từ thực tiễn nâng lên thành lý luận, ai chả lấy thực tiễn để kiểm chứng lý luận, nhất là những nhà lý luận chuyên nghiệp?

PV: Trong tiểu thuyết, anh có để cho khoán hộ thành công lẫy lừng hai năm 4 vụ, nâng suất từ 1, 3 tấn tăng lên 4, 5 tấn, có nói 7 tấn một hecta. Trong thực tiễn, khoán hộ và chính sách cho dân khai hoang đất chán đổi bìa rừng chưa bao giờ bị dừng tuyệt đối ở Vĩnh Phú. Nhưng đặc biệt thú vị chuyện tôi nghe GS Trần Phương, nguyên Phó thủ tướng, nguyên cán bộ tổ trợ lý Tổng bí thư kể, một sớm kia ông cùng ông Đồng Ngạc uống nước, Tổng bí thư Lê Duẩn từ trong đĩa ra, đặt mạnh tờ báo có đăng bài phê phán Kim Ngọc xuống trước mặt họ, cười khéo hiểu mà rằng: "Các cậu đọc chưa?" rồi đĩa mà không trả lại vấn đề này bao giờ. Có lẽ vì vậy, từ năm 1968 ông Kim Ngọc vẫn làm Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú cho đến năm 1976?

VT: Rất tiếc, tôi không được biết chi tiết này; nhưng đúng là ông Kim Ngọc dù bị phê phán gay gắt nhưng vẫn làm Bí thư Tỉnh ủy đến hết khóa, năm 1976. Năm 1976, trong chuyến lên Vĩnh Phú làm nhân sự cho khóa tiếp theo, đồng chí Lê Duẩn nói với ông Kim Ngọc: "Anh vẫn phải tiếp tục làm việc, dân vẫn cần anh". Nhưng ông Kim Ngọc nhất định xin nghỉ vì sức khỏe.



Nhà văn Văn Chính và nhà văn Văn Thảo trong buổi trò chuyện

Tôi cũng biết, do "án" khoán hộ quá nặng nề, năm 1981 không ra được Nghị quyết TW, mà là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư.

PV: Tại sao lại là VTV cấp giấy giới thiệu cho anh đi tìm tư liệu viết tiểu thuyết?

VT: À, là vì trước đó tôi có làm kịch bản phim cho VTV nên họ nhờ tôi viết kịch bản phim về ông Kim Ngọc. Tôi đã viết kịch bản trước, sau mới viết thành tiểu thuyết.

PV: Thảo nào, tiểu thuyết của anh mắc đúng cái tật mà tôi tạm gọi là tật phim của phim truyền hình.

VT: Tật của phim truyền hình? Tôi muốn nghe cụ thể hơn vì dù sao thì cũng là người có làm kịch bản phim truyền hình?

PV: Cái tật này là nhìn qua mắt của người viết/ đọc tiểu thuyết, chứ rất có thể trong nội hat nghệ thuật phim truyền hình, nó lại được xem như bình thường, anh không nhất thiết phải tin tôi. Tôi muốn nói đến sự dài dòng, là nhân vật A nói cốt để nói cho B nói, chứ ngoài đời trò chuyện kiểu khác. Phim truyền hình làm ra là để cho 100% cư dân hiểu, vì vậy, nhân vật nói năng phải đầy đủ nội dung điều muốn nói; trong khi người ta khi nói chuyện thường che bớt suy nghĩ thật, nói ý tứ để người nghe đoán ra và nhất là người nói biết người nghe cũng biết rõ điều đang nói, nên không bao giờ nhắc lại điều người nghe đã biết. Vậy nên các nhân vật văn học nói ít để người đọc (có chọn lọc) hình dung ra cái ý ở ngoài lời. Người xem phim truyền hình nhiều khi phải làm nhiều việc vật, nấu cơm, nhặt rau, lau nhà nên nhân vật nói dài dòng, nói lặp đi lặp lại cũng không sao; khán giả chạy đâu đó một lúc quay vào vẫn xem tiếp và vẫn hiểu dù. Đó là chưa kể, tập sau vẫn phải "nhắc lại" tập trước làm dà cho lĩnh hội tiếp. Trong tiểu thuyết "Bí thư Tỉnh ủy" có đúng bằng ấy cái tật, đọc nhiều khi phải cố. Cái này nữa, là tật riêng của phim truyền hình của ta: Dùng đối thoại để trình bày cốt truyện và "nói ra" tính cách nhân vật.

VT: Phê bình là quyền của người đọc. Nhưng, tôi cảm nhận rằng bạn đọc thích "Bí thư Tỉnh ủy". Khi nói oan lớn được phân giải và khẳng định là công lao, nó làm hả hê nhiều người.

PV: Vâng, tôi đã nói trước, anh không nhất thiết phải tin tôi. Dù sao thì như người ta vẫn nói, "công nghệ làm phim" và "sáng tạo văn chương". Bây giờ mới xin nói kỹ về "Bí thư Tỉnh ủy". Thành công dễ nhận nhất của "Bí thư Tỉnh ủy", như trên đã nói, là khắc họa thành công chùm nhân vật Kim, Thường và Định. Có thể thêm Côn và Bao, nhưng họ mờ nhạt hơn. Các nhân vật này chuyên chở vấn đề đặt ra của tiểu thuyết, khiến nó sống động và có sức thuyết phục cao. Những trang văn khi nói về họ giàu cảm xúc, nhiều chỗ có cảm giác nhà văn đang viết về một ông thành, nhưng, theo quy luật tiếp nhận, bạn đọc vẫn hào hứng đọc. Cái này sẽ gợi ý cho các nhà văn viết tiểu thuyết tư liệu, khi nhân vật đã nổi tiếng từ trước, đã sống trong niềm ngưỡng vọng của dân chúng thì họ chấp nhận những cái phi thường. Xét về góc độ này, đây là một tiểu thuyết thành công.

Tuy nhiên, nó dài quá, hơn 600 trang khổ 18 x 26 (khoảng hơn 800 trang khổ thường.) Giá bột đì được một nửa, bỏ đi phần dân quân bắn máy bay và các đoạn bom phá cầu đường, bỏ đi những trường đoạn chuyên tranh luận đường lối chính sách. Các nhân vật ai nói năng cũng sắc sảo thông minh, đôi khi nói cái lời mấy chục năm sau mới có trong đời sống (ví dụ: "Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp...). Đó là những chỗ bạn đọc không quan tâm đến vấn đề của tiểu thuyết để sinh nản.

Dù sao thì cũng xin chúc mừng anh, cha đẻ của tiểu thuyết viết về cha đẻ của khoán hộ.

VT: Cũng xin cảm ơn anh... ■

VĂN CHINH (thực hiện)

HOÀI NIỆM VỀ GIÁO SƯ NGUYỄN TÀI CẨN

NGUYỄN QUANG HỒNG

TÔI những tưởng rằng, với dáng vóc khiêm tốn, lại gầy gò, và thần thái thì luôn luân linh lợi, hoạt bát...

GS Nguyễn Tài Cẩn hẳn phải trưởng thọ, cho đến trọn một trăm năm. Vậy mà ông đã vội quy tiên ở tuổi 86, bỏ lại người thân và tất cả chúng ta, những người quen biết ông, mến mộ ông, trên cõi nhân gian này.

Lần đầu tiên tôi được biết GS Nguyễn Tài Cẩn là vào cuối năm 1965, gần như cùng thời gian với lần đầu tiên tôi gặp GS Cao Xuân Hạo. Hôm ấy, GS Nguyễn Tài Cẩn có buổi thuyết trình cho một nhóm những người đang hăm hở đi vào ngôn ngữ học. Ông nói về "tiếng" như là đơn vị gốc, cơ bản, trong hệ thống ngữ pháp tiếng Việt. Đây là một thuật ngữ mới mẻ, mà cách định danh thì rất giản dị, mang tính truyền thống ngữ văn dân gian Việt Nam. Mà thực ra đó chính là một khái niệm làm nòng cốt cho toàn bộ lý thuyết của ông về hệ thống ngữ pháp tiếng Việt, mà sau này ông đã trình bày trong công trình *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng. Từ ghép. Đoán ngữ* (1975, tái bản nhiều lần). Phong cách thuyết trình của ông rất hấp dẫn, nhưng điều gây hứng thú đặc biệt cho tôi chính là một cách tiếp cận mới vào tiếng Việt, dám thoát ra khỏi "vòng vây của ngữ pháp Âu Tây" (mượn lời của GS Vương Lực), mà lại gần gũi với truyền thống ngữ văn học Trung Hoa và Việt Nam.

Trong lĩnh vực ngữ pháp, phải kể đến một tác phẩm khác của GS Nguyễn Tài Cẩn, đó là cuốn *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại* (1975). Tuy cũng ấn hành năm 1975, nhưng chắc là ông đã hoàn thành công trình này từ sớm, trước khi thực hiện công trình *Tiếng. Từ ghép. Đoán ngữ* nói trên. Đây cũng chính là luận án PTS (nay ở ta gọi là TS) đầu tiên của nước ta được bảo vệ ở Nga. Trong công trình này GS Nguyễn Tài Cẩn đưa ra "công thức" nổi tiếng "Tất cả những (cái) con NGƯỜI bạc ác ấy" để xác định từ loại danh từ trong tiếng Việt. Bất cứ ai, chỉ cần biết chút ít tiếng "Tây", đều cảm thấy rất khó xác định từ loại cho tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập không biến hình. Danh từ, tính từ, động từ... trong các ngôn ngữ Âu Tây hầu như bao giờ cũng có "cái đuôi" của nó, và chỉ cần nhìn những cái đuôi khác nhau ấy thì trên đại thể cũng đủ nhận ra từ loại của chúng. Còn các đơn vị gọi là "tử" trong tiếng Việt (cũng như tiếng Hán v.v) đều "không có đuôi"! Vậy cho nên phân định từ loại là câu chuyện "đau đầu" cho các nhà Việt học cũng như Hán học. GS Nguyễn Tài Cẩn tiếp cận vấn đề này từ một hướng khác, ông cố gắng xác lập một chu cảnh với sự phân bố các đơn vị từ ngữ thích hợp, trong đó từ đang xét có thể xuất hiện ở một vị trí cố định. Cái chu cảnh phân bố áp dụng cho danh từ tiếng Việt chính là cái "công thức" nói trên do ông xác lập, trong đó NGƯỜI được xác định là danh từ. Đây hẳn là một cuộc thử nghiệm đầu tiên ở Việt Nam theo phương pháp "phân bố" của trường phái Ngôn ngữ học cấu trúc Hoa Kỳ.

Phải có một học vấn sâu rộng liên quan đến nhiều ngành (ngôn ngữ, lịch sử, dân tộc, ...), phải có một khối tư liệu thực tế dồi dào và đa dạng (văn liệu, ngữ liệu, sử liệu,...), phải có một khả năng biện luận chặt chẽ, phải có một phương pháp tiếp cận thích hợp và các thao tác làm việc hữu hiệu, v.v. mới có thể nghĩ đến việc dàn dựng một công trình khoa học tầm cỡ như cuốn *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (Sơ thảo)* (1995) của GS Nguyễn Tài Cẩn. Tôi nhớ, khi tặng tôi cuốn sách này, ông có nói rằng nguyên tên sách không phải là "lịch sử ngữ âm", mà là "ngữ âm lịch sử", vì đây là nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt từ góc nhìn lịch sử, theo phương pháp so sánh lịch sử như ở các nền ngôn ngữ học khác vẫn làm.

Đi vào nghiên cứu chữ Nôm, văn tự cổ truyền của dân tộc, GS Nguyễn Tài Cẩn (với sự cộng tác của GS Nonna Stankevich) đã lần lượt viết một loạt bài và sau đó tập hợp lại trong cuốn *Một số vấn đề về Chữ Nôm* (1985).

Với nội dung này ông bước đầu để cập vấn đề sự hình thành âm Hán Việt, nhưng với chuyên luận *Nguồn gốc và*



Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn

quá trình hình thành cách đọc Hán Việt (1979, 2000), ông mới tập trung nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về âm Hán Việt. Âm Hán Việt là cách đọc có hệ thống của người Việt Nam áp dụng cho tất cả các chữ Hán trong Hán văn và cả trong văn Nôm. GS Nguyễn Tài Cẩn cho biết: cơ sở của chuyên luận này là một số bài giảng mà ông đã đọc cho sinh viên năm thứ 3, thuộc ngành Hán Nôm, khoa Ngữ Văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học KHXH và NV – Đại học Quốc gia Hà Nội). Tôi không rõ các bài giảng ấy như thế nào, nhưng chắc rằng từ các bài giảng cho sinh viên đến chuyên luận dày dặn này là một khoảng cách khá lớn. Bởi lẽ các anh chị sinh viên, cho dù là thuộc ngành Hán Nôm, khó lòng có đủ kiến thức cần thiết, đặc biệt là kiến thức về Âm vận học truyền thống Trung Hoa với đầy rẫy những khái niệm khúc mắc, để có thể đọc "thấu" được cuốn sách này.

Mấy năm trước đây, khi GS Nguyễn Tài Cẩn chuyển sang sinh sống và làm việc ở Moskva, không trực tiếp giảng dạy được, Khoa Ngôn ngữ ở Trường Đại học KHXH và NV đã mời tôi thuyết trình và hướng dẫn một số học viên Cao học đọc cuốn sách này của ông. Đây là một nhiệm vụ cực kỳ nặng nề đối với tôi, nhưng "việc nghĩa khôn tú", tôi đã cố gắng thử sức. Kết quả là các học viên nắm được ít nhiều những gì được GS trình bày ở phần đầu cuốn sách, còn phần sau hầu hết họ đều lắc đầu... "chịu chết". Thực ra, tôi nghĩ, với GS Nguyễn Tài Cẩn, giảng đường đại học là môi trường học thuật, và người thầy cần phải giảng giải về những bước đường và kết quả nghiên cứu của mình cho học viên, gợi mở và dẫn dắt họ đi vào con đường nghiên cứu khoa học. Rồi từ những bài giảng dễ hiểu như thế, giảng viên tiếp tục đào sâu, nâng cao để cuối cùng soạn thành giáo trình mang tính chuyên luận.

Song song với những công trình lớn như trên đây, GS Nguyễn Tài Cẩn đã viết trên dưới một trăm bài nghiên cứu, lần lượt đăng ở các tạp chí trong nước và nước ngoài. Chỉ mới khoảng hơn một phần ba trong số các bài viết ấy được tập hợp lại và được ông cho in thành tập *Một số chứng tích về Ngôn ngữ, Văn tự và Văn hóa* (2001).

Từ sau khi chính thức nghỉ hưu, GS Nguyễn Tài Cẩn hầu như dồn hết tâm sức vào lĩnh vực nghiên cứu Ngữ văn Hán Nôm.

GS Nguyễn Tài Cẩn tặng tôi cuốn *Thử tìm hiểu sơ thảo Đoạn trường tân thanh* nói trên vào dịp Tết ta đầu năm 2009. Hôm ấy tôi đến thăm và chúc Tết ông, có ngờ đâu... đây là lần cuối cùng! Hôm ấy là ngày 21-01-2009, cách nay đã 2 năm. Trước đó chừng hơn một năm, tôi đã bùi ngùi ngồi viết những dòng hoài niệm về GS Cao Xuân Hạo. Còn giờ đây, bàn tay tôi run run gõ từng chữ một lên bàn phím, để ôn lại những điều tôi tâm đắc từ các công trình lực lượng của GS Nguyễn Tài Cẩn để lại, cùng với những kỷ niệm ấm lòng mà tôi có được qua những lần được trò chuyện cùng ông. ■

MỘT MÌNH ĐẾN MỸ

Bút ký của CAO DUY THẢO

ANH chị Ba tôi ở Mỹ mời tôi sang chơi. Anh rể, chị ruột. Qua Mỹ từ năm 1994 theo diện H.O, nhưng vì tuổi tác đã cao nên anh chị tôi quyết định chỉ nhận thẻ xanh thường trú mà không thi nhập quốc tịch. Thành ra Bảy (tên gọi theo thứ), con của anh chị có quốc tịch Mỹ đứng ra làm thủ tục bảo lãnh cho tôi. Thực tình mà nói, tôi rất khoái kiểu đi này. Tôi một lần đi Liên Xô khi quốc gia này chưa tan rã và hai lần đi Trung Quốc, trong đó một lần bằng con đường du lịch lữ hành khá thú vị. Kinh nghiệm cho biết, là một nhà văn thi chuyến đi có đôi chút "bụi bặm" bao giờ cũng đem lại nhiều hứng thú hơn khi được là thành viên của một đoàn mang danh nghĩa nhà nước - một cuộc thăm viếng hữu nghị giữa hai tổ chức quần chúng chẳng hạn, ở đó, bởi nhiều lý do, bạn thường chỉ được nghe những lời chúc tụng xã giao, đôi khi khách sáo. Nhưng cho dù như thế thì vẫn còn hơn là chẳng có cơ hội đi đâu, huống hồ nơi đó lại là nước Mỹ.

Vé máy bay của tôi đặt trước hai mươi ngày. Dò trên mạng, có rất nhiều hãng hàng không chào mời: VIETNAM AIRLINES, AIR FRANCE, KOREAN AIR, CHINA AIRLINES, UNITED AIRLINES... Thú thật, thoạt đầu tôi rất khoái KOREAN AIR vì nghe nói trên các chuyến bay của họ có tiếp viên biết nói tiếng Việt, lại được quay cảnh Seoul 8 tiếng đồng hồ cho khách đi tham quan thành phố, trước khi vượt Thái Bình Dương. Cái "bất tiện" của đường bay này là khi đến Los Angeles còn phải chuyển qua hai chuyến máy bay nội địa nữa, mà những người mới đi Mỹ lần đầu như tôi đều rất ngại kiểu di chuyển như vậy. Cuối cùng tôi chọn UNITED AIRLINES, vì khi đến Mỹ tại San Francisco chỉ phải qua một chặng máy bay nữa là đến Saint Louis, thành phố nơi anh chị tôi ở. Và còn một lý do khác không kém phần quan trọng: Giá vé của hãng UNITED vào thời điểm đó "mém" hơn hãng KOREAN đến những 300 đô...

Tôi khởi hành từ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 8 tháng 9, trên chuyến bay mang số hiệu UA862, phải qua cảnh tại Hồng Kông. Mới 4 giờ sáng, vợ chồng Việt và người em cột cheo bên vợ đưa tôi ra sân bay Tân Sơn Nhất. Vợ chồng Việt còn vội tận phòng làm thủ tục, giúp tôi lấy vé chính thức. Tất cả êm xuôi. Trước khi bước qua cổng kiểm tra an ninh, Việt dùi vào tay tôi quyển "Sư Tử Tuyết Bờm Xanh" tập truyện cổ Phật giáo Tây Tang, nói là để đọc trên máy bay đỡ buồn chán. Thế là bắt đầu từ đây chung quanh tôi không còn ai là người thân. Tôi phải tự thân vận động một mình...

Máy bay hạ cánh xuống phi trường San Francisco lúc giữa trưa. Đường băng nằm bên vịnh biển ăn sâu vào đất liền, dọc theo bờ vịnh có nhiều chiếc cầu nhỏ vươn ra trên mặt nước. Có thể nhìn thấy bờ bên kia thấp thoáng những mái nhà màu vàng nhạt ẩn trong cây xanh. San Francisco theo tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là "Thánh Phanxicô". Thành phố nằm trên mũi của bán đảo cùng tên, là đô thị đông dân thứ 4 ở tiểu bang California và là đô thị đông dân thứ 14 ở Hoa Kỳ. Từng bị tàn phá trong động đất và hỏa hoạn năm 1906, San Francisco sau đó nhanh chóng được xây dựng lại. Từ lâu người ta biết đến nơi đây có các địa danh nổi tiếng như: Cầu Cổng Vàng (Golden Gate), đảo Alcatraz, xe điện cáp, tháp Coit, China town... Phi trường San Francisco cách trung tâm thành phố chừng 13 dặm (21km) về phía nam, khá rộng, do đó có cao ốc che chắn nên thoát nhìn hơi có phần trần trụi, hoang vắng...

Sau khi gửi lại hành lý, tôi lang thang theo chân mấy hành khách đi tìm cửa làm



Cầu Cổng Vàng, nơi được coi là biểu tượng của thành phố San Francisco

thủ tục check in. Đúng như dự đoán ở nhà, đến chặng tăng-bo sang đường bay nội địa là gấp ngay rắc rối. Cái tấm vé từ San Francisco đến Saint Louis tôi nhận được tại cửa khẩu Tân Sơn Nhất có những khoảng trống thiếu thông tin. Nó không cho biết cửa đi Saint Louis re lỗi nào. Cầm tấm vé chen giữa đám người xa lạ, hết re trái rồi re phải, tôi kinh ngạc... nhận ra mình lạc đường, tôi đành quay lại. Biết hỏi ai bây giờ? Những người Việt cùng chuyến với tôi chẳng còn ai - vừa tới ga đầu tiên trên đất Mỹ họ đã nhanh chóng tỏa hết về các ngả... Chợt phát hiện phía trước ba nữ tiếp viên hàng không mặc đồng phục, đầu đội bê-rê, tay đắt túi xách kéo, tất cả đèn tuyển, đang đi tới. Chờ ba cô đến gần, tôi chia tấm vé của mình ra.

"Help me...", tôi nói.

Họ dừng bước. Một cô mắt xanh trong bạn đón tấm vé trên tay tôi.

"Ô... ô...", cô ta thốt lên vẻ ngạc nhiên.

Quay sang nói nhỏ gì đấy với bạn, rồi trao túi xách kéo của mình cho họ, cô mắt xanh ra hiệu cho tôi theo sau. Cô ta dẫn tôi đi ngược lại hướng ba cô vừa đi một đoạn xa rồi đột ngột té trái - đúng cái ngách re lúc này tôi bỏ qua - đến đầu một cầu thang cuốn dẫn xuống tầng dưới. Gặp hai bà khách người Mỹ tuổi sốn sốn cũng vừa đến đó, và chỉ sau vài câu trao đổi, chắc là do công việc thúc bách, cô mắt xanh chóng vánh "bán cái" tôi cho hai bà nő đưa đi tiếp. Vội vàng đến mức khi tôi vừa "Thank you" thì cô ta đã mất hút vào đám đông, chỉ một cánh tay là còn giữ lén vẫy vẫy thay lời chào...

Hai bà người Mỹ và tôi được cầu thang đưa xuống tầng trệt, tiếp cận với dãy hành lang dài có nhiều ngã rẽ. Hai bà đi trước, chốc chốc nghiêng mặt ngó lại, ý chứng sợ tôi lạc mất. Tuy bất đồng ngôn ngữ nhưng tôi cũng biết cách làm cho hai bà bớt lo lắng bằng việc không để mình tụt lại quá xa. Rồi cũng tôi được nơi cần tới... Tôi nhận ra điều ấy khi hai bà người Mỹ đứng bước chỉ cho thấy một bảng điện tử lớn đặt tại phòng chờ, trên đó nổi lên dòng chữ: To St Louis... Lúc từ biệt để quay trở lại đường đi của mình, hai bà người Mỹ vốn vã bắt tay tôi. Tôi nói "Thank you", hai bà cũng "Thank you"... Sao vậy? Những phụ nữ tốt bụng dù ở đâu cũng không khó nhận ra. Và tôi đồ rằng đó là cách để hai bà thổ lộ niềm vui của mình khi có được cơ hội giúp đỡ người khác...

Bây giờ, việc còn lại của tôi là chờ đợi. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi mình một chỗ ngồi tại phòng chờ và bắt đầu nghĩ tới cái điểm đến có hậu lúc cả gia đình anh chị tôi ra

đón... Nhưng cuộc đời vốn không đơn giản. Máy bay cất cánh, rồi từ từ hạ cánh... Tôi loáng thoáng nhận ra dưới kia một Saint Louis rợp trong cây xanh và ít nhà cao tầng. Phía xa, ngay bên rìa cánh bay là dòng Mississippi uốn lượn mềm mại hơn mọi tuồng tượng của tôi, khi trong sử sách nó được ghi danh là con sông hung dữ nhất của nước Mỹ. Một phút sau tôi rời máy bay đến thẳng khu vực băng chuyến rồi nhanh chóng cùng với chiếc xe đẩy đưa hành lý lách qua hai cánh cửa khép mở tự động, nhằm tới cái khoảng trống phía bên kia một nhà hầm để xe. Hoá ra tại đây có một trạm xe bus. Đã cuối ngày, dăm ba hành khách vè thò o đứng đón xe bên vệ đường. Nhưng tuyệt nhiên vắng bóng những người tôi chờ đợi...

Ở Nha Trang tôi chơi thân một ông bạn già giỏi tiếng Anh vốn là luật sư dưới chế độ cũ. Ông có hai đời vợ. Bà vợ trước đẹp nổi tiếng thành phố biển, sau khi sinh liền cho ông bốn người con, cả trai lẫn gái, tự dung chê chong "cù lắn" bèn bỏ ông đi lấy một MP Mỹ nhỏ hơn bà 5 tuổi, rồi dắt nhau qua Mỹ sống. Sau giải phóng ít lâu, người con trai lớn của ông bạn tôi vượt biên sang Mỹ gặp mẹ, ở đó anh ta làm ăn phát đạt, trở thành ông chủ một tiệm Nails. Bà vợ trước bạn tôi tuy bạc tình, nhưng anh con lại rất hiếu để với cha. Anh bỏ ra một số tiền lớn để làm thủ tục bảo lãnh đưa cha và người mẹ kế sang Mỹ... Tại xứ người ông bạn tôi được nhận thẻ xanh và hưởng lương trợ cấp người già, nhưng ở chưa tới 3 tháng bỗng ông "trở chứng", một hai đời về nước. Ông bảo người già bên đó chẳng thiếu thứ gì, chỉ niềm vui quá hiếm hoi... Về tới Nha Trang, nghe tôi sắp một mình đến thăm thân ở Mỹ, ông gọi điện và mở đến tận nhà đưa cho một phong bì dán kín.

"Anh bỏ thứ gì trong đó?", tôi hỏi.

"Bảo bối", ông bạn cười. "Có điều phải đến Mỹ mới được mở ra. Khi nào anh thấy cần một lời khuyên..."

Thì đã sao, cứ coi như đó là chút đùa giỡn của ông bạn già. Tôi vui vẻ bỏ chiếc phong bì vào ngăn trong của túi xách rồi quên bẵng. Ấy vậy mà bây giờ, khi một mình bơ vơ bên cái trạm đón xe bus này, nó lại đột ngột hiện về trong trí nhớ của tôi... Tôi bèn lục túi lấy chiếc phong bì và mở nó ra như lời ông bạn dặn. Thật lạ, "Bảo bối" chính là một tờ giấy vở tập kẻ ô, trên đó ghi những lời thỉnh cầu bằng song ngữ Anh-Việt, đại loại như: xin chỉ giúp tôi quầy làm thủ tục check in cho chuyến bay...; xin chỉ giúp tôi cửa lên máy bay ở đâu...; xin cho tôi nước uống (chọn loại mình thích)...; vân vân... Nghĩa là đủ cả, nhưng có một thứ tôi

rất cần lúc này là chiếc điện thoại để liên lạc thi... Trời đất! nó cũng có ở đây rồi: Please let me borrowed cell phone to call... Thank you! (Xin làm ơn cho tôi mượn điện thoại gọi về...). Tôi gấp tờ giấy chừa lại mấy dòng chữ trên toan tính đem trả lại những người chung quanh. Đầu tiên là hai nữ cảnh sát da đen đứng ở đầu trạm trông rất oai vệ với máy bộ đàm và chiếc công số 8 sáng loáng nơi thắt lưng, họ đang làm nhiệm vụ, nên tôi bỏ qua. Tiếp theo là anh chàng da trắng dáng voi tượng liên tục nhúc nhác chiếc cầm theo điệu nhạc phát ra từ hai chiếc phone gắn ở tai, vừa nhìn thấy tờ giấy tôi đưa đến, "con voi" lập tức nhún vai từ chối. Rồi đến lượt một ông râu xóm ngay cạnh đấy, nhưng ông này không hiểu vì lý do gì không mang theo điện thoại, đành ngửa hai bàn tay trắng của mình ra phản bội. Đúng lúc một chiếc xe con ghé lại trạm, chắc ai đó đón người nhà. Từ trên xe bước xuống một bà tóc nâu, và lạ thay, cái vật đầu tiên bà chạm tới lúc ấy chính là tờ "bảo bối" của tôi...

"Yes, yes..." - bà tóc nâu phản ứng tức thi, chui lại vào ca-bin xe lấy chiếc điện thoại của bà đưa cho tôi.

Tôi bấm ngay số di động của Chin.

"Chín à. Cậu đây..."

Chỉ vừa có vậy, phía đầu máy bên kia bật lên tiếng reo đến lạc giọng của Chin.

"Úi trời... cậu ơi! Cậu đang ở đâu...? Cả nhà ra sân bay đón cậu suốt từ chiều tối giờ mà không thấy! Cậu đứng chỗ nào?"

"Đã ra đến cái trạm đón xe bus rồi..."

"Thôi chết cậu ơi! Từ nhà ga ra bên ngoài chỉ thẳng một đường, đâu có cái trạm xe bus nào... Hay là cậu xuống lòn sân bay nào khác hở cậu?"

"Cái thẳng! Vé máy bay của cậu còn đây, To St Louis... sao mà xuống lòn chỗ khác được. Thời để cậu kêu taxi..."

"Khoan khoan cậu ơi! Xin cậu đừng tắt máy... Cậu mà taxi thi con chết với ông bà già... Cứ đứng yên đấy nghe cậu... Con tôi liền nè..."

Chín hồn hồn, vội vàng. Thực ra từ chỗ Chin đến cái trạm đón xe bus nơi tôi đứng, không xa lắm. Một phút sau, chắc là đã có người mách bảo, tôi thấy Chin nhảy bổ ra từ phía nhà hầm để xe, nhào tới ôm lấy tôi. Đã đến lúc phải gửi trả điện thoại cho bà tóc nâu, tôi "Thank you" và nhờ Chin nói ít lời cảm tạ tận đáy lòng... Sau đó Chin bảo rằng cái lối ra tôi chọn vừa nay là một thứ "cửa sau" của sân bay, chỉ những "thổ địa" cần đón xe bus mới biết. Cửa trước nằm ở hướng ngược lại... Dẫu sao thi để đến được đây, tôi phải cảm ơn những phụ nữ Mỹ rất nhiều - những cô, những bà tôi gặp một lần ở nhà ga San Francisco và Saint Louis thật phúc hậu và có tấm lòng rộng mở... Nước Mỹ đã không thể vượt qua cuộc chiến ở Việt Nam như họ mong muốn, có thể cũng không vượt qua nỗi căm thù ở Afghanistan, nhưng giá như nước Mỹ là những người đàn bà như tôi từng gặp, át hẳn họ còn được nhiều hơn những gì đã có!

Rốt cuộc rồi chúng tôi cũng gặp nhau nơi cửa trước nhà ga. Gần đủ mắt: Anh chị Ba cùng vợ chồng Chin và bé gái Emily Hồng Anh, Bảy - người bảo lãnh cho tôi - và hai con của Sáu đang tuổi đi học. Chỉ thiếu Loan, con gái thứ ba của anh chị, vợ chồng Triết cùng hai đứa nhỏ, Sáu và vợ..., chắc chắn nó còn bận đi làm. Vừa gặp, chị Ba liền chụp hai bàn tay của mình lên má tôi như thể với đứa em nhỏ dại nào ngày xưa. Chị bảo tóc tôi bạc nhiều... Nhưng anh Ba thì hào hứng rút máy ảnh từ trong túi ra,

"Mời tất cả đứng vô chụp chung pô hình kỷ niệm ngày cậu đến Mỹ!"

Ngày tôi đến Mỹ đất trời Saint Louis cũng vừa chớm thu...■

THẦM LẶNG NGUYỄN XUÂN SANH

VŨ TÚ NAM



Vợ chồng nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, nhà văn Nguyễn Thị Cẩm Thanh.

Có thể gọi nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh là người thầm lặng cống hiến. Biết anh từ năm 1948 tới nay, tôi chưa hề thấy anh "khoe" về đóng góp của anh trong phong trào sinh viên yêu nước trước Cách mạng tháng Tám, hoặc về vai trò của anh trong *Xuân Thu nhã tập*. Nhà thơ lão thành, nhà cách mạng lão thành Nguyễn Xuân Sanh bao giờ cũng lặng lẽ, âm thầm làm việc.

Anh đã từng làm Phó tổng thư ký Hội nhà văn (khoa I), và nhiệm kỳ làm trưởng ban đối ngoại của Hội. Anh ghi chép tì mỉ và thuộc từng tên nhà văn các nước có quan hệ với Việt Nam. Hồi đâu, anh có đó. Chúng tôi thường gọi anh là "trưởng tộc" của Hội. Cho đến nay, anh có hàng chục tập hồ sơ (gói bọc kỹ lưỡng) về hoạt động đối ngoại và các công việc khác.

Nguyễn Xuân Sanh thật có công trong việc đào tạo các cây bút trẻ. Anh đã giảng về thơ ở các khóa Văn hóa kháng chiến khu Bốn 1948 - 1949, và ở trường đào tạo viết văn sau này. Anh là một người thầy nói năng nhỏ nhẹ, gần gũi học viên.

Ở trụ sở Hội Nhà văn hiện nay, có treo một bức ảnh lịch sử, chân dung các nhà văn đã xây dựng Hội văn nghệ Việt Nam từ năm 1948. Trước một hội trường bằng tre nứa ta thấy đứng hàng ngang các nhà văn sáng lập Hội văn nghệ, đủ cả Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi, Thế Lữ, Nguyễn Hồng, Tố Hữu, và Nguyễn Xuân Sanh. Các nhân vật lịch sử trong bức ảnh đó, nay chỉ Nguyễn Xuân Sanh là đang sống, còn thi đã ra đi tất cả. Anh Sanh đã kiêm trì nán lại cùng thời gian.

Đời anh đã mấy lần trải qua thập tử nhất sinh. Năm đi tháp tùng đoàn nhà văn nước ngoài ở Quảng Ninh, xe bị trúng mìn còn sót lại từ thời chống Pháp, anh gãy một chân. Rồi lần khác anh bị ngã, đập đầu xuống cầu thang xi măng, tưởng nguy đến tính mạng, nhưng vẫn qua khỏi.

thường hái hoa xoan hoặc hoa trầu về cắn vào cái cốc, để giữa bàn. Năm ấy, chúng tôi 19 tuổi.

Chị Cẩm Thanh đã chăm sóc anh Sanh trên nửa thế kỷ. Sinh thời Chế Lan Viên thường gọi đứa anh Sanh chị Thanh là Aragon và Elsa. Anh chị đã từng chịu những nỗi đau về con cái. Cháu Việt Lưu là liệt sĩ chống Mỹ.

Hồi tôi làm báo Văn học (1958 - 1963), anh Sanh phụ trách trang quốc tế. Anh đến cơ quan rất đúng giờ, làm việc cẩn mẫn. Gần đây, anh sinh hoạt cùng chúng tôi suốt một nhiệm kỳ trong Ban nhà văn cao tuổi, đóng góp lặng lẽ vào công việc của Ban.

Nguyễn Xuân Sanh viết không thật nhiều, nhưng đầy tinh thần trách nhiệm. Ngoài thơ ra, anh còn viết truyện cho thiếu nhi, viết tiểu luận về các nhà văn nhà thơ lớn nước ngoài.

Tác giả "đây đia mùa đì nhịp hải hà" đã hòa vào đời sống nhân dân, say sưa viết về sự mờ mờ, về những người đánh cá, về nỗi đau miền Nam bị chia cắt, về Bác Hồ...

Vài năm gần đây, Nguyễn Xuân Sanh đã ít nói càng ít nói hơn. Anh đã bắt đầu lâm. Chị Thanh cho biết có lần anh uống nhầm một viên băng phiến, phải cấp tốc đi bệnh viện rửa ruột. Chao ôi, trên chín mươi tuổi rồi còn gi!

Nhưng anh vẫn thường hỏi thăm sức khỏe vợ chồng tôi, khi ngồi cùng xe đến Hội Nhà văn. Anh vẫn nói nhỏ nhẹ như những năm nào ở Quán Tín.

Đôi vai đã nặng trĩu tuổi tác, nhưng trong lòng Nguyễn Xuân Sanh vẫn như "nghe bước xuân về" (1):

Ta đã dười hàng cây xanh mướt mùa xuân
Ta yêu nhau vì ta yêu cuộc sống

Quanh ta đặt diu can giờ lồng...

Cảm ơn Nguyễn Xuân Sanh về những đóng góp lặng lẽ của anh. Xin chúc anh mọi điều tốt lành trong mùa xuân Tân Mão.■

BÂY GIỜ THUÝ Ở ĐÂU?

(Kỉ niệm về nhà thơ Hữu Loan)

LÝ THỊ TRUNG

HQC xong lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng do Tổng bộ Việt Minh mở ở chiến khu Việt Bắc (8-1949) tôi vào công tác tại báo *Chiến sĩ* (Quân khu 4). Lúc ấy anh Hữu Loan làm chủ bút. Tập sự làm báo, lúc đầu tôi chỉ viết tin, đọc các bài cộng tác viên gửi đến chuyển cho các anh phụ trách từng chuyên mục. Tôi cũng tập khắc các minh họa, tit, vi-nhết trên những mảnh gỗ vuông vắn. Anh Hòa Ngọc Nhu thơ khắc chinh-khen tôi khéo tay làm được những cái nét đơn giản. Có lần anh Hữu Loan đọc dịch thẳng vở kịch *Người Nga-la-tu* nguyên bản tiếng Pháp cho tôi viết để đưa in.

Ngày ấy đơn vị báo đóng ở nhà dân. Cán bộ phóng viên nhân viên cũng ở nhà dân gần nơi làm việc. Hết giờ làm nếu không cần về nhà, mọi người thu cất tài liệu ngồi trò chuyện chờ kẻng của bếp ăn tập thể.

Những lúc ngồi với nhau như thế anh Hữu Loan thường kể về chuyến đi công tác Quảng Bình - như đi B thời chiến tranh chống Mỹ. Năm 1947 giặc Pháp đổ bộ lên Quảng Bình, chiếm thị xã Đồng Hới. Đi đến đâu chúng tàn phá, hâm hiếp, giết chóc và đồn bốt mọc đến đấy. Ngày ấy thường gọi "Binh - Trị - Thiên khói lửa", "Binh - Trị - Thiên đau thương và anh dũng". Chỉ nguyên đường vào Quảng Bình cũng vô cùng gian nan. Bài thơ *Về Bố trạch* của nhà thơ Xuân Hoàng đã viết "Muỗi Khe Gát/ Vắt Ba Rển/ Sên Chà Ang/ Cop Trợ Rờ/ Ai dì qua Quảng Bình/ Hắn từng quen huyện Bố/ Huyện khác khổ/ Dân nghèo, đất đỏ/ Dưới chân Ba Rển..." Anh Hữu Loan còn nói có đoàn ba cán bộ đang gặt cây rẽ lối đi trong rừng đã bị cọp vồ chết một người. Khi nghe tin người thanh niên tri thức Quách Xuân Kỳ bí thư thị ủy Đồng Hới bị giặc Pháp bắt tra tấn rất dã man nhưng anh không khuất phục, chúng đã giải anh về Hoàn Lão quê hương của anh xử bắn. Hữu Loan đã viết bài thơ *Quách Tân Kỳ* làm cho người đọc, nhất là người dân, thanh niên Quảng Bình vô cùng xúc động và căm phẫn. Mấy câu kết của bài thơ thật mạnh mẽ và độc đáo:

Bóng cao

tóc xù

Trại Quảng Bình

trong quân phò chiến khu

Đập bàn

tắt đèn
Thết/ sân/ rách/ áo
Thằng Ái Lộc thôn
bản

thằng Kỳ Hoàn Lão!(2)

Nghe mọi người nói thơ mình mạnh mẽ, nhà thơ cười:
- Cố người đọc bài *Đèo Cả* của tôi cũng nói thế:
Đèo Cả!

Núi cao ngút!
Mây trời Ái Lao
Sầu đại dương.

Họ còn giải thích "mạnh như ai lao mây xuống đại dương!"

Bài *Màu tim hoa sim* anh có sửa, có thêm và bớt một vài câu. Sau hai câu *Tóc nàng xanh xanh/ Ngắn chưa đầy búi/* (2 câu tiếp bỗng: *Bốn tháng lấy nhau/ Đôi ngày gần gũi/*) Tôi nhớ *nàng yêu hoa sim tim/ Nhớ ngày nàng vâ cho chồng tấm áo màu xanh/* (2 câu này đã sửa lại và viết thêm) *Nàng có ba người anh/ trên chiến khu Việt Bắc/ Được tin em gái mất/ Trước tin em lấy chồng* (2 câu tiếp sau bỗng) *Sau ngày kháng chiến thành công/ Các anh về gặp nhau...*

Mấy năm gần đây có lần tôi và các con tôi về thăm anh và chị Nhu. Chị Nhu bị ngã gãy chân phải đi nạng. Anh Hữu Loan đã trên 90 tuổi vẫn sống, giọng nói sang sảng, đọc nhớ hết các bài thơ. Tôi chợt nhớ đến bài thơ *Tặng Thúy* anh cho cùng các bài thơ khác, chẳng may giá sách nhà tôi bị mối xông sách báo lưu giữ bị hỏng hết. Tôi rất thích bài thơ ấy nên hỏi:

- Anh có nhớ bài thơ *Tặng Thúy* không?

Anh lắc đầu. Tôi đọc:

Em hiền như chị

Mắt ngòi xanh lam

Em đem đâu lại

Hương thơm hoa ngàn...

Thật kỳ lạ, như được đánh thức những kỷ niệm từ xa xưa, nhà thơ Hữu Loan đọc tiếp:

Em hiền như chị

Mắt lam xa vời

Ngày xưa có chuyện đẹp



Vợ chồng nhà thơ Hữu Loan.

Nàng tiên dì thử người

Anh cười, ánh mắt lấp lánh: "Chỉ nhớ được thế thôi. Hình như còn có câu: Cố một tràng trai, cố một chàng là chàng thương binh trẻ mê Thúy".

Tôi về đơn vị báo thì cô Thúy y tá của bệnh xá quân y đã được đi học hoặc chuyển đến đơn vị khác. Anh Hữu Loan khen "con bé" xinh xắn và ngoan, "nó" dịu hiền và hết lòng chăm sóc thương binh. Tôi đọc xong bài thơ hỏi anh: "Em hiền như chị" có phải là chị Ninh không? Lúc ấy tôi cảm thấy như anh không nghe và đôi mắt đăm đăm nhìn xa xăm.

Tôi thật tiếc là anh Hữu Loan không còn nhớ bài thơ rất đẹp ấy mà chỉ nhớ hai câu kết: *Ngày mai em dì khói/ Ai thương người thương binh?* Tác giả lo khi cô y tá giàu lòng vị tha ấy rời bệnh xá thì ai chăm sóc những đồng đội thương binh của anh.

Bất chợt anh hỏi: Thúy bây giờ ở đâu?

Thúy ở đâu? Ai biết nhỉ?

Tôi làm sao trả lời được nhà thơ. Cho đến hôm nay nhân ngày giỗ đầu của anh, tôi viết những dòng này mong rằng - biết đâu cô y tá Thúy ngày ấy vẫn còn giữ bài thơ được tặng để có một sự lý huyền diệu nào đó bài thơ tuyệt vời đẹp ấy được ra mắt bạn đọc yêu miến thơ của thi sĩ Hữu Loan.■

(1) Quách Xuân Kỳ xung phong vào vùng địch chiếm đóng gãy lái cơ sở, cùng cố tổ chức các đội du kích, địch vận, đòn hám bí mật giấu cán bộ... Liệt sĩ Quách Xuân Kỳ đã được truy tặng anh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(2) Ái thường qua Hoàn Lão rủ Kỳ đi học (học cùng lớp).



MASATSUGU ONO VÀ VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI NHẬT BẢN

Đất nước Nhật Bản vừa trải qua một tai ương tối tệ nhất kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II. Trận động đất mạnh 9 độ richter cùng những đợt sóng thần cao ngất đã làm chết hàng chục ngàn người, và tàn phá nặng nề cả một dải bờ biển miền Đông Bắc nước này. Đau thương tang tóc khiến cả thế giới phải sững sờ. Nhưng ai cũng tin rằng, người Nhật sẽ biết vượt qua những mất mát và tổn thất nặng nề nhất, bởi dân tộc này có một truyền thống văn minh và kiên cường đến kỳ lạ.

Cùng với những trái tim bè bạn đang hướng về **Đất nước Mặt trời mọc**, Văn nghệ xin giới thiệu một vài hoạt động của các nhà văn Nhật trước khi xảy ra thảm họa.

VĂN học nước ngoài, đặc biệt văn học đương đại Nhật Bản luôn có sức hút kỳ lạ với giới trẻ Việt Nam. Sáng 8/3/2011, nhà văn Masatsugu Ono, người được biết đến với hiện tượng **Ngôi mộ vùi trong nước** (Mizu ni Umoreru Haka), đã có buổi thuyết trình tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam về những vấn đề nổi cộm trong văn học Nhật Bản hiện nay.

Masatsugu Ono, sinh năm 1970, là tiến sĩ nghệ thuật và khoa học Đại học Tokyo, tiến sĩ văn học Đại học Paris VIII. Tác phẩm: **Ngôi mộ vùi trong nước** (giải thưởng báo Asahi 2001); **Trời trên vịnh** (giải thưởng Mishima Yukio 2002); **Ven rừng** - 2006; **Chiếc xe buýt mini** - 2008 (đã cử giải thưởng Akutagawa 2008); **Mênh mông hơn cả đêm đen...** sau khi bào về thành công luận văn Tiến sĩ tại Đại học Paris VIII, Masatsugu Ono đã chăm chút cho sự nghiệp văn chương của mình một cách đều đặn trên các lĩnh vực sáng tác, dịch thuật, phê bình và thuyết giảng.

Là một nhà văn, giảng viên, đồng thời cũng là một nhà phê bình, Masatsugu Ono có khả năng nhìn nhận văn học ở nhiều góc khác nhau. Trong buổi thuyết trình của mình, anh đã đưa ra nhiều vấn đề nổi cộm trong văn học đương đại của Nhật Bản, mang đến những cái nhìn mới mẻ cho những người quan tâm và yêu thích văn học Nhật.

Buổi hội thảo tập trung chủ yếu xoay quanh quan điểm, cách nhìn nhận, đánh giá của Ono về tài năng nổi bật của nền văn học đương đại Nhật Bản: Murakami Haruki, tác giả của cuốn **Rừng Nauy** - cơn sốt trên thế giới lần ở Việt Nam suốt hai thập kỷ qua.

Kiệt tác này của Murakami Haruki đã được xuất bản với số lượng đến 10 triệu cuốn trên khắp nước Nhật và toàn thế giới. Trung bình cứ 10 người Nhật lại có một người đọc tác phẩm này.

Lý giải về sức hấp dẫn trong văn học của Murakami, nhà văn trẻ thuộc thế hệ 7x Masatsugu Ono cho hay: "Murakami có thể coi là nhà văn trung tâm trong nền văn học đương đại

Nhật Bản. Các tác phẩm của ông mang một kết cấu chặt chẽ, logic, cân bằng giữa văn học thuần túy và giải trí bởi những hình ảnh vừa cụ thể, vừa chứa đựng những ẩn dụ sâu xa, buộc người xem phải chìm đắm trong suy tưởng".

Người viết văn không thể thờ ơ, đứng bên lề cuộc sống xã hội. Để có một tác phẩm chân thực, làm rung động lòng người, nhà văn cần phải "dấn thân", đặt mình vào bối cảnh thực tế của xã hội, của câu chuyện.

Murakami là một trong số ít các nhà văn Nhật Bản đương đại đã làm được điều đó. Nếu như **Rừng Nauy** thể hiện cái nhìn về xã hội Nhật Bản của tác giả thông qua nhân vật Wanatabe 20 tuổi thi 1Q84 với bối cảnh Tokyo năm 1984 lại để cập tới vấn nạn bạo lực gia đình, cha mẹ đánh đập con cái, mà xã hội Nhật ngày nay đang phải hứng chịu.

Cũng tại buổi thuyết trình, nhiều câu hỏi xung quanh thực trạng văn học ở Nhật Bản, những đề tài "nhạy cảm", về cơ chế "kiểm duyệt" của nhà văn Nhật Bản khi cấm bút...

Tiếp đó, sáng 13/3/2011, tại hội trường C, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà văn đã có buổi tiếp xúc với sinh viên phía nam và những người yêu văn học Nhật Bản.

Trẻ trung trong phong thái và trang phục, Nhà văn nhiệt thành này luôn giữ một vẻ ngoài tươi cười và chủ động trong các cuộc tiếp xúc.

Sinh viên ngồi kín tất cả các hàng ghế. Có lẽ việc một nhà văn trẻ đến từ nước Nhật để nói về một nhà văn Nhật khác (Haruki Murakami) đang được đọc rất nhiều ở Việt Nam, đã thu hút họ. Bài thuyết trình dài phải qua phiên dịch, được trình bày một cách sôi nổi đã được cử tọa châm chู lắng nghe đến tận phút cuối. Điều này đã khiến Masatsugu Ono ngạc nhiên một cách thú vị: "Khi tôi giảng bài, sinh viên của tôi thường chơi

game dưới gầm bàn hoặc ngủ, còn các bạn thi lảng nghe".

Khá nhiều câu hỏi đã được nêu ra. Ví dụ:

- "Giới trẻ Nhật Bản đang đọc gì?"

- "Lứa tuổi 18, 20 chỉ đọc văn học giải trí. Như thế đã là may. Có người còn không đọc gì. Vào cuối tuổi 20 họ mới bắt đầu đọc văn học nghiêm túc".

- "Phương pháp nghiên cứu văn học phổ biến nhất ở Nhật Bản là gì?"

- "Người Nhật chỉ nghiên cứu về các nhà văn đã qua đời. Với các nhà văn đương thời, chỉ những người du học ở Pháp - Mỹ viết phê bình về họ, như một cách giới thiệu những cái hay trong tác phẩm của họ đến cho người đọc".

- "Các yếu tố nghệ thuật và giải trí trong văn học Nhật Bản?"

- "Ở Nhật Bản có các tạp chí khác nhau dành cho từng loại tác phẩm khác nhau. Nếu chọn nghệ thuật thuần túy, nhà văn sẽ in tác phẩm của mình vào tạp chí dành cho loại chủ trọng tinh nghệ thuật. Với yếu tố giải trí cũng thế. Tác phẩm in ở tạp chí nào thì nhà văn thuộc dòng văn học đó. Tuy nhiên, Haruki Murakami đã làm thay đổi điều này: sau Murakami, các nhà văn đã làm ngược lại điều từng làm. Nhà văn chuộng nghệ thuật có thể in tác phẩm vào tạp chí giải trí và ngược lại..."

Tại cuộc gặp với các nhà văn Việt Nam trước đó một ngày, lại có nhiều câu hỏi dành cho tác phẩm của chính Masatsugu Ono, tiểu thuyết **Trời trên vịnh**. Đó là câu chuyện về một làng chài Nhật Bản, nơi không gian hồn như bị ngắn cắt với phần còn lại của thế giới, chỉ có rất ít cư dân, và cuộc sống diễn ra một cách trì钝, buồn tẻ. Những đời người trôi qua lờ òa, như ẩn như hiện trong mắt người khác và có khi trong chính bản thân người đó, không dấu không cuộn...

Tác giả đã sử dụng thủ pháp hài hước, trong mô tả cũng như trong dàn dắt, nhận định, với một văn phong rất nhiều hình ảnh, gợi mở, khiến người ta nhận ra một "chất Nhật Bản truyền thống" vốn không thấy nhiều lầm trong tác phẩm của H. Murakami, bởi tính toàn cầu hóa cao của Murakami.

Masatsugu Ono đã nói về điều này: "Murakami viết về toàn cầu hóa nên ai cũng cảm nhận được, nhất là giới trẻ. Nhưng Nhật Bản vẫn sót lại những địa phương tiền-hiện-đại-hòa. Từ 1996, dân số Nhật Bản đã bị lão hóa. Ở các đô thị còn thấy nhiều người trẻ nhưng về các địa phương chỉ gặp toàn người già. Đối với riêng tôi, những ông bà già, những câu chuyện đồng dãnh nhau quen lại hợp với tôi hơn, là thế mạnh của tôi. Và cách của tôi là mang tiếng cười vào tác phẩm của mình..."

Nếu được giới thiệu rộng rãi, **Trời trên vịnh** chắc chắn sẽ làm phong phú thêm cái nhìn thường thức của độc giả Việt Nam đối với văn học đương đại Nhật Bản. ■

P.V.Tổng hợp



VĂN HỌC NHẬT Ở VIỆT NAM

HÀ VĂN LƯƠNG

Việc giới thiệu văn học Nhật Bản ở nước ta chậm hơn so với việc tiếp nhận văn học một số nước khác. Điều này không chỉ bị hạn chế bởi hàng rào ngôn ngữ (những dịch giả thông thạo tiếng Nhật còn ít) mà còn do nước ta phải trải qua những năm tháng chiến tranh, chia cắt lâu dài và hơn nữa đã có một thời gian phát xít Nhật chiếm đóng nước ta từ trước 1945 nên việc quan tâm đến một nền văn học trong khu vực còn chưa đúng mức.

T RONG việc dịch thuật, trước hết phải nói đến văn để ngôn ngữ, sau mới đến trình độ văn hóa và kinh nghiệm của người dịch. Chúng ta tiếp nhận văn học Nhật Bản thông qua các bản dịch từ tiếng Hán, Trung Quốc, Nga, Pháp, Anh và tiếng Nhật. Thời kỳ đầu, các bản dịch sớm nhất từ tiếng Hán hoặc tiếng Pháp. Về sau xuất hiện một số tác phẩm được dịch từ tiếng Nga, Anh.

Nhìn lại việc dịch thuật văn học Nhật Bản trong thế kỷ qua, chúng ta mới thấy hết tinh ưu việt đường lối đổi mới của Nhà nước trong việc tiếp thu những tinh hoa của văn học thế giới để góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam giàu bản sắc dân tộc, đồng thời khẳng định đóng góp của những người làm công tác "chuyển ngữ" thẩm lặng.

Khi chuyển ngữ, các dịch giả nước ta đã chọn và giới thiệu khá bao quát một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu qua các giai đoạn phát triển của văn học Nhật Bản từ thời cổ đại đến hiện đại. Chính điều này đã giúp cho độc giả Việt Nam có cái nhìn tương đối khái quát về tiến trình phát triển của văn học Nhật Bản. Một số thể loại thơ cổ nổi tiếng của Nhật Bản

nó thể haiku, tanka, renka; những tập thơ như **Vạn diệp tập** (trích), **Thơ Haiku** của Basho; các truyện cổ Nhật Bản như **Truyện dân gian Nhật Bản**, **Hẹn mùa hoa cúc**, **Truyện cổ Nhật Bản**, **Truyện cổ tích dân gian Nhật Bản**, các tác phẩm mang tính chất cổ điển và nổi tiếng của Nhật Bản thời cổ, trung đại như **Truyện kể về Genji**, **Truyện vũ tướng Taira**... đã được giới thiệu ở Việt Nam khá sớm. Những tác phẩm thời cận đại và đương đại của văn học Nhật Bản được dịch nhiều hơn cả. Đó là những tác phẩm của R. Akutagawa (**Tuyển tập truyện ngắn**, **Truyện một người dâng trí**...), Y. Kawabata (**Tiếng rền của núi**, **Ngàn cánh hạc**, **Cố đô**, **Người đẹp ngủ say**, **Thuỷ nguyệt**, **Xứ tuyết**, **Cô dâu miền Izu**...), Y. Mishima (**Trả thù**, **Tá lót**, **Ngôi đền vàng**, **Chiếu hòm lõi bức**, **Sóng tĩnh**, **Người thủy thủ bị biển khước từ**, **Khát vọng yêu đương**...), K. Abe (**Khuôn mặt người khác**, **Người đàn bà trong cồn cát**...), D. Watanabe (**Đèn không hắt bóng**), N. Soseki (**Tình yêu không quên**, **Nỗi lòng**), H. Murasaki (**Rừng Nauy**) và một số tác giả khác.

Bên cạnh việc chú ý đến các thời kỳ văn học Nhật Bản, vấn đề thể loại cũng được đặt ra với người dịch. Về góc độ tiếp nhận văn học, phải nói rằng, chúng ta đã chọn dịch, giới thiệu khá đầy đủ các thể loại. Về thơ, mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng hầu hết các thể thơ cổ hay của Nhật Bản (**tanka**, **renka**, **haiku**) đã được chọn dịch. Việc tuyển chọn, giới thiệu nhà thơ M. Basho - tác giả tiêu biểu của thơ haiku (**Cuốn M. Basho và thơ Haiku Nhật Bản** của Nhật Chiểu, Nxb TP Hồ Chí Minh) là một ví dụ. Có thể nói rằng, mảng văn xuôi

Nhật Bản được chú trọng dịch nhiều hơn. Ở thể loại này có nhiều tác giả, tác phẩm lớn và có hai nhà văn đạt giải Nobel là Kenzaburo Oe và Kawabata Yasunari. Bên cạnh các truyện cổ dân gian, một số truyện trình thảm, truyện tranh, nhiều truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết Nhật Bản đã lần lượt được giới thiệu với công chúng Việt Nam (**Tuyển tập truyện ngắn** của R. Akutagawa, **Tuyển tập truyện ngắn Nhật Bản hiện đại**, **Tập truyện Hạc chiếu**, **Tập truyện Trăng soi dãy nước**..., **Tiểu thuyết**, **Truyện ngắn** của Y. Kawabata, K. Oe, K. Abe, H. Murasaki...)

Những thập niên 60, 70 mặc dù chưa nhiều, nhưng đã xuất hiện một số tác phẩm văn học Nhật Bản xuất bản thành sách hoặc đăng trên tạp chí và báo chí trong nước. Ở miền Bắc, những năm này chỉ mới xuất hiện rất khiêm tốn một số tác phẩm như **Khu phố không có mặt trời** của Sunao Tokunaga (Nxb Lao Động - 1961), **Núi đôi yên lặng** (2 tập, Nxb Văn học, 1962), **Mây gió Hakene** của Tabakura Teru (Nxb Văn học, 1963), **Cánh đồng Busu** của Miyamoto Yuriko (Nxb Văn học, 1964), **Tập truyện Sợi xích trắng** của nhiều tác giả (Nxb Lao Động, 1966), **Khuân mặt người khác** của A. Kobe (Nxb Văn học, 1969). Trong khi đó ở miền Nam trước năm 1975, văn học Nhật Bản được dịch với một số lượng lớn hơn. Không chỉ qua các bản Anh ngữ, Pháp ngữ mà đã có một số tác phẩm dịch thẳng từ tiếng Nhật. Theo thống kê chưa đầy đủ, chúng ta cũng thấy được văn học Nhật Bản khá phổ biến ở miền Nam vào thời kỳ này (**Thơ M. Basho** - Vũ Hoàng Chương dịch, 1969, **Cô dâu miền Izu**, **Ngàn cánh hạc**, **Tiếng núi rền** của Y. Kawabata do Vũ

Thanh Thư dịch (Tạp chí Văn số 10/1969), **Nắng mùa hè**, **Phòng tra tấn** của Shintano Ishihara do Nguyễn Minh Hoàng và Nhã Điển dịch (Tạp chí Văn miến Nam số 57/1966), **Tiểu thuyết Kim Cát tự** (Y. Mishima - Nxb An Tiêm, Sài Gòn, 1970), **Truyện một người dâng tri** (V. Akutagawa - Nxb Từ Chương, Sài Gòn, 1970 ...)

Từ những năm 80, 90 của thế kỷ XX trở đi, khi đất nước thống nhất và tiến hành đổi mới, văn học Nhật Bản được giới thiệu với một khối lượng lớn gấp nhiều lần so với các thời gian trước. Độc giả cả nước tiếp xúc với tác phẩm của nhiều nhà văn lớn của Nhật Bản mang phong cách nghệ thuật khác nhau. Chúng tôi xin thống kê một số tác phẩm được dịch trong giai đoạn này như: **Đường đến nguồn nước** (Nxb Lao động, 1984), **Người đàn bà mà tôi ruồng bỏ** (Nxb Lao động, 1984), **Hạnh phúc và bất hạnh** (Nxb Phụ nữ, 1985), **Kẻ lừa đảo** (Nxb Văn học, 1991), **Ngôi đền vàng** (Nxb Thanh niên, 1990), **Núi đôi yên lặng** (Nxb Văn học, 1992), **Dòng sông sao** (Nxb Lao động, 1993), **Xứ tuyết** (Nxb Hội nhà văn, 1995), **Giặc mộng dàn bà** (Nxb Văn học, 1997), **Tuyển tập Truyện ngắn** R. Akutagawa (Nxb Hội nhà văn, 2000), **Tuyển tập Y. Kawabata** (Nxb Hội nhà văn, 2001), **Những người Nhật bị lăng quên** (Nxb Giáo dục, 2002)... Ngoài ra còn có hàng trăm truyện ngắn khác được giới thiệu trên các tạp chí, báo khắp cả nước. Công chúng Việt Nam bây giờ mới thực sự đón nhận những tinh hoa của văn học Nhật Bản một cách khá đầy đủ. ■

(Theo Thongtinnhatban.net)

DỊCH GIẢ LÊ XUÂN GIANG NHẬN HUÂN CHƯƠNG CAO QUÝ CỦA NHÀ NƯỚC HUNGARY

NGÀY 11/3/2011 tại Budapest, dịch giả Lê Xuân Giang đã được nhận Huân chương Chữ thập Vàng, một trong những phần thưởng cao quý nhất của Nhà nước Hungary.

Với sự hiện diện của Bộ trưởng Bộ Nguồn lực Quốc gia Hungary và các quốc vụ khanh trên ghế Chủ tịch đoàn, buổi lễ trao huân chương đã diễn ra trong bầu không khí trang trọng, nhằm vinh danh những cá nhân đã có thành tích trong sự nghiệp phục vụ dân tộc Hungary, hỗ trợ sự phát triển, thúc đẩy những lợi ích của đất nước và gia tăng những giá trị con người phổ quát. Trong số 54 đại diện xuất sắc trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học được nhận Huân chương Cộng hòa Hungary, Lê Xuân Giang là người nước ngoài duy nhất.

Những nỗ lực của Lê Xuân Giang trong lĩnh vực dịch thuật từ bốn thập niên nay đã được giới chuyên môn và nhà nước Hungary ghi nhận thích đáng. Năm 1990, ông được nhận Giải Déry Tibor cho sự nghiệp truyền bá văn học Hungary. Hiện tại, tuy đã về hưu, nhưng ông vẫn bén bỉ và thường xuyên làm công việc dịch thuật - thời gian gần đây, ông còn nhận được nhiều "đơn đặt hàng" trực tiếp từ Quỹ Sách Hungary.

Trở lại Hungary sau 24 năm xa, ngoài việc nhận huân chương, Dịch giả Lê Xuân Giang còn tham gia Nhà Dịch thuật Hungary (Balatonfured), một dạng trại sáng tác chuyên dành cho các nhà dịch thuật, trong vòng một tháng để hoàn thành bản dịch tác phẩm cuốn *Scientia sacra* của Hamvas Béla, nhà văn, triết gia lớn của Hungary.

Nền văn học Hungary bắt đầu được biết đến ở Việt Nam từ nửa cuối thập niên 50 thế kỷ trước với một số thi phẩm của các nhà thơ cổ điển như Petofi Sándor, József Attila, Ady Endre... và một, hai tác phẩm văn xuôi đương đại, chủ yếu được một số nhà thơ lớn của Việt Nam dịch thông qua ngôn ngữ trung gian (đa phần là tiếng Pháp). Lê Xuân Giang là người đầu tiên chuyển ngữ các tác phẩm văn học Hungary từ nguyên bản, với cuốn tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng *Những ngôi sao Eghe* (Egri csillagok), Nxb Văn học ấn hành năm 1972. Trong những năm sau đó, ông đã chuyển ngữ thành công các tác phẩm văn học cổ điển và hiện đại của Hungary.

Cùng với Lê Xuân Giang, đã hình thành



Dịch giả Lê Xuân Giang nhận Huân chương từ Tiến sĩ Réthelyi Miklós, Bộ trưởng Bộ Nguồn lực Quốc gia Hungary.
Ảnh: Hồng Trang.

một nhóm các dịch giả văn học Hungary, đều là những người từng có dịp học tập và nghiên cứu tại đất nước này: Trương Đăng Dung, Vũ Ngọc Cẩn (với bút danh Vũ Thanh Xuân), Nguyễn Võ Lê Hà (bút danh Hà Anh My)... Tính đến mốc 2008, cũng đã có chừng ba chục đầu sách văn học Hung được ra mắt tại Việt Nam.

Riêng về văn xuôi, trong những năm tháng ấy, ngoại trừ các tác giả cổ điển như Katona József, Gárdonyi Géza, Jókai Mór, Molnár Ferenc, Mórincz Zsigmond..., một số nhà văn đương đại Hungary như Illés Béla, Hegedus Géza, Orkény István, Dobozsy Imre, Berkesi András, Sarkadi Imre, Fekete Gyula, Goncz Árpád, Nagy Sándor, Sánta Ferenc... cũng đã có tác phẩm được chuyển ngữ sang tiếng Việt.

Kể từ khi Hungary gia nhập Liên hiệp Châu Âu (năm 2004) và Việt Nam trở thành một yếu tố quan trọng trong vùng Đông Nam Á, văn học là một trong những điểm nhấn nổi bật, một "nhịp cầu" quan trọng trong mối quan

hệ song phương Việt Nam - Hungary hiện đang trong "giai đoạn phục hưng", như đánh giá của Đại sứ Hungary tại Việt Nam Vizi László.

Phù hợp với sự phát triển đó, việc dịch văn học Hungary tại Việt Nam có sự khởi sắc rất mạnh mẽ. Với cố gắng của các gương mặt dịch giả mới (Giáp Văn Chung, Nguyễn Hồng Nhhung...), nhiều tên tuổi lớn của văn học cận và hiện đại Hungary như Kertész Imre (Giải Nobel Văn chương 2002), Márai Sándor, Csathó Géza, Karinthy Frigyes... liên tiếp có cơ hội ra mắt độc giả Việt Nam.

Đặc biệt, trong năm 2010, nhân kỷ niệm 60 năm quan hệ hợp tác Việt Nam - Hungary, đã có hàng loạt hoạt động giao lưu thiết thực diễn ra trên lĩnh vực văn học dịch hai nước. Tháng 8/2010, đúng vào dịp Quốc khánh Hungary, tạp chí "Văn học Nước ngoài" của Hội Nhà văn Việt Nam đã cho ra mắt một số đặc biệt với nội dung khám phá phong phú về văn học Hungary với nhiều tác giả thi ca và văn xuôi xuất hiện lần đầu tại Việt Nam. Với sáng kiến tái bản một số tác phẩm cũ và ấn hành

những đầu sách mới trong khuôn khổ Tủ sách Văn học Hungary, Nxb Thanh Niên đã đáp ứng được phần nào nhu cầu tiếp cận những giá trị tinh thần đặc sắc của nước bạn.

Không dừng lại ở đó, nhằm giới thiệu sách của Hungary, giới thiệu về văn hóa, đất nước, con người hai nước, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt là tăng cường hợp tác hữu nghị, quảng bá văn hóa của Việt Nam - Hungary, hỗ trợ công tác xuất bản phục vụ công chúng và thanh niên hai nước, một câu lạc bộ văn hóa Việt Nam - Hungary đã được thành lập với sự hợp tác của Nxb Thanh Niên và đối tác Hungary.

Những bước tiến ấy hứa hẹn một sự hợp tác "bài bản" hơn trong quá trình tìm con đường hội nhập văn học "hai chiều" giữa hai quốc gia.

Dịch giả Lê Xuân Giang sinh tại Hà Tĩnh năm 1937, ông từng là sinh viên Đại học Bách khoa Budapest thời kỳ 1956-1963. Tốt nghiệp và trở thành kỹ sư Chế tạo máy, nhưng khi trở về nước, ông lại say mê với những dịch phẩm văn học Hungary. Các tác phẩm dịch đã xuất bản của Dịch giả Lê Xuân Giang gồm có:

"Những ngôi sao Eghe" (Egri csillagok - tiểu thuyết của Gárdonyi Géza)

"Bản hùng ca Các-pát" (Kárpáti rapsódia, tiểu thuyết của Illés Béla)

"Hai mươi giờ" (Húsz óra, tiểu thuyết của Sánta Ferenc)

"Nhà nguyện Kristóph" (Kristóf kápolnája, tiểu thuyết của Galgóczy Erzsébet)

"Đêm thánh Silvester" (Szent Szilveszter éjszakája, tiểu thuyết của Hegedűs Géza)

"Con trai người có trái tim đá" (A koszívu ember fia, tiểu thuyết của Jókai Mór)

"Nhiếp chính Bank" (Bánk bán, Katona József)

"Nérő - nhà thơ bạo chúa" (Néró, a véres kolto, tiểu thuyết của Kosztolányi Dezső)

"Triển lãm hoa hồng" (Rózsakállalitás, tiểu thuyết của Orkény István)

"Bảy xu" (A hétkrajcár, tập truyện ngắn Hungary). ■

HOÀNG LINH

KINH CẦU CHO MỘT ĐỨA TRẺ KHÔNG RA ĐỜI. MỘT SỰ TIẾP NỐI...

GIÁP VĂN CHUNG

Kertész Imre không phải là một tên tuổi xa lạ đối với bạn đọc Việt Nam, nhất là từ sau khi tác phẩm *Không số phận* của ông ra mắt vào tháng 10-2010 vừa qua, và bây giờ, như một sự tiếp nối "mối quen số" này, tiểu thuyết *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời*¹ đã đến tay bạn đọc, bổ sung thêm những nét rõ ràng hơn một diện mạo văn chương đặc đáo của nền văn học Hungary.

Kertész Imre sinh ngày 9-11-1929 tại Budapest trong một gia đình gốc Do Thái. Năm 1944, khi mới mười bốn tuổi ông bị đưa vào trại tập trung của phát xít Đức Auschwitz, rồi trại Buchenwald. Năm 1945, sau khi các trại tập trung này được quân đội đồng minh giải phóng, ông trở về Budapest, tiếp tục đi học và tốt nghiệp trung học năm 1948. Từ năm 1953, ông làm nghề viết văn và dịch thuật tự do. Năm 2002, Kertész Imre đã được trao giải Nobel Văn chương "vì một sự nghiệp văn học nói lên trải nghiệm mồng mịt của cá nhân, đối lập với sự độc đoán tàn bạo của lịch sử".

Trên thực tế, sau tiểu thuyết *Không số phận* (1975) và truyện vừa *Thất bại* (1988), năm 1989 Kertész Imre cho ra đời tiểu thuyết *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* như một tiếp nối cay đắng của *Không số phận*, tác phẩm đã đưa ông lên đỉnh cao văn chương. Trong tác phẩm này, Kertész đã cố gắng di

tim lời giải đáp cho câu hỏi: *Sau trải nghiệm Lò thiêu con người ta có thể sống như thế nào?* Và lời đáp ban đọc tìm thấy trong một tiểu thuyết tự sự, mang đậm tính tôn giáo, cay đắng và nghiệt ngã nhưng thấm đẫm tình thân nhân văn, trong đó nhân vật chính là nhà văn - người vừa trải qua địa ngục trần gian Auschwitz - sau những dàn vặt đau đớn, đã thốt lên tiếng "Không!" quyết định không sinh con. Ông ý thức được rằng sau những gì đã trải qua trong nỗi nhục nhã của lịch sử, người đã tận thấy Lò thiêu, nạn nhân của Holocaust, không có quyền trao số phận Do Thái cho một con người, cho đứa con chưa ra đời của vợ chồng ông, vì những gì đã xảy ra với ông và hàng triệu thân phận Do Thái khác, có thể tái diễn bất cứ lúc nào, với bất cứ ai trong một chế độ toàn trị kiểu phát xít.

Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời vì vậy chính là quá trình nhìn lại quá khứ, sự tái hiện mang tính tự sự về những gì đã xảy ra trong cuộc đời nhà văn, qua đó ông nhớ lại những sự kiện quan trọng nhất trong cuộc đời mình, trong cuộc hôn nhân ngắn ngủi và qua trình đi đến quyết định dứt khoát thốt ra tiếng "Không!" đau đớn xuyên suốt tiểu thuyết kia.

Đọc *Kinh cầu cho một đứa bé không ra đời*, thoạt tiên người đọc cảm giác bị đưa vào một mê hồn trận: ý tứ trùng lặp, câu văn dài lê thê, vòng vèo, có khi từng đoạn phản nghĩa nhau, đầy mâu thuẫn, vừa khó hiểu, vừa

khó nắm bắt ý tưởng đích thực.

Tuy nhiên, để tiếp cận lối hành văn mới là nay và cách tư duy phức tạp, rắc rối của Kertész, chúng ta phải tìm đến với... nghệ thuật âm nhạc cổ điển. Cách viết, hay nói cách khác là văn phong, ngôn ngữ của tác phẩm này chịu ảnh hưởng sâu sắc của phong cách âm nhạc Fuga (fugue), còn gọi là tấu khúc hay tấu pháp, một trong những dạng quan trọng nhất của các thể loại đối âm (counterpoint), một thể loại âm nhạc đa bì, đa âm, cầu kỳ, đã phát triển qua hàng trăm năm và đạt tới đỉnh cao trong thế kỷ 18, đặc biệt trong các tác phẩm của Johann Sebastian Bach và Georg Friedrich Handel. Bản chất của thể loại âm nhạc này là sự lập lại, đuổi nhau của nhiều âm, nhiều bì qua nhiều nhịp trong một tiết nhạc ngắn hay một chương dài hơn, có thể nói bì nọ đuổi bì kia liên tục, trên nền của những âm thanh khác gần gũi với nó.

Cách viết ảnh hưởng của thể loại nghệ thuật này nhiều khi câu văn cuốn cuộn, lặp thường lặp lại, được nâng cấp độ lên dần dần, có khi lại bị níu kéo lại. Nhà văn thường xuyên luận nghĩa, giải thích, phản ứng, đúng như trong tác phẩm ông đã viết: "... không thể né tránh những lời giải thích, chúng ta thường xuyên phản bội và giải thích, cuộc sống cũng đòi hỏi chúng ta lời giải thích, cái hiên tượng và cảm thức phức hợp không thể giải thích này, môi trường của chúng ta đòi hỏi lời giải

thích, và cuối cùng chúng ta đòi hỏi lời giải thích từ chính chúng ta..."

Cả cuốn tiểu thuyết như một bản Kaddish (kinh cầu đọc cho người đã chết của người Do Thái), nó không chỉ gắn bó với truyền thống Do Thái về mặt định danh thể loại nghệ thuật, mà cả trên phương diện cấu trúc nó cũng trung thành với những di sản văn học Do Thái, đồng thời là phương pháp kỹ thuật tuân theo những tiêu chuẩn của thể loại này, vì sự giải thích bằng lời các học thuyết bằng văn bản, sau đó là sự lưu giữ bằng văn viết, sự giải nghĩa tiếp tục là phương pháp đặc trưng của truyền thống Do Thái. Và như vậy, rõ ràng tác giả đã lựa chọn cách viết phức tạp này một cách hoàn toàn có chủ ý, nhằm đạt đến hiệu quả nghệ thuật tối đa.

Kinh cầu cho một đứa bé không ra đời là tác phẩm quan trọng thứ hai của Kertész Imre, sau *Không số phận*, một bản án đặc biệt viết với một bút pháp độc đáo của một nhà văn lớn, có sức ám ảnh mạnh mẽ và sâu sắc, đối với chế độ toàn trị phát xít. ■

Budapest

1- Kertész Imre: *Không số phận* (Giáp Văn Chung dịch, Cty cổ phần văn hóa và truyền thông Nhã Nam và Nxb Lao động, 2010)

2- Kertész Imre: *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* (Giáp Văn Chung dịch, Cty cổ phần văn hóa và truyền thông Nhã Nam và Nxb Lao động, 2011)

TIẾNG NGÔNG TRỜI TRONG BẢN MỜ SƯƠNG

Truyện ngắn dự thi của BÀN HỮU TÀI (Dân tộc Dao)

TRỜI tờ mờ sương trong màn sương núi đặc lèn lung linh hư ảo trước chân núi màu tối ở phía xa bắt đầu sáng dần, nhạt nhòa, như ai đó từ từ kéo một tấm vải mỏng có màu sáng rộng khổng lồ phủ lên một đồi cỏ hoang. Sau một đêm mưa to đám rãy ngô của Liu ở cuối bản Giảo Vài đã biến thành một vùng nước ngập lồng lộng một lớp khói trắng sà thấp mặt nước, tuôn xuống xuôi theo gió làm đảo lộn sắc màu không gian của bản. Sương mù tan dần ở nơi này thì lại dồn về dày đặc ở một nơi khác. Đám rãy của Liu chỉ còn nhìn thấy những ngọn cỏ ngô phô phất trong một vùng nước ngầu đục. Liu dậy sớm hơn mọi hôm để xuống thăm ngô thì một chuyện lạ đã làm Liu phải hoảng sợ.

Bấy lâu nay ở bản Giảo Vài chưa từng có ai nuôi ngỗng, vậy mà sáng nay Liu đang xuống thăm rãy ngô thì trong vùng rãy bị nước ngập bỗng có tiếng ngỗng kêu làm Liu hoảng hốt suýt bỏ chạy nhưng Liu vẫn cố trấn tĩnh lấy lại can đảm quan sát. Từ trong vùng nước ngầu đục xuất hiện một con ngỗng to, cổ dài loằng ngoằng đang kêu và bơi từ từ về phía Liu. Liu sợ quá co giò chạy một mạch về nhà nói với mẹ như sấp ngạt thở:

- Mẹ ơi, đám rãy ngô nhà mình lại bị ngập như mọi năm nhưng trong đó có một con ngỗng to xuất hiện làm con sợ quá.

- May đã tỉnh ngủ chưa đây? Tự nhiên nhìn thấy ngỗng ở bản Giảo Vài này là thế nào? - Tưởng Liu đang ngủ mê nói nhảm nên mẹ vào gần cui đầu nhìn mặt Liu và véo nhẹ tai nó.

- Mẹ à, sáng nay nhiều người đang đi chợ Nà Bao mua đồ để chuẩn bị ăn Tết Đoan Ngọ vào ngày mai, mùng năm tháng năm Âm lịch, con đang tỉnh đây mẹ tin chưa? - Liu nói vẫn chưa hết hoảng hốt.

Trời đã sáng hẳn trừ trẻ nhỏ ra mọi nhà trong bản ai nấy đều đã thức dậy nhóm bếp. Mẹ Liu ra ngoài nghe ngỗng qua thật có tiếng ngỗng kêu trong vùng nước ngập. Con ngỗng đột nhiên xuất hiện vào buổi sáng sau đêm mưa to đã làm mọi người trong bản hoang mang sợ hãi. Chẳng ai dám khẳng định là ngỗng trời hay ngỗng nhà từ đâu tới, nếu là ngỗng trời thì cũng chưa ai từng được nhìn thấy nên cả những tay súng kíp thợ săn có tiếng ở bản cũng không dám lên tiếng, trẻ con không dám khóc. Người lo ngại nhất lúc này chính là bố mẹ Liu. Vì con ngỗng xuất hiện trên đám rãy ngô của mình nên cả nhà Liu nghĩ sắp có tai họa giáng xuống và bản bạc đãi tìm thấy cũng thấy mo xem què.

Tại nhà ông Phu thấy mo mọi người đang bàn bạc loạn cả lên, ông Phu bảo cho thằng Thông lớn hơn theo chân ông đi cùng nếu chẳng may ông bị say rượu ngủ ở dọc đường nó còn giúp ông xách được thịt kèo chó tha hết nhưng thằng Quan cũng đã khá lớn mà không hề biết điều, nó cùng bé Kiêm cứ lùn cúi nhéch nhách bám lấy ông Phu không chịu đi lấy cỏ bò giúp mẹ. Bà Phu nói với chồng:

- Ông à, cuộc đời làm mo cũng tế của ông đã mấy chục năm rồi mà chưa gặp một trường hợp nào lạ như ở bản Giảo Vài lần này. Chả phải ông xem quẻ bảo rằng con ngỗng đó là của ông trời phái xuống báo điềm xấu sao? Tôi nghe chứng nguy hiểm lắm, biết đâu ông đang cúng tế cầu xin chưa xong mà ông trời giận dữ làm cho bản Giảo Vài bị sập thì ông cũng bị chết chôn chết vùi mất thôi. Hay ông đi nhà ông Phau cũng cái nhỏ trước đi còn việc con ngỗng từ từ đã ông a.

- Ôi giờ, bà là phận gái có biết gì về việc cúng tế ra làm sao đâu mà nói. Cúng nhà ông Phau lần này cũng chỉ vì thằng San con ông ấy đi đón cùi nhất được con sóc chết ngay cạnh đường, để cúng chỉ cần một con gà to báo cho tổ tiên bảo vệ cho con cháu tai qua nạn khói tránh được những điều dữ. Còn việc con ngỗng là do ý trời muốn bản Giảo Vài gặp nạn nên phải nó xuống báo

điểm xấu. Muốn để cúng tế xin trời đổi ý, lễ vật cần có đầy đủ gà, lợn, vịt, ngan. Lễ vật tế lần này là cả bản gom góp nên lễ cúng còn to hơn cả đám cưới. Người ta có câu nói "làm cúng ăn thịt, làm quan ăn tiền" vậy bà thử nghĩ xem tôi có thể bỏ qua lễ cúng to thế này được sao?

Nghe ông Phu giải thích bà Phu cũng ậm ừ cho qua chuyện rồi chẳng biết thế nào lời bà Phu cũng làm chồng chán chường, ông quyết định đi nhà ông Phau cúng trước.

Trong lúc ông Phu đang cúng báo tổ tiên về con sóc chưa xong, con gà cúng vẫn còn bày trên bàn cúng thì cô Lai cầm dao đến chém lấy cái đùi gà mang vào bếp nướng trên than củi ăn. Theo kinh nghiệm quan sát khói hương thì ông Phu nhìn thấy có con ma rừng đang đói, ông nói con ma đó theo thằng San về nhà nhập vào cô Lai từ lúc thằng San nhìn thấy con sóc chết ở dọc đường, con ma rừng đó rất đói bụng nếu không cung để tiễn nó về rừng thì nó sẽ hại súc vật chết để ăn thịt nên ông Phau phải thịt thêm một con gà, một con ngan nữa cho ông Phu cúng tiễn ma đói về rừng.

Tuy Tết Đoan Ngọ không ăn to như Tết Nguyên Dán hay Rằm tháng Bảy nhưng theo truyền thống thi trong bản nhà nào cũng phải chuẩn bị chút ít gạo nếp để đồ

xôi hoặc làm bánh giày, bánh gai. Bản Giảo Vài không có ruộng nên chỉ trồng ngô và đồ tương là chính, mọi người phải đi xa hàng ngày đường mới có chỗ phát triển trồng lúa nương. Những nhà neo người không đủ điều kiện đi làm lúa nương ở xa thì khó khăn lắm mới kiếm được tiền ra chợ mua gạo nếp. Bây giờ có chuyện là cả bản đang lo âu và phải gom góp của cải chuẩn bị làm lễ tế trời cầu xin được bình yên ai cũng cảm thấy như gánh thêm một chiếc đòn trên vai mình. Trong lòng người nào cũng hoang mang lo sợ, đặc biệt là bọn trẻ có những đứa còn không dám ra khỏi nhà đi chăn trâu chăn bò. Mọi người xì xào rằng nếu sự thật như thày Phu nói thì số trời đã định, tế lễ không hợp lý không trừ được họa thì cả bản sẽ phải chấp nhận tai họa. Vì thế họ càng muốn sẵn sàng đón của cải cho việc tế lễ, nếu trời không đổi ý thì coi như cả bản chết cũng đã được ăn uống đầy đủ trước khi về âm phủ. Liu năm nay mười bốn tuổi, nhà nghèo xơ nghèo xác, Liu phải giúp bố mẹ làm việc như một người lớn quần áo vẫn chưa đủ mặc. Nhà Liu đông anh em các em còn nhỏ nên chỉ mỗi Liu lớn hơn cả và giúp được bố mẹ. Lần này cả bản gom góp chuẩn bị tế lễ, nhà Liu không có đủ lễ vật Liu cũng sẵn sàng đóng ý với bố mẹ đem ngô riêng của mình đi bán để góp tiền cho bố mẹ mua lễ vật đóng góp cùng bản. Liu cùng bố ra chợ bán xong ngô thì cũng là lúc chợ vãn dần, không mua được ngan hai bố con dạo chợ một vòng rồi quay về đến ngã ba đường xuống bản Giảo Vài thì gặp ông Lử ở bản Kéo Tám cũng đang cùng đường đi bản Giảo Vài. Bố Liu mời ông Lử một điếu thuốc cuộn bằng giấy bản và hỏi thì ông Lử bảo ra chợ nghe nói có con ngỗng lạ xuất hiện nên ông cũng muốn đến bản Giảo Vài thăm dò xem. Tuy đường mòn từ Kéo Tám xuống Giảo Vài cũng hết ba mươi phút đồng hồ nhưng hôm nay vừa đi vừa nghe bác Lử trò chuyện với bố Liu thấy chẳng mấy chốc mà cũng đã về đến bản của mình.

Bản Giảo Vài vắng lặng đìu hiu hơn kể từ khi con ngỗng xuất hiện. Đám rãy ngô của Liu ở cuối bản vẫn bị ngập nước, đây là đám rãy ở vùng trũng thấp nhất bản nên khi bị ngập nó hệt như một cái ao, chiều nay nước vẫn đục lèn khói trắng sà xuống mặt nước, sương chiều sà xuống trùm lên vạt rừng, trùm lên cái ao và trùm lên cả bản Giảo Vài. Những ngôi nhà lụp sụp với những tấm phên vách được ken bằng mảnh ván. Để chuẩn bị những bữa cháo ngô thật ngon đợi chờ cả nhà đi làm về ăn thì người trong nhà phải chuẩn bị càng sớm càng tốt, bột ngô được xay bằng cối đá rồi sàng lấy bột, khi nước sôi người khuấy cháo phải thật khéo tay để tránh bột ngô kết lại thành cục. Bên trong những cục bột đó nước không ngấm vào được sẽ khô cứng và không chín. Vì thế đang buổi chiều nhưng bên trong một số nhà đã ánh lên những ngọn lửa bếp lập lòe hắt ánh sáng vàng vọt chập chờn. Khói vừa thoát ra khỏi nhà đã bay quyện vào màn sương trắng xám mịt. Nhìn từ xa chỉ còn là những chấm đỏ chập chờn trong sương.

Có lẽ con ngỗng đã thầm lạnh nên nó đứng một chân trên phiến đá nhô lên khỏi mặt nước và thọc đầu vào bên dưới cánh ngỗ. Hai bố con Liu và ông Lử thập thò đến bên bờ ao thì sơ ý ông Lử bị trượt chân ngã làm con ngỗng giật mình tỉnh giấc, nó dài cổ ra cất tiếng kêu ập oạp ngô nghiêng xác định hướng có tiếng người rồi bước xuống nước lội bì bõm, có vẻ nó đã quá đói và bơi từ từ về phía ông Lử và hai bố con Liu, càng đến gần càng nhìn rõ trên đầu nó có một chấm đỏ lạ thường. Ông Lử cười khà khà nói:

- Nó là ngỗng nhà tao. - Ông Lử bẻ lá lấy một bắp ngô bóc vỏ và tách lấy hạt bỏ xuống đất cho con ngỗng, nó ăn một cách ngon lành. Ông Lử bắt lấy nó ôm vào lòng, tay ông vuốt lông nó từ đầu đến lưng rồi như muốn cốc nhẹ đầu nó và nói với nó như nói với một đứa trẻ con:



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

- Mày đi đâu xa cho mọi người sợ loạn cả lên thế hả, mày?

Con ngỗng nhìn ông Lứ chớp chớp mắt như hiểu được ý và muốn nói lời xin lỗi. Liu nhìn con vật có dáng vẻ thông minh và thật đáng yêu. Liu nói với bố:

- May quá. Thế là cả bản Giảo Vài không phải cúng nữa. Bố ơi, hay mình bảo bác Lứ bán cho mình nuôi luôn không mang về nhà bác ấy nữa bố nhỉ.

- Ủ được đấy. – Bố Liu cũng thở phào gật đầu cười.

- Nhưng cháu phải mua thêm một con nữa nó mới có bạn và để trứng được, mà trứng ngỗng đắt tiền lắm đấy cháu à. - Ông Lứ nói tiếp.

Nghe ông Lứ nói trong lòng Liu bỗng nảy ra những ý định thật kì diệu, Liu nghĩ không phải làm lễ tế trời số tiền bán ngô của mình sẽ mua một đôi ngỗng để nuôi. Tuy ngỗng đẻ ít trứng nhưng đắt tiền, mình sẽ để dành được thật nhiều quả mới cho mẹ đem ra chợ bán mua quần áo cho mình và cho các em, đến mùa đông lạnh mua cả khăn ấm tặng bà, bà sẽ khen mình thật giỏi và ngoan. Liu sung sướng nói:

- Vậy bác cho cháu ôm nó rồi cùng về nhà cháu căn nó bằng căn On Nàm(2) của ông chau rồi tinh tiến cho bác nhé!

Ông Lứ gật đầu và đưa con ngỗng cho Liu. Từ giữa rãnh ngô ba người xao xắc nhầm hướng lối mòn của bản đi ra. Liu lom khom cui người ôm con ngỗng đi trước thỉnh thoảng lại đưa tay che lên trước mặt đỡ cho lá ngô khỏi gây rát mặt. Ra đến lối mòn Liu nhìn thấy thằng Thông con thấy Phu đang cúi cùi vác cùi khả năng đi về phía mình. Khi Thông đến gần Liu mới cất lời:

- Anh Thông dí vác nặng thế?

Thông giật mình ngẩng mặt nhìn thấy Liu đang ôm con ngỗng cổ dài ngoảng, sững người cúi đặt bó cùi xuống vắn để ngọn cùi dựng lên, một tay giữ cùi tay còn lại chống hông thở hổn hển, chưa kịp nói gì thì Liu nói tiếp:

- Anh về bảo lại bố anh là không cần phải làm lễ tế trời nữa đâu.

- Sao vậy? Thế mày vừa ôm con ngỗng ở đâu về?

- Nó là con "ngỗng trời" của bố anh nhưng chính xác hơn nó là con ngỗng của nhà bác Lứ bị lạc theo dòng nước từ trên bắn Kéo Tám xuống ạ!

- Bố anh dựa vào "quê", còn mọi người dựa vào đâu mà biết nó là ngỗng nhà bác ấy chứ?

Bác Lứ cười khà khà nói:

- Ngỗng nhà tao, tao nhuộm đỏ lồng trên đầu nó cho khỏi lạc với ngỗng nhà khác kia kia!

- Mọi người nói láo! Muốn phản bác thấy mo thấy cung à? Bố cháu làm nghề mày chục năm nay không đàng để mọi người tin cậy sao? Làm gì có chuyện con ngỗng mà lạc đi xa được như thế cơ chứ?

- Anh dám vô lẽ với bác Lứ. Em sẽ mách bố anh!

- Mách thì mách anh cũng không sợ. Sáng nay bố anh vừa đi cung tiễn ma rừng nhà ông Phâu về, vì thằng San đi đốn cùi nhật được con sóc chết ở ngay vệ đường, máu mõm máu mũi vẫn còn đỏ tươi. Nếu không có ma rừng làm sao nó chết cho thằng San nhìn thấy được. Mọi người giải thích đi!

Ông Lứ và bố Liu đang ngạc nhiên nhìn nhau thì Liu hỏi:

- Vậy anh San nhật được con sóc ở chỗ nào?

- Chả phải trên đường đi rừng trúc nhà ông Phin gần đoạn rẽ vào rãnh khoai lang nhà mày còn gì?

Liu không kiềm nổi mình, nó trợn mắt nói:

- Vợ vẫn, thật là vớ vẫn. Con sóc đó là của em, sáng hôm trước em đi vác cùi rẽ vào rãnh khoai lang thám cạm bắt được, em để đấy rồi lên rừng vác cùi khi quay về không còn thấy nữa em tưởng có con chó nhà ai tha mát, hóa ra...

Liu nói chưa dứt lời nhưng mọi chuyện đã rõ. Bố vỗ vai Liu ngắt lời:

- Thôi không được cãi nhau, chúng ta về thôi con!

Trên đường về bố Liu cảm thấy đã thấm mệt và đói bụng, ông nhổ vài cây sắn trên bờ rãnh ở cạnh bờ đường bẻ láy củ mang về. Những bàn chân đen đùi của ba người lướt trên những vật cỏ xanh rờn còn đọng lại những hạt mưa và lướt trên những đoạn đường lầy lội rồi bước lên những bậc thềm đá trước cửa nhà. Liu bẻ láy những que rào vườn cho ông Lứ và bố cạo bùn đất dính trên bàn chân và đạp bồm bộp xuống nền đất cho sạch tước khi bước vào nhà. Căn nhà tối dần nghe thoang thoảng mùi ẩm mốc bốc lên từ nền đất ở gốc vách và mùi lồng bò, mùi chua ngai ngái của phân gia súc xung quanh nhà, đầy ắp sự ấm cúng và êm đềm. Khói sương

NGUYỄN VĂN HIẾU

Làng tôi

Đã lâu về lại thăm làng

Gặp cơn gió núi thổi tràn qua sông

Em đi nhớ mẹ bên đồng

Nặng đôi quang gánh vẹo hông lệch chiều

Quê nhà biết mấy thân yêu

Lặng nghe có tiếng sáo diều đâu đây

Vân hổ sen trổ bông đầy

Vân con đê với những ngày trẻ thơ

Một chiều cát trắng ngắn ngo

Cây đa có tự bao giờ vẫn xanh

Em còn có nhớ đến anh

Đêm trăng lời hẹn đã thành ca dao

TRỊNH QUỐC THẮNG

Tháng hai

Rét lộc sao mà da diết thế

Mầm non đành giấu nụ trong cây

Sương như dải lụa giăng mờ ngõ

Mưa lộc đầu Xuân lất phát bay

Tháng Hai bỗng xoá lèn lộc biếc

Nắng nồng nà xanh thắm lá cây

Lúa chiêm mềm mượt thi con gái

Sóng cạn dòng trôi đợi nước đầy

Tháng Hai, tháng ngắn ngày cũng ngắn

Thấp thoáng người đi trẩy hội hè

Bạn cũ có còn hay đã vắng

Cô trả về đây thăm chốn quê

Chợ hôm rộn rã mời chào

Con tôm, mè ốc, bò rau vườn nhà...

Bao năm đánh giặc đi xa

Bữa cơm xoàng với tương cà mà ngon

Tiên hiến bia kí mãi còn

Gương xưa như nhắc cháu con bấy giờ!

Dòng sông như một giấc mơ

Cô con cò trắng bất ngờ bay ngang

Tháng ba về dự hội làng

Mình ăn bánh lá rồi sang thăm chùa

Tím trời một sắc hoa mua

Gió rung dĩnh núi một trưa thành hoàng

VÂN LONG

Tiềm ẩn

Cuộc hành trình qua mùa đông khắc nghiệt

Không dung một sợi tóc thừa

Mạnh lả phượng lân tần vàng ủa

Rung nốt trong màn sương cuối thu

Cành phượng gầy guộc như khói

Toả mùa đông mặt hổ

Cây ẩn mình như không còn minh nữa

Bên cuộc diễu hành trầm sắc hoa

Giấu ở đâu hối khổ khổng, trại trán

Trái tim đỗ dù thấp nghìn ngọn duối?

Đốt mùa hè bồng rực

Châm ngòi cho tiếng ve ran

Tôi lướt qua hương sắc trầm nhã

Để chiêm ngưỡng cây phượng già trầm mặc

Đôi nét mực nho đậm bạc

Mơ hồ mặt lụa nước trời xuân...

TÙNG VĂN HÂN

Con gái người Thái

Con gái người Thái

Đã diện là diện hết mình

Diện từng cái rạng

Diện từng sợi tóc

Diện từng sợi chỉ thêu piêu

Diện cả cái nhìn

Con gái người Thái

Đã làm là không biết mệt

Đi ruộng không xem bóng mặt trời

Dệt vải đêm không nghe gà gáy

Con gái người Thái

Đã hát là hát giọng cao

Hát không nghỉ dù bụng mình đang đói

Đã múa là múa thật dẻo

Dẻo cả đôi tay dẻo cả con tim

Con gái người Thái

Khách đến nhà dù gần hay xa

Đã có khách không tiếc gà, tiếc rượu

Chẳng tiếc gì chán đậm mới làm

Con gái người Thái

Đã yêu chỉ yêu một người

Yêu như nấm yêu cây

Yêu như rêu yêu suối

Yêu như mè yêu đồng

len vào tận bếp mang theo cái lạnh man mát từ những khói đá những lá cây tận rùng sâu, ánh sáng bếp hắt bóng người chao lượn trên vách. Liu ngồi xuống ghế đầu cởi những gộc cùi gỗ nghiên to như cột nhà ra, những mảnh than tóe lửa nổ lép bép bay loảng nhoảng. Liu nướng những củ sắn sau khi bóc vỏ trông trắng nõn ướt ướt trên than cùi và khô vàng dần. Đợi khi khô đến mức có màu vàng cháy rồi Liu mới vùi những củ sắn vào trong gio nóng, lát sau bỏ ra dùng chiếc gấp lửa (3) gõ thử, theo kinh nghiệm Liu biết sắn đã chín. Liu tè những khúc sắn thơm phức cho mọi người ngồi quanh bếp lửa ăn một cách ngon lành, trong họ dường như ai cũng có chút niềm vui mơn man len lén vuốt ve đầu óc những người đồng đặc sương núi này.

Rồi ông Lứ bước ra khỏi nhà của Liu mang theo mùi sắn thơm nồng đậm đặc trong buổi chiều hoàng hôn tràn đầy khí núi và sương mù. Bố Liu tiến khách bước xuống những bậc thềm đá và đứng nhìn bóng ông Lứ xa dần cho tới khi hòa vào trong lớp sương mù ở cuối bản Giảo Vài.

Con ngỗng đã là của Liu, nó là con ngỗng đầu

tiên được sống trên đất Giảo Vài đậm đặc sương mù này. Không còn ai sợ hãi nó nữa. Mọi người tin rằng sẽ không có con ma nào làm hại người và phải bói toán, cúng tế mo chay như các thầy mo thấy cũng thường nói. Mỗi buổi sáng bản Giảo Vài lại bắt đầu từ màu tối của màn sương núi đặc lèn lung linh hào trước chân núi rồi nhập nhòa sáng dần trong khói sương. Khi bình minh đến những con chim từ quy trên rừng thức dậy cất tiếng thống thiết gọi bạn tình cũng là lúc Liu thức dậy mở cửa chuồng cho con ngỗng của mình. Mỗi buổi sáng sau một đêm ngủ ngon ra khỏi chuồng nó lại dang đôi cánh vỗ nhẹ phanh phách như tập thể dục rồi cất tiếng kêu ập oạp đón chào một ngày mới. Tiếng kêu của nó như ngày một trong trẻo hơn, vang xa hơn trong bản sương mù.

- Mè hoặc mè (1)(Tiếng Dao): Mẹ.

- Cân On Nàm(2) (cân An Nam): Loại cân làm bằng gỗ của người Mông, Dao.

- Gấp lửa (3): Nghĩa theo cách gọi của người Dao về chiếc gắp gấp than được làm bằng trúc, vầu hoặc tre nứa.

Thái Nguyên 03/2009

MỸ HỌC NHO GIA TRONG NHẠC KÝ

PHƯƠNG LỰU

DÀO sâu vào thi học cổ điển Trung Hoa, mà tiêu biểu là của Nho gia, chúng ta cũng đã từng tìm hiểu cơ sở triết học của nó từ *Kinh Dịch*, v.v..., nhưng còn cần khai thác cơ sở mỹ học gần gũi hơn. Nói mỹ học ở đây theo nghĩa hẹp là nghệ thuật học như cuốn *Nhạc luận* của Tuân Tử (325-238 TCN), v.v... Nhưng cuốn *Nhạc ký* tuy có phần giống với *Nhạc luận*, song nội dung phong phú và có hệ thống hơn nhiều mà hiện nay vẫn chưa xác định được tác giả và năm tháng ra đời. Có ý kiến cho rằng đó là công trình do môn đệ Tuân Tử phát huy mở rộng thêm nội dung của *Nhạc luận*. Điều này thì cũng rất có thể, nhưng nói ngược lại cũng không hề trái lý, bởi vì có khi *Nhạc ký* với tư cách là một "chuyên khảo mỹ học" ra đời trước, đến Tuân Tử với tư cách triết gia tóm tắt lại chỉ theo nhu cầu cần thiết của mình thì sao? Quả vậy, theo Quách Mạt Nhược thì *Nhạc ký* là do Khổng Tử trực truyền hoặc tái truyền cho đệ tử là Công Tôn Ni Tử biên chép lại và xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ tư trước công nguyên, gần như đồng thời với *Thi học* của Aristotle. Nhưng cũng như *Thi học* không chỉ bàn về thơ, mà cả về văn học nói chung, thì *Nhạc ký* cũng không phải chỉ bàn về âm nhạc, mà nếu xét từ những nguyên lý mỹ học cơ bản của nó thì liên quan đến tất cả bộ môn nghệ thuật. Trong *Nhạc ký*, thật ra chỉ có chữ *âm* là nói riêng về âm nhạc, còn chữ *Nhạc* cũng giống như *Chữ Lạc*, cho nên có bản tiếng Anh không dịch thành *Music* mà là *Recreation* có nghĩa là giải trí, vui vẻ, tiêu khiển, nghĩa là liên quan đến các ngành nghệ thuật, nhất là thơ ca, âm nhạc, vũ đạo . v. v. . rất thịnh hành lúc bấy giờ. Thật ra cuốn *Nhạc ký* hoàn chỉnh gồm 23 chương này đã thất truyền, nhất là 12 chương sau bàn về những vấn đề cụ thể như *Nhạc khí*, *Nhạc luật*, *Nhạc tác*, *Tấu nhạc* . v.v... thì mất hẳn. May sao trong *Lễ ký* và cả *Sử ký* còn sao chép lại 11 chương đầu như *Nhạc luận*, *Nhạc bản*, *Nhạc ngôn*, *Nhạc lễ*, *Nhạc tinh*, *Nhạc thi*, *Nhạc hóa*, *Nhạc tượng*. v.v... toàn là bàn về những nguyên lý mỹ học cơ bản, có liên quan đến mọi ngành nghệ thuật nói chung.

Mở đầu thiên Nhạc bản có viết: "Phàm là âm nhạc sinh ra từ trong lòng người. Tinh xúc động bên trong, cho nên hình thành những thanh âm, thanh âm trở nên đẹp đẽ, đó là âm nhạc vậy" (Phàm âm già, sinh nhân tâm giả dã. Tinh động ư trung, cố hình ư thanh, thanh thành văn, vị chi âm). Ở đây có mấy khái niệm then chốt: *tâm*, *tinh*, *thanh*, *văn*. Xác định nội dung của âm nhạc là tinh cảm rất quan trọng, đó cũng là đặc trưng chung của nghệ thuật. Nhưng đây là nghệ thuật của âm thanh, cho nên tinh cảm bên trong phải ngoại hiện ra âm thanh, nhưng không phải bất cứ âm thanh nào cho dù rất giàu tinh cảm như tiếng khóc, tiếng cười cũng không phải là âm nhạc. Phải là những âm thanh được tổ chức theo những phương thức nhất định mới "thành văn". Chữ "văn" này phải hiểu theo từ nguyên có nghĩa là vẻ đẹp. Ở chỗ khác cũng trong thiên Nhạc bản còn viết tiếp: "Lòng người cảm sự vật mà xúc động, sẽ phát ra âm thanh. Âm thanh tương ứng theo lòng người mà biến đổi thành vẻ đẹp đó là âm nhạc vậy" (Nhân tâm... cảm ư vật nhì động, cố hình ư thanh. Thanh tương ứng, cố sinh biến, biến thành phương, vị chi âm). Như thế nhân tâm phải có sự vật, rồi còn qua các khâu "tương ứng", "sinh biến", "thành phương" (chữ phương cũng có nghĩa như chữ văn) mới có được âm nhạc. Như thế nghệ thuật phải là kết quả của nhiều khâu tương tác giữa chủ thể và khách thể thẩm mỹ. Kể ra đây cũng là những quan niệm cơ bản phổ biến nhất về nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của âm nhạc nói riêng và về cơ bản cũng là nghệ thuật nói chung.

Như thế đặc điểm trong quan niệm về nghệ thuật âm nhạc của Nho gia phải được tìm hiểu thêm từ cách nhìn của nó về chức năng của ngành nghệ thuật này. Là triết lý nhập thể, tất nhiên Nho gia chủ trương nghệ thuật vị nhân sinh, âm nhạc phải vì con người. Về mặt này, tuy ngắn gọn súc tích, nhưng phải nói Nho gia bàn luận rất toàn diện. Con người có khía cạnh tự nhiên sinh vật học, như thể âm nhạc trước hết làm cho con người "nhũ mục thông minh... huyết khí bình hòa" (*Nhạc tượng*), biết hòa đồng với thiên nhiên: "Đại nhạc dử thiên địa đồng hòa" (*Nhạc luận*). Về mặt xã hội, thì âm nhạc có tác dụng "thiện dân" (hưởng thiện lòng dân), "giáo dân binh hảo ác" (dạy dân biết đánh giá tốt xấu), "di phong di tục" (thay đổi những phong tục tập quán cũ) (*Nhạc bản*). Thiên Nhạc hóa còn liên kết chặt chẽ như sau: "Nhạc nơi tôn miếu, vua tối trên dưới cùng nghe, không thể không

hòa hợp tôn kính; ở nhà thờ tộc họ noi hương
thôn, già trẻ cùng nghe, không thể không hòa
thuận; ở nhà cửa riêng, cha con anh em cùng
nghe không thể không hòa hợp thân thiết.
Cho nên điều tốt nhất của nhạc là gây được
hòa khí... làm cho vua tôi cha con hòa hợp,
muôn dân thân thiết, đó chính là phương sách
thiết lập nhạc của tiên vương vậy" (Thị có
nhạc tại tôn miếu chi trung, quân thần thượng
hạ đồng thính chi, tắc mạc bất hòa kính; tại
tộc trưởng hương lý chi trung, trưởng đồng áu
thính chi, tắc mạc bất hòa thuận; tại khuê môn
chi nội, phụ tử huynh đệ đồng thính chi, tắc
mạc bất hòa thân. Cố nhạc giả, thẩm nhất định
hòa... hòa phụ tử quán thân, phụ thân vạn dân giã, thị tiên vương lập nhạc chi
phương già)

Tất nhiên cần phải phân biệt "hòa nhạc" và "dâm nhạc". Hòa nhạc là loại "đức âm... thấu được tinh mà lập được nghĩa, nhạc dùt thi đức càng được suy tôn" (tinh kiến nhị nghĩa lập, nhạc chung đức tôn - *Nhạc tượng*), "nhạc là tinh hoa của đức" (nhạc giả, đức chi hoa giả - *Nhạc tượng*). Dâm nhạc là "nịch âm" (âm bị dìm xuống) như nhạc nước Trịnh "dâm ư sắc hai ư đức" (*Nhạc thi*). Hiển nhiên tác dụng của hai loại nhạc khác nhau: "Làm ra âm nhạc khoan dung hiếu thuận chân thành hài hòa xúc động thì dân sẽ hiến từ nhân ái, còn làm

- Nhạc bản); "Nhạc là vui. Quân tử vui vì đạo, tiểu nhân vui vì thỏa dục. Lấy đạo để hanh chế dục, át vẫn vui mà không dâm. Say dục mà quên đạo át mê loạn chứ không vui. Chết nên người quân tử giảm bớt tinh cảm để càng chan hòa với ý chí, lấy niềm vui rộng lớn để đến giáo dưỡng. Nhạc tấu lên thì dân hưởng theo, có thể thấy được đức độ vậy" (Nhạc già lạc già. Quân tử lạc đắc kỵ đạo, tiểu nhân lạc đắc kỵ dục. Dĩ đạo chế dục, tắc lạc nhì bất loạn; dĩ dục vong đạo, tắc hoặc nhì bất lạc. Thủ cổ quân tử phản tinh dĩ hòa kỵ chi, quảng lụa dĩ thành kỵ giáo. Nhạc hành nhì dân hưởng phương, khà dĩ quan đức hī - Nhạc tượng)

Bản luận khá toàn diện như vậy, nhưng Nhạc ký tập trung nhất vào mối quan hệ giữa Nhạc và Lễ. Trong Nho giáo với tư cách là một hệ tư tưởng chủ đạo của chế độ phong kiến, phạm trù Lễ chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng. Nó cụ thể hóa giáo lý tam cương ngũ thường thành những quy tắc lớn nhỏ trong đời sống, những yêu cầu hàng ngày của trật tự xã hội mà nhất thiết mọi người phải tuân theo. Lão Tán đã phải kêu lên: "Trung quốc vốn là nước lễ nghĩa. Sách nói Lễ, có những ba bộ lớn, cả đến ngoại quốc cũng phải dịch rồi (chỉ Chu Lễ, Lễ ký và bộ Nghi lễ do John Stecie dịch ra tiếng Anh xuất bản ở Luân đôn 1917 - P.L). Tôi thật phục sát đất người dịch bộ Nghi lễ. Theo

của tư duy cổ đại: "Nhạc do trời làm ra, Lẽ do đất chế thành. Chế biến quá lầm sẽ loạn. Làm ra quá nhiều sẽ quậy phá. Phải sáng tỏ lẽ đất trời, sau đó mới có thể chấn hưng lẽ nhạc... Nhạc lớn hòa đồng với trời đất. Lẽ lớn cùng đất trời điều khiển" (Nhạc do thiên tác, Lẽ dĩ địa chế. Quá chế tác loạn. Quá tác tắc bạo. Minh ư thiên địa, nhiên hậu năng hưng lẽ nhạc giả... Đại nhạc dũ thiên địa đồng hòa. Đại lẽ dũ thiên địa đồng tiết - Nhạc luận); "Mùa xuân trống trott, mùa hè sinh sôi, đó là nhân vây. Mùa thu gặt hái, mùa đông cất giữ, đó là nghĩa vây. Nhân gắn với nhạc, nghĩa gắn với lẽ." (Xuân tác hạ trưởng, nhân giả; thu liêm đông tăng, nghĩa giả. Nhân cản ư nhạc, nghĩa cản ư lẽ - Nhạc lẽ); "Trời cao đất thấp, van vật riêng rẽ tàn mạn, lẽ sẽ chế ngự sắp xếp; trời chảy không ngừng, hợp đồng chuyển hóa, hưng khôi nén nhạc vây" (Thiên cao địa hạ, vạn vật tàn thủ, nhì lẽ chế hàng hỉ; lưu nhì bất tức, hợp đồng nhì hóa, nhì nhạc hưng yên— Nhạc lẽ).

Tiếp theo là so sánh giữa nhạc với Lễ về mặt chức năng: "Xác lập được lễ nghĩa thì sang hèn chẳng khác nhau lắm; tiếng nhạc văn vẻ dễ đồng lòng thì trên dưới hòa thuận thay... Nhạc là sự hòa hợp giữa đất trời; Lễ là giữ trật tự trong trời đất. Hòa hợp do vạn vật chuyển hóa; Trật tự do loài vật khác nhau" (Lễ nghĩa lập, tắc quý tiễn đẳng hĩ ; nhạc văn đồng tắc thương hạ hòa hĩ... Nhạc giả, thiên địa chi hòa dã; lễ giả, thiên địa chi tư dã. Hòa, cố vạn vật giải hòa; tự, cố quần vật chi biệt - Nhạc luận)

Cuối cùng là chủ trương kết hợp giữa Nhạc với Lễ: "Nhạc là để cùng giống nhau, lễ vì vốn khác nhau, giống nhau thì tương thân rỗi, nhưng khác thì cũng nên trong nhau. Nhạc mà trội lên thì trói chảy, Lễ mà quá đi át sẽ xa nhau. Nếu bù đắp nhau thì càng hợp tình, đó là công việc chung của lễ nhạc vậy... Nhạc từ trong lòng ra, Lễ từ ngoài tác động vào. Nhạc lớn át dễ dàng. Lễ lớn át giản đơn. Nhạc thấu cùng sê không thù oán. Lễ thấu cùng sê không tranh chấp. Bài nhương để trị thiên hạ, đó là lễ nhạc... Lễ là do sự vật khác nhưng vẫn hòa hợp vì tôn trọng nhau. Nhạc dù vẻ đẹp khác nhưng vẫn hòa hợp vì yêu thích nhau. Tình cảm lễ nhạc tương đồng, thi vua sáng sê mãi nối truyền" (Nhạc giả vi đồng, lễ giả vi dị, đồng tắc tương thân, dị tắc tương kính. Nhạc thẳng tắc lưu, lễ thẳng tắc ly, hợp tình sức mạo giả, lễ nhạc chi sự dã... Nhạc do trung xuất, lễ tự ngoại tác. Đại nhạc tất dị, đại lễ tất giản. Nhạc chí tắc vô oán, lễ chí tắc bất tranh. Trấp nhương nhị tri thiên hạ giả, lễ nhạc chi vị dã... Lễ giả, thù sự hợp kính giả dã. Nhạc giả, dị văn hợp ái giả dã. Lễ nhạc chi tình đồng, cố minh vương dị tương dien dã –Nhạc luận)

Tóm lại, Lễ là vì do sự khác nhau cho nên phải giữ tôn ti trật tự. Nhạc là do tình cảm có thể hòa đồng giữa mọi người không phân biệt trên dưới sang hèn. Như thế tuy khác nhau, nhưng có thể phối hợp lại để "binh thiên hạ": "Nhạc là cái xúc động từ bên trong. Lễ là cái tác động bên ngoài vào. Nhạc rất hài hòa, Lễ rất đồng thuận, trong hòa ngoài thuận, át dân ngầm nhan sắc sẽ không tranh đấu, nhìn dung mạo không dễ coi thường. Vì huy động được cái đức bên trong thì dân không thể không nghe lời, phát huy cái lý ra ngoài thì dân không thể không đồng thuận. Cho nên mới nói: *Thấu được cái đạo lễ nhạc, thi điều khiển thiên hạ không khó khăn gì*" (Cố nhạc già già, động ư nội già già; Lễ già già, động ư ngoại già già. Nhạc cực hòa, lễ cực thuận, nội hòa chi ngoại thuận, tắc dân chiêm kỵ nhan sắc nhí vật dữ tranh già, vong kỵ dung mạo, dân bất sinh dị mạn yên. Cố đức huy động ư nội nhí dân mạc bất thừa thính; lý phát chư ngoại nhí dân mạc bất thừa thuận. Cố viết: *Chỉ lễ nhạc chỉ đạo, cử nhí thổ chỉ thiên hạ, vô nan hĩ* - Nhạc hóa); "Lấy lễ để điều tiết lòng dân, lấy nhạc để hòa vào tiếng nói của dân, lấy chính nghĩa để thực hành, lấy hình phạt để phòng ngừa. Bốn mặt Lễ, Nhạc, Chính, Hình đều thấu đạt, chư không bị bội phản điều nào, thi đó là đầy đủ Vương đạo vậy" (Lễ tiết dân tâm, nhạc hòa dân thanh, chính dĩ hành chí, hình dĩ phòng chi. Lễ nhạc hình chính, tứ đạt nhí bất bối, tắc vương đạo bi hĩ - Nhạc luân).

Có thể thấy Nhạc ký đã để xuất một hệ thống lý thuyết âm nhạc nói riêng, và phần nào cũng là văn nghệ nói chung, phục vụ cho lý tưởng vương đạo của Nho gia. Không kể loại "nội bá ngoại vương" bịp bợm, thi vương đạo quả tốt hơn bá đạo nhiều, nhưng còn lâu mới đạt được "Dân vi bản đạo" mà đến ngày nay vẫn còn phải phấn đấu lâu dài! ■



Khổng Tử - người hiệu đinh Kinh Lễ đạt nền móng cho nghiên cứu triết học Trung Hoa

ra thứ nhạc hiềm tà tần man tràn lan thì dân sê dâm loạn" (Khoan dung hiếu thuận thành hòa đồng chí âm tác, nhì dân từ ái; lưu tích tà tần thành địch lam chí âm tác, nhì dân dâm loạn - *Nhạc ngôn*)

Muốn làm được loại "hòa nhạc", "đức âm" như vậy át phải là người có đức. Nhạc sĩ không phải người thường, mà cũng phải là một loại quân tử. "Tác giả nhạc là người tinh thông luân lý. Vì biết thanh mà không biết âm thì chỉ là cầm thú. Biết âm mà không biết nhạc chỉ là dân thường. Duy chỉ người quân tử mới có thể biết được nhạc... Bởi vì họ thẩm định thanh thì biết được âm, thẩm định âm thì biết được nhạc, thẩm định nhạc để biết được chính sự, từ đó mà thấu được đạo thịnh trị vây." (Nhạc giả, thông luân lý giả già. Thị cổ tri thanh nhì bất tri âm giả, cầm thú thị giả. Tri âm nhì bất tri nhạc giả, chúng thứ thị giả. Duy quân tử vi năng tri nhạc. Thị cổ thẩm thanh dĩ tri âm, thẩm âm dĩ tri nhạc, thẩm nhạc dĩ tri chính, nhì tri đạo hi hi).

vua, bây giờ không cần nói đến nữa; thờ ch
mẹ, tất nhiên phải tận hiếu, những cách làm
sau khi cha mẹ mất, đã được quy vào trong tr
lễ rồi, cái gì cũng có nghi thức, hiện nay là
ngày cúng giỗ, ăn mừng âm thọ (mừng th
sau khi bố mẹ mất - PL)" (*Lỗ Tấn tạp văn*
tuyển tập, tập III, Văn học, H. 1963, tr.157).
Khổng Tử đã từng nói: "Phải khép mình theo
lễ.... Không nhìn, nói, nghe, làm cái gì không
đúng lễ" (Khắc kỷ phục lễ... Phi lễ vật thị, phi
lễ vật ngôn, phi lễ vật thính, phi lễ vật động.
Luận ngữ). Vì khó khăn đến thế, cho nên Lễ
phải tim đến Nhạc! Không phải ngẫu nhiên
mà trong Nhạc kỹ có dành riêng một thiên
Nhạc Lễ, và hiện mươi một thiên còn lại, chưa
đến bảy nghìn chữ mà có đến bảy mươi chín
bàn đến Lễ và Nhạc, trong đó có ba mươi bảy
chỗ triển khai quan hệ trực tiếp giữa chúng với
nhau.

Trước hết là phân biệt nguồn gốc và tinh chất giữa Nhạc với Lễ theo lối so sánh ví von



NHỮNG KHÚC XẠ TỪ GÓC NHÌN ĐIỀM TĨNH

(Đọc tập thơ Thiên nhiên cá tính như em của Bùi Sĩ Hoa, Nxb Hội Nhà văn, 2010)

TRẦN QUANG QUÝ

THIÊN nhiên cá tính như em". Cái tên nghe như một tập thơ tình mới của Bùi Sĩ Hoa, mà ở đó có một cô nàng đồng đảnh nào đó đang làm khổ người thơ chàng? Hoàn toàn không.

Khỏi nguyên cát định để trên không hề lồng mạn: "Hè quê tôi nắng nóng từ sáng tới khuya/Gió Lào thổi dạt trẻ con, người lớn và cả đàn trâu xuống sông xuống biển/Thiên nhiên cá tính như em/Yêu không xong/Bỏ không được". Bùi Sĩ Hoa mượn cái sự đồng đảnh của tinh yêu lạ kỳ và khốn khổ, yêu không xong, bỏ không được để nói về sự khốc liệt, gió Lào cát trắng của miền Trung quê mình. Cái miền quê không chỉ gió thổi dạt trẻ con, người lớn, với những câu thơ lúc dáo đèn, lúc ngắt nhịp dồn hơi như những cơn gió quẩn, nghen ứ nồng hè, mà tác giả trực diện bằng cát chính giác, thị giác, rợn lên bằng xúc giác: "Nghe gió Lào thổi sớm/Nhin cây đứng khô tự mai tảng minh trong báu trời" (Vô tình). Thật kinh hồn cái biệt dị của của thiên nhiên, xứ sở. Nhưng nó lại như là em, tức tinh yêu, thế đã đủ cho ta thấy tình cảm của người thơ ẩn sau câu chữ nói về quê; và quê hương, dù không hiện diện trong số đồng các bài thơ, nhưng dưới những góc nhìn chiết xuất của riêng anh, xứ sở ấy vẫn là tâm điểm của những ẩn ức và thi cảm Bùi Sĩ Hoa, nó lan tỏa sang cả những bài thơ mang tính ki sự hành trình, nhưng gợi nhiều tâm sự khác.

Chất quê hồn hậu, dung dị với những con người lam lũ, biu riu, biết chịu đựng nhưng không ngừng nuôi những giấc mơ. Trong thơ Bùi Sĩ Hoa đó là đa dien mach chảy tự nhiên và bể bôm đồi sống thôn làng vốn có của nó, trong "Cây bàng", bài thơ dài mà ở đó những kí ức đồng hiện với muôn mặt đời sống đương đại. Chuyện làm ăn, học hành, chăn trâu cát cỏ, đi xa về gần, thăng quan tiến chức... "Cây bàng" như bản tống phổ đời sống tâm hồn, thăm tháp và day trở về xứ sở của Bùi Sĩ Hoa. Cây bàng là nhân chứng lịch sử, mà ở đó, Bùi Sĩ

Hoa muốn đặt toàn bộ dòng chảy thời gian ở một điểm tĩnh, như một điểm hội tụ, dừng nghỉ để ngâm ngợi và gửi gắm chính kiến của mình: "Ôi cây bàng/Tôi thầm gọi/Người ở lại cho tôi được bay xa/Người lặng im cho tôi cất tiếng/Ở lại là một cách đi tìm tự do/Chôn chất niềm yêu dấu". Ở đó, từ cái cột mốc xanh thời gian, cây bàng cổ thụ, nghĩa là sự thấy sự biết đã bậc trí già cổ thụ, bậc trưởng lão, người ta có thể học cách xanh tươi của lá bàng trong miền gió Lào khốc liệt, học cách bám đất sâu của rễ, sự thuỷ chung trụ vững của đồi cây. Chỉ tiếc những đoạn sau, "giáo huấn" của anh nô lô, giá cù để tự nhiên: "Sông Lam ngọt trong ở đây/Ngày đêm nào nức trôi về biển mặn.../Cây bàng vẫn đứng lặng/Một chút rung rinh/Hít thở mùi rơm ngày mùa no đủ" thi hiệu quả "truyền giáo" có sinh khí tự nhiên và mảnh lực hơn hẳn.

Thực ra, phần lớn những bài thơ trong "Thiên nhiên cá tính như em" là viết từ những chuyến đi, những địa danh mà anh đã qua; những sự kiện, điển tích mà anh tiếp cận. Có thể nói, Bùi Sĩ Hoa thường bắt đầu từ một hoàn cảnh, sự kiện cụ thể để gợi lên những ngâm ngợi về con người và thế sự mà anh soi chiếu. Thơ anh từ thực tế và trại lại thực tế ở via tầng khắc, lấp lánh khúc xạ và những chiều liên tưởng. Nó đã ít bất chợt, bâng quơ, không "phiêu", không nhiều bảng lảng lâng mạn, mà đi thẳng vào những góc cạnh đời sống mà anh quan tâm. Đó là một giọng thơ bộc trực,通俗, nhưng điểm tinh chế ngự từng cung bậc cảm xúc trước ngữ cảnh.

Một chuyến bay Vinh – TP.Hồ Chí Minh, chôn ron cảm xúc khi tốc độ và khoảng cách không gian được kéo lại gần. Cảm khái hổ Núi Cốc, người xưa yêu nhau khóc mà nước mắt thành sông; sự xa cách mà tháng năm hóa núi. Trông đợi và niềm tin kiên định đến hóa đá nàng Tô Thị. Ở khía cạnh đời hơn, một Đà Lạt huyền ảo, phiêu phiêu hư thực, thật tài tình những thi



ảnh và ngữ điệu: "Một chút reo thông, một lần ứng gió/Một ấm choàng vai, một mưa tóc ngô/Đường mây trong cây đan tay trong bay/Mắt men, lời quen bên em ngực đẩy". Ta đi tiếp vào không gian huyền sử Côn Sơn, để gặp một phong thái ung dung tự tại, một tấm lòng nhân hậu, khoan dung Nguyễn Trãi trước bàn cờ thế sự cuộc đời. Trần cờ ấy, dù ván bì, "Người không thí tốt.../Nhân nghĩa không đậm nhịp thử hận/Cuộc cờ địch ta thua thắng vang vang hịch/Cuộc cờ không trận tuyển sôi mắt cười/Côn Sơn lạnh chuỗi hạc rơi" (Côn Sơn). Bùi Sĩ Hoa còn viết về Cố cung, Hoàng Phố, về Xem đua ngựa ở Thành Quyền (Trung Quốc); viết về Một con đường ở Biển Chết, Những người đàn ông úp mặt vào bức tường than thở (Israel)... Hơn một nửa số bài thơ có nguồn gốc từ những truyền thuyết, địa danh. Điều vào mảng để tài này quả là một thách thức. Thách thức bởi sự quen, bởi có quá nhiều

người viết về cùng một câu chuyện, một di tích, một vùng đất. Sẽ chỉ là những ghi chép hời hợt, nhat nhéo nếu không thực sự sống một cuộc sống khác trong chính cuộc đời ấy. Bùi Sĩ Hoa chắc chắn ý thức được điều đó. Và vì vậy, anh cố gắng thổi vào nó một ý nghĩa khác, dù có thể mới là một gợi ý, một tiên cảm chưa định hình.

Không cầu kỳ nắn nót, không chiêu thuyết tân kỳ, không ngoa ngôn thời cuộc. Những bài thơ yêu thích, sáng tạo và nhiều tâm sự của Bùi Sĩ Hoa, ví như "Anh không được như nước", "Con giàn bị lật ngửa"... thường bắt đầu trong một tinh thần như thế.

Đó là những bài thơ lị; khí thơ, ý thơ thoát khỏi sự lệ thuộc quá nhiều vào đời thực. Chỉ những ai xác lập được đường bay, cách bay mới biết cách vụt lén từ bệ đỡ là sân bay đời sống để tiếp cận những bầu trời. Và vì vậy, mới không lẩn lộ trong một thực tại thơ vô cùng hỗn mang, đang diễn ra, mà chính anh thực chứng: "Người thừa tiền tim thơ, tổ hưu họp tổ thơ/Cạn ấm chê chát, vừa ngâm vừa hát, thơ càng bình càng khó kết..." (Càng bình càng khó kết). Quả là thơ càng bình càng khó kết. Mà không chỉ có thơ càng bình càng khó kết, các cu vần bao, "lầm thầy thổi ma" là vậy.

Tôi đọc Bùi Sĩ Hoa từ gần 30 năm trước, khi anh cùng được giải cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ quân đội, năm 1984. Sau đó thi thoảng đọc anh trên báo. Có những khoảng thời gian dài thấy anh lảng đi.

Anh viết không nhiều, có thể do công việc quản lý báo chí và những quan tâm khác chi phối. Tập thơ khiêm nhường 22 bài sau 5 năm lao động nói lên thực tế đó. Nhưng không phải vì thế mà Thiên nhiên cá tính như em không có sức nặng. Nó bớt đi cái da diết và lâng mạn ở những mảng thơ xưa nhưng vẫn nặng trùm tâm cảm, nói áu lo, sự chia sẻ với người thân, với con người và có hương máu thịt của anh.

Áy là một miền quê xứ Nghệ, ấy cũng là hồn cốt của Bùi Sĩ Hoa.■

VÒNG TRÒN KHÔNG ĐỒNG TÂM

(Thơ Vũ Từ Trang, Nxb Hội Nhà văn, 2011)

MÃ GIANG LÂN



TÙ Thời trai trẻ (1996) Vũ Từ Trang đều đặn trình làng những tập thơ chung chạc Ngược dốc (1999) Lẻ và không lẻ (2002) và bây giờ Những vòng tròn không đồng tâm (2011). Tập thơ mới này là những trải nghiệm của tác giả suốt tám năm đất nước có nhiều biến đổi. Những biến đổi làm nên thành quả mà cũng không ít hậu quả. Những biến đổi đó là xu hướng chung của sự phát triển, nhưng cũng làm biến đổi nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Trên mặt bẳng thơ phong phú, phức tạp hôm nay, theo tôi đây là một tập thơ nên đọc. Có nhiều bài tinh tế cảm động, có những ý từ sâu sắc về nhân sinh có những băn khoăn day trời trước CUỘC Đời như những vòng tròn không đồng tâm.

Hiện tại là những siêu thị, kỹ nguyên hàng hóa, khách hàng "như bị dồn vào ô hàng", là bản phim máy tính, xa lô thông tin chóng mặt, là tệ nạn xã hội, là những thân phận thiệt thòi, môi trường môi sinh ô nhiễm, thế giới không bình yên... Những biến đổi đến tận căn cốt, như Trung du: "Nhà mới lô nhô bê tông cốt thép - nhôm kính mái tôn nhức cả ắp chiếu...", Khốn khổ nhất vẫn là trẻ em và người già. Ở vùng cao "mẹ tuổi tám nhâm dì cuộc rẫy... mùa qua mùa hoa con chưa thấy - thấy mẹ công lung công nắng trời". Ở Đức Thọ "vẫn cái nắng ống ống - vườn cỏ xác xơ... mẹ công lung cuốc đất".

Hiện tại còn nhiều bất ổn, trở về quá khứ, tựa vào quá khứ để vững lòng trước và đậm của những vòng sòng "giữa ban mai tươi tốt cây vườn". Về lại phố Tràng với những cảm nhận tinh khiết tinh đất tinh người "đồng đất qua bao vụ cây caye - cây vẫn xanh như ngày mẹ cha tôi ở đây - nhà mới mọc nhiều hơn, giọng nói khác hơn - nhưng kỷ niệm trong tôi không đổi khác". Cõi nhớ, luôn ấm áp gợi ra những ngôn từ tượng ứng:

chân đi không nổi - bao ngả đường hằng mong". Điệu buồn cứ bàng bạc các trang thơ, hoài vọng về quá khứ và kiếm tìm lại những gì đã mất: hoa tưống vi thanh khiết và cao sang, quán cà phê Lối cũ "nắng mong manh cũng bỏ đi rồi". Còn đâu "những con đường xanh đến ngẩn ngơ", "những đêm trăng khua vang trống éch..."

Bên cạnh điệu buồn Những vòng tròn không đồng tâm còn trầm tư suy nghĩ về bạn bè đồng nghiệp, về những chơi với thảng thốt và cả những vấn vở rất người... Nghĩ về bạn, Vũ Từ Trang gợi lên một số phận cảm bút thật xót xa: "Bạn đã xa, nhà đã bán - đòi người còn nhùm xưởng thôi/công danh tiền bạc nhoè sương khói - cửa đóng, mình tôi đứng gọi tôi" (Bạn). Thực ra, chất thơ Vũ Từ Trang nằm ở những bài này: một chút rưng rưng khói nén lời, "Vạch nắng mong manh" mà không qua được, đành chấp nhận

Trong vỉ ngọt có gì đắng đót
trong dại êm có gì xót xa
trong gần gũi có gì cách trở
hai bờ sông gió chẳng giao hòa
Cô "buổi chiều se lạnh" nhớ tôi em:
Giá trời còn nắng
em hong tuối thơ minh

Ngổn ngang tâm sự: Em hong tuối thơ minh, "giặt mới lại niềm vui". Khi trở về quê hương- quê hương cổ tích, nhiều bướm bướm, "tới trường làng, trang sách thần tiên". "Giá trời còn nắng", một giả định, một khát khao mà chênh vênh khó hiện hữu. Quê hương bây giờ đã nửa làng nửa phố

Nơi gác chân lâm lỗi phố chợ
nơi cày cấy bán buôn lắp nập kiếp người
Sự đổi thay tiềm ẩn hé lụy. Cái tâm
trạng không bình thường, không yên tâm cứ
bỗn chồn pháp phòng là thực, một buổi
chiều quá khứ hiện tại đan xen là thực,

nhưng tên bài thơ lại không thực, không đến độ buổi chiều hoang mang. Phải đọc toàn bài, cảm nhận chủ quan của tôi chưa nói được hết cái thương cảm bối rối của tác giả. Một ví dụ nữa. Lên cao, càng lên cao càng không còn là mình. Trước đây Xuân Diệu từng viết: càng lên cao càng kiêu hãnh. "Ta là Một là Riêng là Thứ Nhất - Không có chi bê bạn nối cùng ta" (Hy Mã Lạp Sơn), nhưng càng lên cao càng cô đơn, chơi với rợn ngợp. Cái khác ở Vũ Từ Trang là biết mình, đã bao phen chìm nổi cõi người, nhưng vẫn còn là mình, bám vào cõi người để tồn tại, để sống là ứng xử thích hợp, dù cõi người còn nhiều điều bất cập.

Đã mang cái nghiệp thiền di
khát mây khát gió khát giáng cao?
hình như tôi được trăng sao
lại như chả có chỗ nào bình yên
cõi người chim nỗi bao phen
càng lên chót vót càng thêm xa minh.
(Lung chừng)

Cái tâm thế dung dâng, những câu thơ lưỡng lự, người đọc khó nắm bắt lại tạo nên điểm nhấn trong thơ Vũ Từ Trang. Thơ Vũ Từ Trang, chủ yếu vẫn nằm ở một kẽm quen thuộc, một thế hệ đã chín chắn từng trải nhưng lại cứ cầu toàn. Giả như có cái nhìn trẻ trung hơn thì chất thơ, giọng thơ sẽ tươi tắn hơn, hay it ra cũng bớt trầm buồn. Người thi bảo buồn là đặc tính của thơ. Người lại bảo phải hành động, còn khói việc phải làm. Thi hãy nghĩ kỹ xem, chính những vòng tròn không đồng tâm, lèch tám lại tạo ra chuyển động phát triển. Những vòng tròn đồng tâm tưởng như ổn định không gây những xộc xệch, phiến toái, nhưng lại ít khả năng gây nên xung động, bứt phá hứa hẹn những đổi thay tích cực.■

ẤM LÒNG NGƯỜI THA HƯƠNG

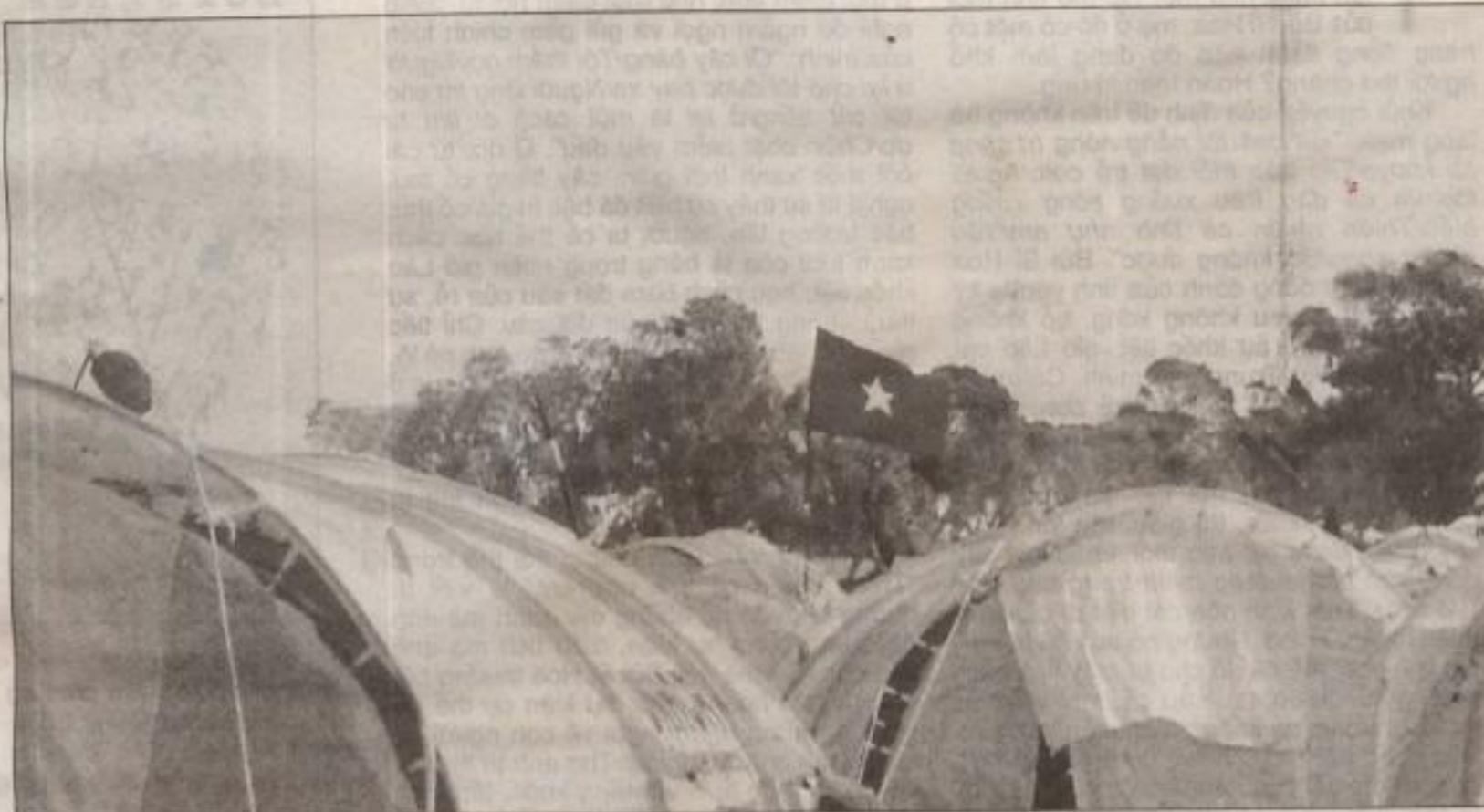
Phóng sự của LÊ NAM

Biên giới Ras Jedire. 3 giờ 30 phút chiều 3-3 chúng tôi đến khu tập kết của người lao động nước ngoài ở biên giới Ras Jedire cách trung tâm Djerba gần 200km. Một quang cảnh hỗn độn, bừa bãi, bụi bậm... với hàng chục nghìn lao động nước ngoài đang tập trung ở đây. Phần lớn là người lao động Ai Cập, Bangladesh... họ come cum trong các túp lều dựng lên bằng chính những tấm mền đắp, có nhóm thì dùng các vali đựng đứng lèn và họ chui vào giữa vôi quần áo lạnh đầy đủ.... Hàng chục ngàn người này nằm la liệt xung quanh khu vực lớn chừng 3-4 sân vận động sát tường rào biên giới với Lybie. Các tổ chức từ thiện liên tục cung cấp thức ăn, nước uống, sữa, cà chua, bánh mì... cho những người lao động tại đây. Tại cửa khẩu biên giới Tunisia và Lybia anh Arbi Bilel nhân viên hội chữ thập đỏ Tunisia cho biết từ ngày 2-3 lượng người lao động đổ về biên giới đã bớt đi nhiều chỉ là từng toán vài người đi cùng nhau chứ không ồ ạt hàng trăm người như trước. Chúng tôi gặp một nhóm gần 200 lao động Việt Nam vừa mới đến đây hôm 2-3. Họ cũng nằm ở ngoài lề đường cùng với hành lý. Chiều 2-3, đại diện Đại sứ quán Việt Nam có gặp chúng tôi thông báo sẽ đưa xe đến đón chúng tôi về. Chúng tôi mong ngóng từng giờ.

CHUYẾN BAY KHÔNG NGỦ

16 giờ ngày 8-3 (giờ Tunisia) chuyến bay may số hiệu VN 8675 của hãng hàng không Vietnam Airlines (VNA) cất cánh khỏi sân bay Djerba Zarzis (Tunisia) mang theo những lao động Việt Nam cuối cùng từ Tunisia về nước. Những ngày tháng lo sợ, hoang mang nơi xứ người đã kết thúc.

Ngoi ở phòng chờ sân bay ông Mai Đinh Hinh (Hải Hậu, Nam Định), thẫn thờ nhìn xa xăm. "Lần này về nước chàng có nỗi gòi kẹo làm quà cho con cháu ở nhà. May là còn chạy được an toàn về đến đây" ông Hinh thở dài. Ông là một trong những lao động Việt Nam thuộc nhóm cuối cùng vượt biên giới Libya-Tunisia hôm 6-3 để về sân bay chờ chuyến bay của VNA sang đưa về nước. Hành lý mang về quê hương lần này của ông và nhóm lao động công ty Sona chỉ vài ba bộ quần áo, 5-7 gói bánh xốp để dành do các cơ quan tinh nguyện, cứu trợ khi vừa qua biên giới mang về làm quà. Có người chỉ còn cái túi xách, có người thì sang trọng hơn còn cái vali bên trong là cái mền cứu trợ. Nhưng tâm trạng ai cũng đứng ngồi không yên, chốc chốc lại hỏi nhau "khi nào lên máy bay". Khi ô tô chở họ từ nhà ga đến gần cầu thang máy bay, có người thi từ từ bước xuống nhưng cũng có nhiều người không kiềm chế nổi nhảy cẳng lên như đứa trẻ lao đến cầu thang và la lớn "về rồi, sống rồi". Sau khi đã yên vị trên máy bay họ chộp ngay các tờ báo, đọc ngấu nghiến hết tờ này đến tờ khác. Rồi đi lại, tum nắm tum ba tân dốc, cười nói vang cả một góc máy bay. Ở khoang giữa máy bay nơi có máy nước nóng và mi an liền là nơi đông đúc và nhộn nhịp nhất. Các lao động Việt Nam, tuấn tự xếp hàng để chờ đến lượt mình rút nước nóng vào ly và xì xup ăn. Sau bao ngày ở biên giới, nằm trại tị nạn chỉ ăn bánh mì, bánh xốp, sữa tươi... nên ly mì ăn liền với họ giờ đây quá ngon miệng. Máy bay giảm độ cao, chuẩn bị hạ cánh chúng tôi thấy Nguyễn Văn Hùng, 27 tuổi, huyện Tây Sơn, Bình Định khà bồn chồn, bối rối. Hùng tâm sự, hơn 10 giờ bay anh không tài nào chợp mắt được lòng cứ nôn nao, buồn ngủ khi nhớ lại những khoảng thời gian vượt qua bom đạn, chạy loạn từ Tripoli sang biên giới Tunisia, rồi những ngày nằm ngoài trời đêm lạnh, bão cát, có hôm bị mưa lạnh run ở biên giới khắc khoải chờ đợi mà không biết chờ đến khi nào... rồi nỗi nhớ nhà, nhớ vợ



Tại khu tị nạn Ras Jdir biên giới Tunisia và Libya: Cờ Việt Nam vẫn phấp phới bay như một điểm tựa tinh thần cho những công dân Việt Nam vừa thoát khỏi vùng chiến sự.

Ảnh: Nguyễn Thành Phong

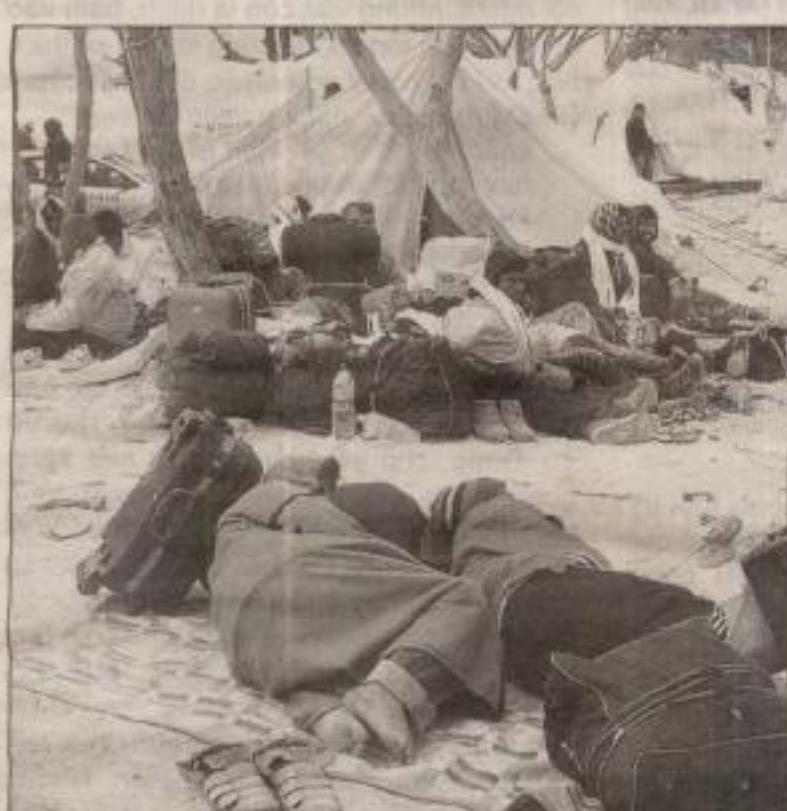
con...khôn xiết khiến anh không thể nào chợp mắt. Mọi thứ diễn ra quá bất ngờ làm lòng anh choáng ngợp.

7 giờ 50 phút sáng 9-3, máy bay hạ cánh. Các lao động Việt Nam ứa ra khỏi máy bay chạy ngay vào nhà chờ đã được sắp xếp ở một khu riêng, để làm thủ tục nhập cảnh, nhận hành lý. Ngay sau đó họ chạy nhanh ra ngoài cổng, nơi đó hình như đã có người thân đang ngóng chờ.

RA "CHIẾN TRƯỜNG"

Tunisia có đường biên giới gần với các điểm chiến sự nóng bỏng của Libya, đặc biệt là thủ đô Tripoli nên đây được xác định là nơi có nhiều lao động Việt Nam chọn để chạy sang tránh nạn. Ngay sau khi giải quyết để các lao động Việt Nam đã nằm chờ ở sân bay quốc tế Cairo, Ai Cập lên chuyến bay VN 6569 của hãng hàng không Vietnam Airlines về Việt Nam, tổ công tác đặc biệt bắt đầu chuẩn bị lên đường sang Tunisia ngay trong đêm 1-3, giờ Cairo. Thủ trưởng Bộ Ngoại giao Đoàn Xuân Hưng quyết định chọn địa điểm tập kết càng gần biên giới Libya càng tốt và phải có sân bay đủ điều kiện để máy bay Boeing 777 hạ cánh. Djerba thỏa mãn nhất những điều kiện này nhưng di chuyển đến đó khá xa và chưa biết tình trạng cụ thể của sân bay ở đây. 19 giờ 30 đêm cùng ngày, đoàn công tác mới mua được vé máy bay đến Djerba khởi hành từ 3 giờ 40 sáng 2-3 nhưng phải mất 2 lần đổi máy bay ở Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ), Tunis (Tunisia) và đoàn công tác phải chia nhau đi trên 2 chuyến bay khác nhau từ Tunis đến Djerba vì không còn chỗ trên chuyến bay nhỏ. Kế hoạch bay trong ngày 1-3 để có mặt thật sớm ở Tunisia khảo sát tình trạng sân bay, tập trung lao động để ngay lập tức thiết lập cầu hàng không từ Hà Nội sang Tunisia đã phá sản. Lúc này lại xảy ra khả năng chính phủ mới của Tunisia có thể sẽ không cho các quan chức ngoại giao, chính phủ của tổ công tác đang mang theo hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ nhập cảnh. Chúng tôi, 4 nhà báo cầm theo hộ chiếu phổ thông lo lắng bối rối. Ngay trong đêm Đại sứ quán Việt Nam tại Cairo đã làm ngay công hàm ngoại giao đề nghị các cơ quan hữu quan của Tunisia hỗ trợ, tạo điều kiện để đoàn công tác vào Tunisia thực hiện công tác nhân đạo. Khi đoàn ra đến sân bay Cairo làm thủ tục cho chuyến bay nhân viên của hãng hàng không Turkish Airlines thẳng thừng từ chối làm thủ tục cho đoàn vì chẳng ai trong chúng tôi có visa vào Tunisia. Ngay cả công hàm ngoại giao đưa ra mãi sau họ mới quyết định để chúng tôi thành những hành khách cuối cùng của chuyến bay. Tôi nhìn vào công hàm: chúng tôi trở thành nhân viên VNA (do sợ đưa thân phận nhà báo có thể cơ quan nhập cảnh sẽ không cho vào Tunisia), do quá cấp rập nên tên của 3 trong 4 nhà báo trong đó có tôi đã bị in sai chữ lót, hai đồng nghiệp còn lại in sai họ. Ngồi trên máy bay, tôi đã nghĩ đến phương án nếu không được vào Tunisia, lại phải mất một ngày nữa quay về Ai Cập để tái nghiệp nhưng đường về thi xa lắm vì lúc đó chưa có kế hoạch đưa máy bay VNA sang Cairo. Nin thở chờ đợi!

Sau năm tiếng đồng hồ quá cảnh Istanbul, 12 giờ 50 máy bay hạ cánh xuống sân bay Tunis. 4 nhà báo chúng tôi tiến thẳng đến cơ quan nhập cảnh Tunisia để xin visa. Liếc nhìn sang đoàn công tác đang cầm hộ chiếu ngoại giao, công vụ đã lẩn lướt nhập cảnh. Cô nhân viên nhìn hộ chiếu rồi hỏi số visa mà chúng tôi đã đăng ký trước khi đến Tunisia, nhưng khi biết là người Việt Nam cô có vẻ tạo điều kiện và cũng chỉ liếc nhìn qua công hàm mà không để ý



Trong khi các lao động Việt Nam được đón chu đáo thì vẫn còn nhiều dân tị nạn các nước khác vẫn đang sống cảnh màn trời chiếu đất tại cửa khẩu Ras Jdir. Anh: N.T.P

đến tên chính xác của chúng tôi. Mất 10 dinar (1 dinar gần 17.000 đồng) làm thủ tục và 30 phút chờ đợi, chúng tôi đường hoàng nhập cảnh Tunisia.

Chuyến bay đầu tiên của VNA từ Djerba về Hà Nội đã phải chậm lại gần 1 giờ do phía bạn làm thủ tục chậm, cùng lúc nhiều chuyến bay của Bangladesh, Trung Quốc, Ai Cập... cũng đang chuẩn bị bay. Sau nhiều ngày chờ đợi, các chuyến bay sau được Tunisia đã mở thêm quầy làm thủ tục nên luôn làm thủ tục trước giờ bay khoảng 2 tiếng nhưng do sân bay quá bận rộn với nhiều chuyến bay chờ lao động đi nên các chuyến bay VNA sau này cũng chỉ bay sớm hơn 30 - 45 phút so với lịch bay. Sân bay Djerba Zarzis vốn dĩ không đón quá nhiều chuyến bay như trong những ngày này nên áp lực công việc với các nhân viên là rất lớn...

Ngày nào cũng vậy chúng hơn 8 giờ sáng đoàn công tác lên xe tiến ra biên giới nơi đóng quân của Tổ công tác khoảng 200km: nhóm thi vào trại tị nạn làm việc với Tổ chức di dân quốc tế (IOM), Cao ủy Liên hiệp quốc về người tị nạn (UNHCR), nhóm thi chạy lên biên giới tìm Ras Jdir đón người lao động, đại diện các công ty lao động thi tổng hợp số liệu để cuối ngày họp giao ban, báo cáo tình hình về nước để VNA lên kế hoạch đưa máy bay sang. Đại diện công ty lao động, nhân viên VNA thi ra sân bay làm thủ tục cho lao động về nước... Hầu như chẳng có ngày nào các thành viên tổ công tác có bữa trưa.

ẤM LÒNG NGƯỜI THA PHƯƠNG

Duy nhất trong trại tị nạn UNHCR có quốc kỳ Việt Nam tung bay giữa trùng trùng lớp mái lều trắng toát giữa sa mạc mênh mông. Lá cờ được Phạm Văn Tám, quê Hải Dương, mang theo từ nhà. Hàng ngày, Tám cất giữ lá cờ rất kỹ, chỉ mở ra treo mỗi dịp lễ Tết. Những ngày qua lá cờ đỏ sao vàng của Tám, đã trở thành nguồn cổ vũ, động viên tinh thần to lớn đối với những lao động Việt Nam khắc khoải chờ ngày trở về. Lá cờ cũng làm ấm lòng những thành viên tổ công tác chúng tôi trong những ngày làm nhiệm vụ nơi biên thùy ở vùng đất Địa Trung Hải này.

Người dân Tunisia có ấn tượng rất tốt về người Việt Nam, trong kí ức của họ Việt Nam là một điển hình tốt khi đã từng chiến thắng Pháp rồi Mỹ, nên người Việt Nam luôn được ưu tiên, ưu ái. Trại tị nạn của UNHCR thiết lập cách biên giới Ras Jdir giữa Tunisia-Lybia lượng lao động Việt Nam có số lượng đông chỉ sau Bangladesh. Nhưng người lao động Việt Nam rất kỷ luật, giữ gìn hình ảnh quốc gia. Chuẩn tướng Haruadi Soussi phụ trách an ninh trật tự trại tị nạn khẳng định lao động Việt Nam rất trật tự và đoàn kết. Người lao động Việt Nam ở trại đã để lại ấn tượng đẹp trong lòng các nhân viên cứu trợ Tunisia và quốc tế. Ở trại tị nạn có quầy điện thoại miễn phí cho các lao động do Hội chữ thập đỏ Tunisia thiết lập, những lao động quốc tế cứ phải xếp hàng chờ đợi để được gọi điện thoại nhưng khi lao động Việt Nam xuất hiện họ luôn được ưu tiên lên trước. Biết người lao động Việt Nam thèm ăn gạo một số lính quan đội Tunisia sẵn sàng chia sẻ chút ít gạo cho lao động Việt Nam ăn đỡ thèm. Anh Nguyễn Văn Phú, huyện Gia Lộc, Hải Dương kể họ tự động chia sẻ gạo với tinh cảm rất niêm nở. Cảm nhận của chúng tôi trong suốt thời gian công tác ở Ai Cập rồi Tunisia là sự cõi mệt của đoàn công tác đã giải tỏa được tâm lý lo lắng bốn chôn cao độ của người lao động Việt Nam. Chiến dịch giải cứu các lao động Việt Nam mắc kẹt ở nước ngoài đã hoàn thành, toàn bộ hơn 10.000 người lao động Việt Nam đã được toàn tụ với gia đình. ■



CẦN CÓ MỘT DÒNG PHIM NGHỆ THUẬT

NGUYỄN ĐÌNH SAN

HIỆN nay, phim truyện truyền hình (PTTH) Việt Nam rất phát triển. Số lượng ra đời hàng năm ở tất cả các đài truyền hình trên cả nước phải tới vài trăm; đó là điều đáng mừng, vì đã đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Việc Đài Truyền hình Việt Nam ưu tiên thời lượng phát sóng cho phim truyện nội là rất cần thiết. Tuy nhiên, để đáp ứng chỉ tiêu số lượng phim phát sóng hàng năm; các đài truyền hình phải cho ra đời tác phẩm bằng mọi cách. Điều đó đã dẫn đến việc tạo nên những bộ phim dễ dãi, nội dung tư tưởng nông cạn, hời hợt, chất lượng thẩm mỹ thấp khiến người xem ít có cảm tình cũng là điều dễ hiểu, khó tránh. Loại trừ một tỷ lệ còn khiêm tốn những PTTH có chất lượng, được công chúng ưa thích; còn nhìn chung, phần lớn là những phim thuộc hàng "thường thường bậc trung" hoặc vô thường vô phạt- phim "lành" nhưng không "manh"- nhằm chuyển tải được ý đồ của các tác giả về một số khía cạnh tư tưởng nào đó. Nói chung, kể chuyện bằng hình ảnh là chính. Người xem có trình độ văn hóa thấp cũng dễ dàng hiểu ngay được phim nói gì, đoán hết được kết cục ra sao. Có thể nói việc biểu hiện nội dung cốt truyện khá "thật thà". Rất hiếm thấy những tim tài, sáng tạo, những thủ pháp độc đáo gây ấn tượng thú vị. Xem xong phim, rất ít khi khán giả bị ám ảnh, day dứt bởi nội dung đặt ra trong phim. Nếu thuần túy chỉ để giải trí cũng chưa đạt được vì người ta ít nhiều dị ứng, thấy kém hào hứng khi phải "thường thức" những phim nhạt nhẽo, vô bổ. Với những phim này, cảm giác chính là tiếc thời gian, tiếc cho sự tổn hại về năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

Tuy nhiên, PTTH hiện nay vẫn có thể tiếp tục phát triển, để đáp ứng số đông người xem đại trà với mặt bằng dân trí chưa cao. Bên cạnh đó, cần đáp ứng một đối tượng khán giả khác - số này càng ngày càng nhiều hơn là điều đáng mừng - ấy là những người xem khát tính, có trình độ hiểu biết nhất định. Họ luôn có "gu" thẩm mỹ sành, không vừa ý với những giá trị tầm thường. Chính nhờ đối tượng công chúng này mà văn học nghệ thuật mới có thể phát triển về chất lượng, và việc ra đời dòng phim nghệ thuật là rất cần thiết để thỏa mãn nhu cầu chính đáng rất đáng được trân



Cánh Diều Vàng, Giải thưởng cao quý của Điện ảnh Việt Nam

trong đó. Vậy như thế nào được coi là "phim nghệ thuật", khác với những PTTH ra đời đại trà hiện nay? Đó là những bộ phim giàu yếu tố văn hóa, đậm tính nhân văn, với mọi sự phối hợp công phu, chọn lọc (kịch bản, đạo diễn, âm nhạc, thiết kế, diễn xuất của diễn viên, quay phim...). Những phim loại này nên là một tập hoặc vài, ba tập. Nhân vật không cần nhiều, bối cảnh cần thu hẹp để giảm thiểu kinh phí. Lời thoại cần được tiết chế mà chủ yếu là biểu hiện nội tâm qua hành động, qua diễn xuất của diễn viên với việc biểu cảm đặc biệt của đôi mắt (tình trạng phổ biến của PTTH Việt Nam hiện nay là đối thoại quá nhiều, dường

nó như biểu hiện nội dung phim chủ yếu qua lời thoại). Đến đây, hẳn nhiều nhà làm phim truyền hình sẽ lắc đầu: Phim truyền hình khác với phim nhựa. Những điều ví von là của phim nhựa bên điện ảnh. Người ta có kinh phi gấp nhiều lần với cách làm riêng nên sẽ đạt được, còn PTTH của chúng tôi có đặc thù, tính chất riêng. Không nên lắc lộn giữa hai thứ ngôn ngữ. Vâng, có thể là như thế. Nhưng xin hãy đứng ở góc độ người xem (ngoại đạo) để nhìn nhận vấn đề: làm sao người ta có thể phân biệt điện ảnh và truyền hình, phim nhựa và phim video? Và cũng làm sao phân biệt phim do đài truyền hình và phim do các hãng phim truyền nhựa (điện ảnh) sản xuất chiếu trên tivi, nếu không đọc nhãn hiệu đơn vị? Cứ theo quan niệm như hiện nay thì vô hình trung, mặc nhiên đã coi chỉ phim nhựa (điện ảnh) mới cần đầu tư để tạo nên giá trị nghệ thuật, còn phim truyền hình thì không cần nghệ thuật hay sao? Có lẽ điều này đã giải thích tình trạng chất lượng yếu kém của nhiều PTTH hiện nay như đã nói.

Dẫu sao cũng không thể phủ nhận một thực tế: tuy không nhiều nhưng đã từng có những PTTH hay, đạt chất lượng nghệ thuật, khiến người xem ưa thích hơn hẳn nhiều phim truyền nhựa (điện ảnh) - những phim mà chỉ chiếu may mắn được một lần rồi vĩnh viễn cất vào kho. Vậy thi bắn thân thể loại đâu có "tội"? Thể loại không tự nó tước bỏ giá trị hoặc độc quyền nghệ thuật, mà là quan niệm và tài năng của con người. Phim truyền hình không thể lép vế so với phim nhựa, nếu không nói ưu thế phục vụ còn hơn, do có số lượng công chúng thường thức đông gấp nhiều lần. Trong một xã hội phát triển, trình độ văn hóa của các tầng lớp công chúng ngày càng được nâng cao- phong phú về trình độ, sở thích, "khẩu vị"- đó cũng là một quy luật tự nhiên. Văn nghệ cần phải đáp ứng họ, không nên chỉ "ưu tiên" riêng một đối tượng nào. Không thể chỉ vì phục vụ số đông người mà bỏ quên một số lượng không nhỏ người xem luôn muốn thưởng thức những PTTH có giá trị nghệ thuật cao; đó mới đích thực là một công chúng thường thức lý tưởng. Chính vì thế, việc ra đời một dòng phim truyền hình nghệ thuật hiện nay, có lẽ là vô cùng cần thiết!■

CHỌT NHỚ “CHUNG MỘT DÒNG SÔNG”

HỒ NGỌC DIỆP

CHO đến nay, nền Điện ảnh Việt Nam đã lớn mạnh không ngừng - cả đội ngũ những người làm phim cũng như diện mạo của nó - ngày càng cố gắng nâng cao tính chuyên nghiệp để hội nhập vào khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, từ ngày bộ phim truyện nhựa đầu tiên ra đời đến nay- trên nửa thế kỷ đã trôi qua- Chung một dòng sông vẫn được đánh giá là một trong những tác phẩm có giá trị, đạt nền móng cho nền điện ảnh non trẻ Việt Nam...

Nhớ lại những ngày tháng 3 năm 1959, đoàn làm phim của Xưởng Phim truyện Việt Nam đã vượt hàng trăm cây số từ Hà Nội vào Quảng Bình, qua sông Nhật Lệ, bên kia bán đảo cát Bảo Ninh của Thị xã Đồng Hới để thực hiện phim Chung một dòng sông. Đây là bộ phim có chủ đề về đấu tranh thống nhất, một vấn đề nóng hổi tính thời sự nên Bộ Văn hoá khi đó đã điều động khá nhiều nhân tài, vật lực để có một bộ phim truyện đầu tiên của nước nhà, nhằm đáp ứng nhu cầu mong mỏi cháy bỏng của nhân dân trong và ngoài nước. Phạm Kỳ Nam, Nguyễn Hồng Nghi, những chiến sĩ từng tham gia làm phim trong chiến dịch Điện Biên Phủ và phim tài liệu Việt Nam trên đường thắng lợi, được cử làm đạo diễn và quay phim chính của bộ phim này.

Chung một dòng sông là câu chuyện xảy ra ở hai bờ Nam Bắc sông Bến Hải sau hiệp định Giơnevơ 1954. Anh Vận ở bờ Bắc có vợ là chị Hoài ở bờ Nam. Dòng sông chảy qua vị tuyến 17 ấy, ranh giới tạm thời của hai niềm đất nước đã làm đôi đường tình thương cách trở. Chiều chiều, những đoàn thuyền đánh cá từ ngoài khơi trở về cửa sông, một nửa rẽ sang bờ Bắc, một nửa



Mạnh Linh vai Vận, Phi Nga vai Hoài trong phim Chung một dòng sông

phai vật vờ trở về bờ Nam. Anh Vận đau đầu, xót xa mỗi lần ngồi trên thuyền đánh cá bờ Bắc nhìn xa xăm về người vợ hiền đang đứng dưới bờ Nam vẫy tay, vẫy nón... Bộ phim với nhiều tình tiết sinh động, hấp dẫn đã làm khán giả miền Bắc mê say đón nhận. Chung một dòng sông đã tham dự và đoạt "Giải thưởng Lớn" tại Liên hoan phim Quốc tế 1962; năm 1970 đoạt "Bông sen Vàng" trong Liên hoan phim toàn quốc lần thứ II.

Giữa cái vùng "chang chang cồn cát" suốt 4 tháng trời ròng rã giữa mùa nắng nóng, đoàn làm phim đã như cỗ máy mò hết công suất. Từ đạo diễn, quay phim, diễn viên đến đạo cụ, hoá trang, thư ký

trường quay... mồ hôi ròng rã để có những thước phim theo ý muốn. Bấy giờ, tôi là một cậu bé 14 tuổi. Một hôm, cùng gần chục đứa bạn nữa, trèo lên một cây me trên đồi để nhìn xuống khuôn viên của một ngôi đền sát đó, nơi đoàn làm phim đang quay cảnh anh Vận và chị Hoài thử ngày đoàn tụ, đang thổ lộ tình yêu. Bỗng đạo diễn và quay phim nhìn thấy, liền quay ống kính về phía chúng tôi: "Này, các cháu, chủ quay phim đấy nhé. Các cháu cứ chỉ chỉ, trả trả tự nhiên, xem như mình đang là các thiếu nhi ở bờ Nam sông Bến Hải đang hướng về bờ Bắc trong ngày Quốc khánh". Cảnh quay tình cờ mà hoá thật như từng có trong kịch bản. Bạn bè đầm lồng tôi thùm thụp

vì đã được đạo diễn hướng ống kính cho quay cận cảnh, nhất là Phạm Chính, một cậu bạn tôi được khen là đẹp trai và diễn xuất rất cứ... Khi phim thành lập, chiếu lên, lũ trẻ chúng tôi đứa nào cũng vỗ tay reo hò rất sung sướng.

Tháng 2-1965, Mỹ đánh vào Đồng Hới, Quảng Bình, mở màn cho chiến tranh leo thang phá hoại miền Bắc. Mẹ Suốt, người chèo đò ngang, giữa bão táp bom đạn vẫn cầm chắc mái chèo chở bộ đội qua sông và trở thành anh hùng. Tuổi trẻ làng quê Bảo Ninh chúng tôi mỗi người bỗng có một số phận. Người vào trường Đại học. Người tham gia lực lượng thanh niên xung phong. Người khoác súng vào Nam đánh giặc. Người theo cha chú lên thuyền ra khơi bám biển đánh cá...

Năm 1968, tôi trở lại Quảng Bình nhận công tác sau khi tốt nghiệp trường chuyên nghiệp. Thật bàng hoàng khi tôi được biết, Phạm Chính đã hy sinh từ tháng 5 năm trước. Trước đó một năm, bố anh, ông Phạm Rà, liệt sĩ ngành Giao thông Vận tải cũng đã bị bom Mỹ giết hại ở cửa Nhượng - Hà Tĩnh khi đoàn thuyền chở gạo vào Quảng Bình vừa ngang qua đây. Phạm Chính hy sinh, lúc anh đang là Tiểu đội trưởng trong Đại đội pháo C300 của Thi đội Đồng Hới. Lần đó giặc Mỹ ném bom xuống trận địa trên cát, sau lăng. Phạm Chính bị một mảnh bom chém vào lưng, trong khi anh đang ăn cỏ súng. Toàn thân anh đè lên khẩu pháo hai nòng đang nóng bỏng. Mộ của cậu bé từng đóng trong bộ phim Chung một dòng sông năm xưa, được gia đình và dân làng đặt ở một trảng cát rộng, trên đồi. Tôi đến thắp hương trên mộ anh, nghẹn ngào úa nước mắt...

Trên 50 năm đã qua đi, nhưng bộ phim Chung một dòng sông vẫn để lại một dấu ấn tốt đẹp ban đầu cho nền điện ảnh nước nhà. Nhân Ngày Điện ảnh Việt Nam (15-3-2011), được tổ chức tại TP Hồ Chí Minh, tôi chợt nhớ lại một vài kỷ niệm nhỏ không bao giờ quên của những ngày thơ bé bên dòng sông quê hương yêu dấu của mình.■

(Tiếp theo trang 1)

quà gói, chân quàng đôi dép châm bằng mo cau rất lạ mắt. Đôi dép chỉ có một quai nhỏ phía trước rít chặt lấy ngón chân giữa, hai quai sau chèn vào cổ chân, đập lach bạch lên mặt đường, theo bước chạy mỗi lúc một dài ra, nhanh dần, nhanh dần...

Ngoi trên xe, tôi cứ chỉ cái này cái nọ luôn miệng "chứa mẹ?". Mẹ tôi dường như chỉ chờ tôi hỏi để trả lời, giảng giải. Đó là người ta in gạch, còn kia không phải nướng ốc đâu mà người ta đổ vỏ ốc vào lò để hầm với đó. Rồi mẹ cốc nhẹ vào đầu tôi: "Đồ tham ăn, lúc mõi cũng nghĩ tôi nấu với nướng."

Buồn cười thật, thường ngày, chơi quanh quẩn ở nhà, nay được ngồi xe với mẹ, thấy chỉ cũng lạ, cũng thích. Trời đang đẹp, chiếc xe kéo mui trần như muốn bay lên giữa bao la: trời xanh, mây trắng, nắng vàng, đồng lúa trải rộng tít tắp. Và gió, gió trời và gió xe hâng hâng, người cứ nhẹ hăng.

Gặp ngày trời mưa, xe lên mui, quay bụi. Ngồi giữa bụi bùng mà xe chạy đến đâu mẹ tôi thuộc đến đó như có người nhắc. Mẹ giỏi thiệt. Mẹ tôi bảo: giỏi chi, cứ nghe tiếng bánh xe là mẹ biết. Xe chạy trong phố, bánh xe lăn trên mặt đường dầu, êm ru. Qua làng gốm Thanh Hà, chạy trên đường đá, bánh xe kêu lộc cộc. Qua khỏi cổng Ông Đá, rẽ vào đường đất, trâu bò hay lội, có hang có hục, xe

ấm lòng cha mẹ mình. Thị không báo hiếu được nhiều, một chút vậy cũng qui chứ sao.)

Nghe mẹ tôi thưa vậy, ông tôi co ngón tay cung nhẹ vào trán tôi, gật gật đầu, không nói gì nhưng tôi thấy mắt ông ướt ướt.

Không rõ đến năm nào, chúng như đã có bằng yếu lược, đi học dưới phố, tôi phải nhường cho em gái tôi được đi xe kéo với mẹ, còn tôi lội bộ với cha.

Cũng chẳng xa xôi gì. Chỉ một quãng tắt qua Bến Cá là tới đò Ruộng. Ông lái đò, cũng chỗ quen biết, đã có tuổi nhưng tay chân còn rắn chắc. Thấy cha con tôi đứng chờ đò, từ dưới ghe đã oang oang chào lên.

Đợi khách lên đò xong xuôi, ông rùn người trên cây sào dài đã lên nước bóng nhẫy, chống mạnh một chổng. Cái đò rướn mình lia bờ. Sông hẹp, chỉ dàm ba tay sào, đò đã sát vào bờ cát bên kia.

Xuống đò là tới đất Phú Chiêm, quê ngoại tôi rồi. Con đường đất hẹp, chạy quanh co qua các ruộng lúa dẫn vào làng. Cha tôi bật dù che cả cho tôi. Trời nóng, cha tôi cởi khăn đóng, áo dài khoác vào khuỷu tay, có khi tròng vành khăn vào cổ tôi, nói vui: deo dùm cha "cải nọng heo".

Còn tôi thì xách guốc. Đôi guốc xà lan tự tay cha tôi dèo, đóng quai da bò lật ngược theo kiểu phổ. Xách guốc, đi chân không trên rệ cỏ, cứ mất rươi dưới gan bàn chân.

nào cũng có vườn cây, bóng cây lợp kín trời, đi ngoài đường mà như đi trong nhà. Gần đến nhà ngoại, cha bảo tôi mang guốc vào kéo đạp gai. Rồi đi.

Cha tôi xếp dù, đóng khăn mặc áo chỉnh tề, móc dù vào khuỷu tay, rảo bước thong dong. Dáng đi của cha sang vây mà cứ bị mẹ tôi trê môi ghẹo: "Đi làm rể mà như thế ông xã ra việc làng"

Sợ bọn con nít chọc, tôi phải vừa đi vừa chạy cho kịp cha. Rứa mà cũng không thoát. Chó i gần nhà, bọn hán cứ đứng đầu ngõ, gào rập ràng:

Phú Chiêm ăn cá bỗ đầu

Kim Bồng đến lượm xô xâu mang về

Rồi thi

Cái đầu dẹp lép cá chai

Án tham với vợ là trai Kim Bồng

Kim Bồng là quê tôi. Tôi thì tức điên mà cha tôi nghe vây lại cười, bảo "Kệ cha hắn, cứ làm thính ngộ lơ, đi."

Lúc ngang qua nhà các cậu tôi, cha tôi chỉ giơ tay chào, không ghé. Phải lên nhà ông bà thưa trình trước đã rồi đi đâu mới đi - Đạo rể con phải lấy chữ Lễ làm đầu, cha tôi thường bảo vậy.

Cùng giỗ xong, các cậu tôi rủ: chiếu bài còn thiếu một tay chờ anh dự cho vuông sòng.

Chơi vui thôi, chỉ đẩy qua đẩy lại mấy đồng xu lẻ để ván bài có tròn, nên cha tôi thường ở lại đêm, chỉ có mẹ con tôi vê. Mà không ở lại thì hai người cũng chẳng mấy hối chịu vê cùng. Mẹ tôi bảo:

-Vợ chồng, đi ra đi vô dụng đầu cả ngày, úc chi còn cặp kè ngoài đường như cái đồ không biết mắc tịt!

Nghỉ hè hồi trước dưới phố bắt chước Tây gọi là nghỉ Va-căng. Còn trên ngoại tôi gọi là nghỉ nắng. Giờ nghỉ lại mới thấy quê mình hay có kiểu nói ngộ thiệt: vào những ngày cuối năm học, khi hoa phượng đã đỏ sân trường, ngồi trong lớp mồ hôi chảy ròng ròng như có con chi bò trong người, lúc đó mà nhắc đến hai chữ nghỉ nắng là bụng dạ đám học trò nhiệt đới cứ chộn rộn cả lên.

Điều với tôi, nghỉ nắng có nghĩa là được về ở với ngoại. Mẹ tôi bảo trên ngoại mát mẻ lại có anh Năm kèm cho khỏi chạy rông dang nắng, rớt hết chữ. Ông ngoại thì bảo để cho nhà có con nít, hân vui. Còn bà ngoại thì xì một cái "Vui chi, thêm mệt!" Nói rứa thôi, chứ hễ thấy đám cháu nội vừa nhét vỏ lên rường nhà mà chưa thấy tôi vê, bà đã nhắc ông "Hay là ông biếu mấy đứa chạy xuống xem thử chó con có ấm minh ấm mẩy chi không?"

Còn ở dưới nhà tôi mấy ngày đó, hể cứ hát xi hơi mọi cái là mẹ tôi bảo "Ngoại nhắc rồi đó, sửa soạn đi"

Hôm sau, mới thấy mẹ con tôi tới ngõ, ông cười nói: "Mai đạp lúa rồi, về dùm ông mấy bữa hì". Biết ông nói giòn nhưng bụng cứ thịnh thich.

Sáng hôm sau, ông dậy sớm ra quét sân, tôi vội cầm chổi theo ông:

-Phải moi mốc thật kĩ, không để sót một hột sạn, biết tại rằng không?

-Dạ biết. Để sạn chui vô chén cơm nhai mẻ răng miếng ai cũng như miệng mình.

Ông tôi thường nói rứa, tôi nhớ mà nói theo. Vậy mà cũng được ông khen: "Cái thẳng, giờ"

Cơm nước xong, lúa cũng tới tấp về. Những bó lúa nặng thả từ đòn xóc xuống, xếp ngay ngắn quanh sân theo vòng tròn ốc. Khi sân đã đầy lúa thì lúa bò vào đập. Chủ bò đực lực lượng vai u thịt bắp, chứng đã quen việc, vừa bén hơi lúa đã bước lên đập phàm phàm. Chủ di vòng quanh sân, dẫm lên những bó lúa ngon lành. Mùi lúa mới cắt ngọt, thơm đầy sân. Chủ vừa vừa lúc lắc đầu, khìn khịt mũi, coi bộ bức bối lắm. Tôi nghiệp chủ, ngó như thằng nhóc ăn ngồi gần keo mà không được bốc. Không nhịn được, chốc chốc chú lại cuì xuống định ngoạm đại mày cọng. Nhưng mõm đã bị đóng rọ. Thèm mấy cũng chịu, chủ đành ngừng đầu hùng dũng bước. Khi nào chủ chàng đi chậm rồi dừng lại dạng hai chân sau ra, hạ móng xuống, đuôi vỗng lên hình dấu ngã, là sắp có chuyện rồi. Đã sẵn cái giò trặc ở góc sân, tôi nhảy phóc ra bưng vào hứng ngay dưới đít chủ. Cái công việc không mấy thơm tho sạch sẽ này không biết vì sao tôi lại thích nên ông đã giao cho tôi và khen tôi biết tém vén đầu ra đây.

Khi mặt trời đã lên quá ngọn tre, ngoại bốc một nắm gié lên, săm soi rồi hô:

-Nực rồi, hò bò lại!

Tôi liền hò..o..o một tiếng. Con vật chỉ chờ có vậy, đứng lại ngay, chờ người đến tháo rọ cho ra nhai rơm. Các người dùm cầm mỏ xảy ra xảy lúa. Mỏ xảy bằng sắt, cong như mõ bỗ nồng, tra trên đầu cán tre. Người xảy lúa luồn mỏ xảy xuống dưới lớp lúa mới đập lần đầu, nâng một mõ lên, khẽ tung hứng một cái trước khi lật trái cho bò dẫm tiếp. Ngó như làm xiếc.

Trong khi người lớn xảy lúa, bọn con nít chúng tôi được ngoại cho uống nước nửa buổi trước.

Ở chò ngoại tôi hối đó, ngày cơm ba bữa, giữa buổi sáng có uống nước nửa buổi, nửa chiều có nước xế, làm đêm thì có nước khuya. Có chi ăn nấy: khoai khô ngào đường, sắn luộc chấm muối mè, hôm nào làm nặng thì

QUÊ NGOẠI

Truyện ngắn của PHẠM PHÁT



cứ lắc la lắc lư. Về gần nhà, xe chầm chậm lại.

Đến cổng, mẹ ghé tai tôi "Tôi rồi! Tôi rồi!"

Vừa thấy mẹ con tôi bước vào, bà ngoại tôi đã chửi lớn:
-Cha con gái mẹ bay, rặng chửi mới vể?

Thì mẹ con tôi lúc nào chẳng về sớm nhưng ngoại tôi lúc nào chẳng chửi vậy. Nghe bà chửi mẹ cười rất tươi. Còn tôi thì sướng rơn lên khi thấy ông ngoại cười với tôi - cái cười ít khi thành tiếng mà hiền từ, lúc nào cũng như được dấu sẵn sau đôi môi dày và chòm râu bạc trắng.

Nhớ lời mẹ dặn, tôi bước đến trước mặt ông, nâng gói quà nhỏ lên bằng hai tay - tôi nhớ rồi mà mẹ cứ nhắc "hai tay, con!"

Ông tôi cầm gói quà nói:

-Để coi, cà cưỡng tha mồi chi về cho ông đây.

Uống cà cưỡng tha mồi... Tên ở nhà của tôi hối nhỏ là Cưỡng nên ông thường gọi chọc tôi theo câu ca đó.
Tôi bỗng lúng túng. Mẹ tôi phải đỡ lời:

-Thưa... cha sắp nhỏ mua thuốc trà hiệu Ông Tiên kinh cha đó.

(Lúc nào có quà kinh ông bà, mẹ tôi cũng nói "cha sắp nhỏ mua". Sau này lớn lên tôi mới hiểu, chẳng riêng mẹ tôi, các chị các bà mình đều nói tốt cho chồng như thế, để làm

Gặp ngày mưa, hương đồng thơm ngọt mũi. Thỉnh thoảng, một chùm chau chấu đứng trên bông lúa, múa râu như chào hỏi. Chao ôi, con chau chấu! Một thằng nhỏ lên mười ở phố làm sao bò đi cho đành!

Nhưng cha tôi giục: mau lên kéo ông ngoại lại cho thằng khác, mất phần như chơi.

Áy là cha tôi nhắc đến cái bong bóng heo mà ông ngoại tôi thường bảo mấy người làm heo dành cho tôi từ ngày hôm trước. Bong bóng heo phơi khô thổi thành trái banh. Đá bẹp rồi thi xé ra bịt lon sữa bò làm trống, khua inh nhá, bị la mà thích.

Cha tôi đi trước xách đồ cùng. Lẽ vật thi đát mõ vô đát nấy. Ngày giỗ ngày kị thi sắm quà bánh ngọt Hiệp Lợi. Mồng năm thi bánh ú tro, Tết phải có bánh tổ lấy tận lò Phó Tám. Cố năm cha tôi đem về gói trầu ròng lại thêm mấy cái lồng đèn Tàu để ông tôi treo chơi ba ngày tết. Mỗi thức đều được gói gầm vuông vức bằng giấy nhựt trinh rồi đặt tất cả vào giữa vuông vải mộc, buộc chéo bốn góc thành một cái xách tay rất tiện. Những thứ này không được giao con nít xách, nhả tay rơi lên rơi xuống lấm lấp, không nên.

Đường qua đồng tráng nồng, mồ hôi mồ kê nhè nhẹ, bước vào đền đầu làng như thế ngày nay được bước vào phòng lạnh. Hai bên đường nhà ở liền nhau. Trước cửa nhà

bánh tráng đậm, mít hông. Cái anh mít hông thì số một. Mít sáp chín, gõ lấy múi, móc hột luộc chín giã với đường nhồi vào giữa múi, hấp. Những bữa đậm lúa thì được ăn bánh lúa. Bánh bèo vào giữa mùa gặt cứ lặng lẽ gánh đến các sân đang đậm lúa, một chén bánh đổi một chén lúa nên gọi là ăn bánh lúa. Thấy tụi tôi mới nghe ông hô, mỗi đứa đã bưng một chén, giữa cầm chiếc dao tre, ông nói to:

-Mùa ni trung, cho bọn bay ăn thả cửa. Rồi ông gọi tôi đến, bảo: để ông bày cho thằng dân phố ni. Rì nè: tay phải cầm dao (giống cái thanh long đao trong tay quan công trên sân khấu hát bộ) tay trái bưng chén bánh, vạch dọc vạch ngang, vạch chéo qua chéo lại theo hình hoa thị rồi ép dao vào lòng chén quanh một vòng, tức thi chén bánh nứt ra thành một bông hoa tam cành, nhưn tôm thịt đỏ hồng giữa chén như cái nhụy hoa tràn ra, thẩm đều từng miếng. Bánh bèo Quang Nam phải để sẵn chén mắm ớt. Rưới một thìa mắm cay quanh chén, dùng thanh long đao cầm nhẹ từng miếng đưa gợn vào miệng. Cha chả, hèn chi ăn bánh bèo ở đây gọi là múa thanh long đao.

Lúa đậm xong, phơi ngay. Ông bảo: đốn đồng lầu, lúa hẩm hơi thua gạo. Được nắng, gạo mới ngon cơm.

Hôm sau, lúa trang ra đầy sân. Bà ngoại giao: cày thóc là việc của ông, còn sáp bay lo đuổi gà cho bà. Ông bảo: ngày mưa ngày màng, mình bưng chén cơm mới, cũng phải cho gà què hẵn lơm mấy hột. Gà là gà mình, ăn lúa tươi gà thơm thịt rồi mình lại ăn thịt gà, mắt dì mõ. Bà cãi: Đúng nói chơi. Gà thi phải bươi chái kiếm con trùn con dế, lơm hột rơ hột đỗ, nói như ông thi sai sáp nhỏ xúc lúa lên mâm mời hẵn trót"

Ông cười xòa

Trong khi chờ nóng lúa, ông ra hiên cầm cái quạt mồ phẩy mồ cái lên bắc thềm, ngồi bệt xuống, gọi lớn:

-Bay đâu, điếu!

Quen rồi, bọn tôi rập ràng dạ a.. lồn rồi chạy u vào, đứa thi bưng bắp điếu, đứa cầm cần tẩu, đứa bưng cái đèn hột vịt vân thấp ngon chạy ra. Bà tôi từ trong bếp hô theo "Nồi cháo lên!" Chẳng là, cả nhà ngoại tôi đều mê hát bộ. Mỗi lần có gánh hát về, cách chi các ông bắp cũng phải mời ông tôi cầm cháo cho được. Bởi ông thuộc tích sành cháo nên tiếng trống ông khoáng đạt, nghe sướng tai, hát sướng miệng. Đêm nào có ông cầm cháo, rạp hát như cái bếp tốt lúa, cứ phừng phừng cháy cho đến khuya.

Thường ngày cứ nghe ông hô "bay đâu" là bọn tôi chạy đến hẫu thuốc, hẫu quạt để được nghe ông kể tích, kể tuồng.

Cầm cần tẩu đưa vào miệng, ông cầm que đóm rá lúi rúi vào mồi thuốc, kéo xòng xoc một hơi dài, ngả người dựa cột, lim dim mắt, phả khói ra thơm ngát. Lúc đó, trông ông tôi giống y hình vẽ ông tiên say thuốc trên nhãn hộp thuốc trà.

Khói thuốc vừa tan, ông hỏi: "Đến đoạn mồ rồi hè?". Bọn tôi tranh nhau nhắc, "tới chỗ Khương Linh Tá bị Tạ Ôn Dinh chém rơi đầu mà cù xách cái đầu chạy theo Đồng Kim Lân..."

À, nhớ rồi, nhớ rồi. Ông tăng hắng rồi kể tiếp, kể như hát, như đang thúc cháo. Bọn tôi há hốc mồm, ngồi nghe như bị thôi miên. Vừa hết tích Sơn Hậu, ông đứng dậy bước ra sân cày thóc. Một tay cầm chiếc nón lá, không đội mà che hờ lên đầu, quai nón bỏ trật ra sau gáy, một tay bắc chéo ra sau lưng, đầu bịt khăn đầu riu, áo cánh vắt bên vai, quần lá tọa kéo lên quá ống quyền. Ông nhủ nhẹ mũi bàn chân xuống dưới lấp thóc nhùi lên một bước dài, hết chân này đến chân khác, cày thành hai đường thẳng tắp từ bên này qua bên kia sân, rồi quay lại...

Nắng giữa buổi làm da dẻ ông ửng hồng, hai ống quần trắng lén xuống nhịp nhàng, chiếc thắt lưng điều bay ngược về phía sau-dáng ông tôi nổi bật trên sân thóc đợi sáng, vàng rực lên nắng.

Khi đi xong đường lúa cuối cùng, ông bước ra đứng ở bia sân, giờ mũi chân lên, thở nhẹ gót xuống sân mẩy cái rồi mới bước ra. Vừa ngồi xuống thềm đá, ông lại "Bay đâu". Bọn tôi lại dạ ran rỗi bu đến. Lại hẫu thuốc, hẫu quạt, lại đòi ông kể tuồng...

Vừa qua, lần đầu được đọc đầy đủ tộc phả họ Dương, được biết cụ tiền tổ Dương Tam Kha, sau khi trao lại vương quyền cho con trai Ngũ Quyền bấy giờ đã lớn, ông lui về Chương Dương xây dựng vùng đất này thành địa danh nổi tiếng trong lịch sử, ứng dụng sống cuộc đời điển lão cho đến cuối đời, tôi bỗng dừng nhớ đến ông ngoại tôi trên sân thóc ngày ấy. Trong người hậu duệ bao nhiêu đời của tổ, hình như vẫn còn thấp thoáng hình bóng của tổ tiên ngày trước.

Buổi chiều, khi sân vừa hết nắng, ông đã giục sáp cháu nội đi bắt chuồn chuồn. Ông bảo tôi "Tui hẵn đứa mồ cũng bơi như rái, ông chỉ cho chuồn chuồn cần lỗ rún con một cái là biết bơi liền. Nghe ông nói, tôi vừa sợ vừa thích. Để coi ra rằng. Nắng vừa nhạt, ông cháu kéo ra sông. Cả bọn lớn nhỏ đều cởi truồng đồng đồng. Ông bắt mồi đưa gữ tay giữ chân tôi rồi cầm con chuồn chuồn dí vào rốn tôi một cái. Ông cháu cùng cười còn tôi chỉ re một tiếng rồi cũng cười theo. Cắn mổ chi, chỉ nhặt. Xong, ông vác tôi lên vai, lội ra xa, để tôi nằm trên mặt nước, chỉ cho cách bơi rồi bất thình lình rụt tay, để mặc tôi vùng vẫy, quơ đậm nhưng người tôi cứ như cái hù chim, uống nước ừng ực, sắc sưa, trước khi được bể lên. Ông cười bảo: "Chuồn chuồn cần rún rồi, không chim đâu, cố lên là được."

VĂN CÔNG HÙNG

Đi về gặp em một chân trời

*Đi về núi xa gặp gió
đi về cuối gió gặp mưa
đôi mưa về gặp những đuôi mắt buồn thăm thẳm
đi về em gặp một chân trời*

*cuối cùng thấy nhau ở đầu dòng sông
âm u ngược nguồn
chỉ thấy cây
chỉ rừng
chỉ hoàng hôn âm ủ
chỉ một mình gió lang thang*

*giữa rừng thèm những cánh rừng
giữa cây thèm bóng rợp
giữa đêm thèm im lặng
giữa tất cả thấy mình thèm tất cả*

*đến một ngày không thèm gì nữa
một mình giữa rừng giữa cây giữa em và im lặng...*

*tận cùng biển gặp lại nguồn róc rách
những cánh buồm xếp gió rụng về nhau...*

Trên chín tầng trời

*Bay
còn bay không hẹn
em ngơ ngác những tầng không gió
đêm về những ngôi sao đêm*

*Bay
phút này không tái mặt trời
ngửa gáy gặp dòng sông thẳng thốt
mỗi hôm qua giọt nước rơi vào mắt
tưởng mình khắc hộ cá nhân gian
Bây giờ là bao nhiêu ngàn thước
chung chiêng minh ta giữa sao trời
đâu là lỗ đen đâu là hố thẳm
đâu là nơi ta gửi những giấc mơ
Chỉ một mình ta bay ư?*

đêm gần như giờ tay là nắm được

chợt thèm cõi như từng thèm vú mẹ

những ngọn cỏ giờ cách ta thẳm tầng trời

Ước một ngày cõi cung biệt bay

cùng ta, nôn nao hố thẳm

tự đọc mình trong tận cùng xa vắng

rợn người cô đơn đèn đêm...

Viết nhân có Laptop mới

*Tưởng là mọi cái máy tính đều giống nhau
mua một cái mới về té ra không phải thế
cái cũ ta dùng theo thói quen
cứ gù lưng gõ gõ và gõ...
cái mới tất nhiên là hiện đại
nhieu thứ mình chưa biết
thế là loạn cả lên*

*điện thoại email cứ như là ngựa chạy
đến một ngày
nhìn cái máy tính cũ
như một đống rơm sau lũ...
cái mới tưởng khó
nhưng khó như làm người còn làm được
vấn đề là mình có thích mới không?...*

Chỗng cự không được, tôi đành phải lập đi lập lại cái vũ điệu loạn xạ dưới nước đó không biết bao nhiêu lần. Rồi tôi cũng bơi được. Khi tôi bơi khá rồi, một lần ông bảo tôi: "Sống ở đời phải biết bơi, không bơi được là chìm đó con"

Lần lên, ra giữa sông biển cuộc đời, khi đủ trí khôn để hiểu được lời ông thì ông tôi đã không còn nữa. Ngày ông tôi mất, cả làng đưa ông ra đồng. Đám ông tôi băng qua những khoảnh ruộng vừa gặt. Trường liên pháp phơi, chiêng trống vang rền. Linh cữu đã gần tối huyệt, mà dòng người đưa đám chưa ra khỏi cổng. Ai cũng chép miệng thương tiếc, bảo ông như Ông Phật sống. Bà tôi kể, tháng Hai trời nổi đông sấm. Nửa đêm sấm chớp đúng đùng. Đang ngủ ông ngồi bật dậy chạy ra sân khuân cùi vào hiên. Mới được mấy ôm cùi, ông vào nhà, lén giường nằm kêu "Bà ơi!". Bà lập cập thắp đèn chạy tới, thấy ông người đã thảng đơ. Bà hoảng hồn kêu trời một tiếng. Ông cố mở mắt nhìn bà, môi mấp máy như cười mím chi, rồi đi. Nhẹ như không.

Lúc khâm liệm ông, bà ngồi chọn kĩ bảy hạt gạo gói cẩn thận vào mảnh giấy vàng bạc. Khi cầm gói gạo đưa người ta cho vào miệng ông, bà mới ôm khóc, rủ người trong tay con cháu "Ông đi bụng không có được hột cơm, tội ông rửa ông đi..." Bà vừa khóc vừa thở than, trách móc ông như thể ông đang còn ngồi trước mặt. Tiếng hờ khóc yếu ớt của một bà lão ở tuổi tam mươi, cứ ri rì ti tê như tiếng nước một con khe cạn chảy qua kẽ đá, nghe thật nao nuột.

Ông tôi ra đi mang theo những ngày hè thơ ấu của bọn tôi. Sau đó là kháng chiến toàn quốc, là chống Pháp, chống Mĩ... Đám cháu nhỏ của ông như những viên bi ve lấp lánh đang nầm vui vẻ trên mặt bằn, bồng chiến tranh như một nấm dâm giáng mạnh vào giữa, tất cả tung tóe, cuốn vào những biến động của đất nước. Và trong những nắng nôi của đời người, lắm lúc thấy thèm đến cháy ruột một khoảnh khắc được về nghỉ nắng dưới bóng mát của ngoại như những ngày còn đi học.

2

Hội An giải phóng được mươi hôm, tôi về nhà. Hôm trước hôm sau đã giục mẹ về ngoại. "Chi mà quiu lên rứa con, để mẹ ngâm miếng trầu đã" Nói vậy nhưng mẹ lại xăng xá dí lấy áo lây nón. Tôi còn loay hoay mang giày đã thấy mẹ cầm nón đứng ở thềm. "Giải phóng giải phot chi mà chậm rẽ rẽ." Vừa chè tôi, mẹ vừa đưa nón soi lên nắng, coi thử có con chi trong đó không, tay này thở nhẹ vành nón vào tay kia mẩy cái rồi mới đội lên đầu, đưa ngón tay móc vào nón kéo xuống dưới cằm, sửa nón cho cân cái rồi mới bước ra sân. Bộ dạng mẹ tôi vẫn y như hồi tôi còn ở nhà. Năm ấy mẹ đã bảy tám, đi lại còn lanh lẹ, nói năng còn rành rẽ chi ra nấy.

Ra khỏi cổng, tôi nhắc đến xe kéo. Thi nhở mà nhắc vậy. Mẹ bảo: "Bỏ từ tám hoán rồi. Tôi nghiệp cái thằng xe

trên mình, trốn quân địch không được, lở huỷ thế nào, mới ra trận đã mất luôn một giờ. Chứ ngồi đan rổ cho vợ đi bán, con còn nhớ hẵn không?" Tôi thưa: tên không nhớ, mặt không nhớ, chỉ nhớ đôi dép mỏ cau đậm lach bạch xuống mặt đường.

Ra khỏi phố, rẽ lối đò Ruộng. Cũng quen miệng mà gọi rứa chứ đò giang đâu còn. Mẹ kể: sau cái lụt năm Thìn, sông bị lấp, ở chỗ đó chử nhà của khít rịt.

Đến trước một quán ăn, ngoài cửa treo cái mèt viết nguêch ngoạc chữ vòi Mi Phú Chiêm. Tôi quýnh người như gấp người quen xa cách lâu ngày. Rồi ghé tai mẹ, tôi đọc nhỏ câu hát ngày xưa mẹ thường hát: Miếng ngon quê kiểng thiếu gi. Đi lấy chồng phở thêm bát mì Phú Chiêm. Mẹ cười ngất "Cái thằng, giỏi nhời!" Rồi mẹ cong ngón tay mổ mổ xuống chỗ tôi đang đứng. "Bến đò Ruộng là chỗ nì. Ngày con đi, ông già còn chồng, sau ông mất, anh Hai Ruộng chống thay cha, chử thì bến đò đã thành nhà cửa ri đây". Hồi đó, lén khỏi đò là ruộng lúa có con cháu chầu hươu râu đứng chào. Giờ thì nương khoai, nà bắp, biển dâu lấn tới sát mé lăng.

Chao ôi, ba mươi năm thương hải tang điện!

Vào làng, đường sá, nhà cửa vẫn như xưa, như chưa hề có bom đạn gi ở đây. Mẹ bảo: đốn hẵn đồng ở gò Lê, đây lén đó nhai chưa đậm miếng trầu. Bí bộ đội vẽ đánh miết, minh hạ xuống hẵn lại dựng lên. Thi kê cha hẵn. Quê minh ở đây từ Kháng-chiến-một tới chử cứ rứa: ngày hẵn, đêm minh. Ngày bà con minh ruộng nương chợ búa, làm ăn bình thường, gấp tại hẵn cứ giả đò khùm núm dạ trước mặt. Tụi hẵn cũng chỉ lảng chảng ban ngày, cà rà nhà này nhà khác bày đặt điểm danh, hạch sách chuyện này chuyện nọ rồi cháu đầu nhậu nhẹt, bài bạc, chọc gái... Mặt trời chưa lặn, cha con hẵn đã kéo về đồn, thả dưới nát cho bọn hội đồng. Nhưng hội đồng hội thiếc chi, mới chẳng vọng đã đắp chiếu trong nhà không dám hó hé. Du kích mang súng đi ngang chọc chó sủa rồi hầm: "Sủa chi, nằm im! Việc ai nấy làm nghe chưa" Tụi hẵn gác cho các ổng hội họp, cho bà con đào hầm bí mật, cất giấu đồ tiếp tế...

Cứ năm ba bữa, sắp trên nút lại về cồng hàng. Thời thi đấu: gạo cẩm, mầm muối, thuốc men, vải vóc... Trên nút cần chi dưới ni lo đủ. Cứ xuống phố mua mỗi bữa một ít, mỗi người một thứ bưng về bỏ hầm, đợi tụi hẵn. Tôi lầm, có đứa mới thấy về chuyền trước chuyền sau không thấy, hỏi, hi sinh rồi. Cho nên hễ gặp nhau là mẹ mẹ con con, nấu nướng ăn uống như nhà có giỗ. Đến cái đêm sắp giải phóng, người đi lại nườm nượp, bọn hội đồng, hương dũng trốn tiệt, hàng chục bến máy may cờ, chạy xách xách suốt đêm, sáng ra được tin minh đã lấy được Hội An rồi thi cả làng đỗ rực lên rì rì.

(Còn nữa)

DẶM DÀI ĐẤT NƯỚC...

NGUYỄN NGỌC PHAN

NHÀ báo, nghệ sĩ nhiếp ảnh Hoàng Kim Đáng vừa cho ra mắt công chúng cuốn *Thăng Long - Hà Nội Việt Nam* ký... do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành. Cuốn sách vừa như một món quà nhiều ý nghĩa mừng Thăng Long - Hà Nội tròn 1000 năm tuổi, vừa là sự kiện chào đón thập niên mới của thế kỷ XXI.

350 trang, in khổ 21x20, gọn gàng xinh xắn với bốn mươi bài viết: Bút ký, ghi chép, tùy-bút và thơ, giới thiệu những vùng đất "Địa linh nhân kiệt". Mỗi địa danh vài trang viết ngắn gọn. Với những nét chấm phá, người đọc vẫn biết được xuất xứ những danh thắng tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội qua 1000 năm hình thành và phát triển cùng đất nước Việt Nam với hàng ngàn năm lịch sử... Những danh lam, thắng cảnh ấy sừng sững hiện ra trước mắt người đọc cả bằng lời và bằng ảnh. Chùa Một Cột - Công trình được khởi dựng năm 1049, phỏng theo giấc mơ của vua Lý Thái Tông (1028 - 1054). Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh tung bay ngạo nghẽ trong "Kỳ đài Thăng Long" mà dân gian quen gọi Cột Cờ - "Hồn thiêng đất Việt..."... Từ trung tâm Thủ đô, tác giả dẫn dắt người đọc ngược Bắc Ninh "Trên quê hương nhà Lý", ra vùng Đông Bắc "Côn Sơn - Kiếp Bạc" tới "Vịnh Hạ Long - Kỳ quan thiên nhiên thế giới"; ngược lên Tây Bắc "Điện Biên ngày ấy" rồi xuôi về "Cố đô Hoa Lư", vào miền Trung "Huế - Trên những dòng sông quê hương", "Đô thị cổ Hội An", "Mỹ Sơn - Di sản văn hóa thế giới của Việt Nam", Tam quan Bình Định, bát ngát rừng dừa, vào Nam bộ - "Củ Chi đất thép thành đồng", ra biển khơi "Với bộ đội Trường Sa" và khép lại cuốn sách là "Xuân đến mọi miền" ấm áp bởi những đóa hoa, con người nồng hậu và cảnh trí thiên nhiên mênh mông.

Cánh và người hòa quyện, cùng làm nên sự phong phú và thành công của cuốn sách. Đó là ngoài những thắng cảnh, di tích lịch sử, tác giả còn đưa người đọc tiếp cận một mảng khác - chân dung những nhân vật nổi tiếng, những con người Việt Nam tài ba, những người đã và đang góp phần công sức của mình làm nên trang sử vẻ vang của dân tộc ở nhiều lĩnh vực. Có người mà sự nổi tiếng đã vượt ra ngoài biên giới. "Những lần được gặp và chụp ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp"; "Hình ảnh Giáo sư - Viện sĩ Tôn Thất Tùng"; "Tôn nữ Nhị Hả, người Hoàng tộc có 16 nghề thành đạt"... Từ trang sách bước ra, mỗi người một vẻ, một vị trí trong xã hội, với những công việc khác nhau, ở nhiều thế hệ tuổi tác khác nhau. Có người đã đi vào cõi vĩnh hằng bằng trang tiểu sử sáng chói tận mai sau. Lại có nhân vật mà ở ngoài đời, họ vẫn hiện hữu quanh ta, đi tiên phong trong phong trào đổi mới và hội nhập. Đặng Tính, vị Chính ủy huyền thoại của Bộ Tư lệnh Trường Sơn thương quý chiến sĩ như người ruột thịt trong "Người mang mật danh 602"; Nỗi niềm bi thương của một ông vua trước cảnh mất nước qua "Bức chân dung vua Hàm Nghi và cụ Hải Âu, người chăm sóc cuối đời nhà vua"; "Nhà văn Nguyễn Tuân với Sông Đà" hào hoa và đì dòm... đến những người bình thường (mà chả bình thường chút nào) - "Hai người Hà Nội ở Đà Lạt"; anh bộ đội phục viên trong "Hồ Huy với văn hóa doanh nhân và Tập đoàn Mai Linh". Tất cả, họ là những "bông hoa" đầm đà hương sắc, góp phần làm nên một rừng hoa đẹp.

Cách bố trí thứ tự bài vở, sự đan xen giữa những bài viết về chân dung danh



nhân với danh lam thắng cảnh theo một bố cục cân đối, chặt chẽ thể hiện rõ sự sắp xếp có dụng ý của tác giả, vốn dĩ là một người đã từng được phong tước hiệu Nghệ sĩ nhiếp ảnh xuất sắc của Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam. Điều này càng thể hiện rõ hơn, bởi lẽ trong cuốn sách có cả bộ ảnh song hành cùng những bài viết, và bởi lẽ tác giả không chỉ "ký" bằng lời mà còn "ký" bằng ảnh. Những tấm ảnh phong cảnh, di tích, danh lam và đặc biệt ảnh chân dung không chỉ dừng lại ở việc minh họa đơn thuần. Tinh thần văn không chỉ toát lên ở những trang viết mà còn ở những khuôn hình. Những tấm ảnh qua chọn lựa, được đặt đúng chỗ lại càng đắc địa. Ảnh nói thay lời. Ảnh nâng cao cho bài. Phải chăng, sự thành công ở những bài viết của Hoàng Kim Đáng ngoài phần nhờ kinh nghiệm của một nhà báo, thì phần còn lại chính là nhờ ở năng khiếu cầm máy của anh, để người đọc thấy đâu là "diểm mạnh", vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn nêu lên, cách bối cảnh chặt chẽ trong bài viết của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.

Là tác giả, chủ biên và biên soạn hàng chục đầu sách các thể loại, từng được các Nxb Hà Nội, Quân đội Nhân dân, Đà Nẵng, Văn hóa Thông tin, Văn học... ấn hành. Hoàng Kim Đáng viết và làm sách như một niềm bức xúc phải giải tỏa, một món nợ đời, nợ người cần trang trải. Vài ba năm anh lại cho trình lăng một tác phẩm. Bản thảo cuốn này chưa in anh đã có ý tưởng cuốn sách khác. Với sự nhạy cảm của một nhà báo, lại là nghệ sĩ nhiếp ảnh, Hoàng Kim Đáng không bỏ qua một triết lý nghệ thuật nào, để ghi vào bộ nhớ, để lưu tâm những tác phẩm đạt giải, những tác phẩm có giá trị, mang tính lịch sử để khi cần phục vụ cho những cuốn sách biên soạn. Năm 2000, nhân kỷ niệm 990 năm Thăng Long, Hoàng Kim Đáng đã cho xuất bản cuốn sách tổng hợp "Hồ Gươm - Hà Nội Việt Nam" và ngay từ lúc đó, lòng nhủ lòng, anh đã có ý nghĩ phải "làm một cái gì đó" để chào mừng đại lễ 1000 năm tuổi của Hà Nội. Nhưng giữa thập niên này, Hoàng Kim Đáng phải làm chủ biên để năm 2007, kịp cho xuất bản cuốn sách Đường Hồ Chí Minh trong chiến tranh vì lớp người làm nên huyền thoại đường Trường Sơn đã lấn lướt ra đi vào cõi vĩnh hằng. Mãi năm 2008, anh mới có điều kiện thời gian bắt tay vào làm công trình mừng ngày đại lễ. Với *Thăng Long - Hà Nội Việt Nam*... ký người đọc, người xem được tiếp cận, được thưởng thức một tác phẩm với "những trang viết đầy tinh văn học của anh, là sự bổ sung quý báu cho ảnh, cả hai cộng hưởng với nhau, đem đến cho chúng ta cái cảm giác viên mãn khi thưởng thức công trình nghệ thuật đặc sắc này". - Lời tựa cuốn sách trên của nhà thơ Hữu Thỉnh.■

TẢN VĂN

PHÚH QUỐC HÀ

THÁNG BA

LÊ NGUYỆT MINH

ÔNG bạn bảo: Tháng ba rồi ấy nhỉ? Thế là xong Tết. Xong hết cả hội hè lẵng chúc tụng. Nhưng tháng ba tới lại có cái vẻ dùng dằng và đong đếm khác với những thời khắc đã qua khi bắt đầu xuân.

Nếu bạn còn ở ngoại Bắc, bạn sẽ cảm thấy thật chùng chình trong cái chậm rãi của tiết trời tháng ba. Khi mùa xuân vẫn còn đang ở vào độ chín, còn đầy hương hoa ngoài ngõ, trên cây gió và mưa sa. Mỗi sáng thức giấc, đôi khi những cơn gió lùa qua khe cửa, vẫn cảm nhận được cái rùng mình vì lạnh. Hay những ngày mở mắt ra, thấy nắng bỗng đùa đứng tản ngán ngoài song, mới ngỡ ngàng vùng khói chán ám, thấy mình như tươi mới và gọn gàng hơn, lao ra ngoài hiên nhà, vươn vai một cái, hít đầy ngực một không gian thanh tịnh có nắng nhỏ xinh trên giàn hoa trước nhà, đậu đầy trên vai áo của mẹ, đang đứng hong phơi những cành quất đầu năm đã được đem ra trồng lại trong vườn nhà.

Tháng ba. Có lẽ khiến người ta nhớ nhiều tới hoa gạo và hoa xoan. Hai loài hoa với những sắc màu đối kháng nhau, nhưng lại cùng sinh ra và hương hòa trong cái tiết trời "nửa chừng xuân" thế này.

Đó có thể là một sáng nào kia, khi ta cắp sách tới trường đi học, băng qua một vài gốc gạo đầu làng, thấy những bông đèn đỏ rực rỡ ngay trên đầu ta, như gọi trời đất về tiền mùa xuân đi để đón hạ đến. Bởi vậy, mới có cái câu thơ nhang nhở nhung: "Tháng ba hoa gạo gọi trời...". Có phải vì thế, hoa gạo y như một tiếng gọi triu mến và linh thiêng, đưa trời đất vào cái tiết oải của mùa hè sắp tới chàng?

Tôi vẫn nhớ hồi xưa lầm lỗi, có lẽ khi tôi mới chỉ ba bốn tuổi, buổi sáng mở mắt ra, chạy xuống bếp xem mẹ đang nấu nướng, bàn chân trần nhô xiù, băng qua con đường đất cũng nhô xiù, dấn ra cả mảnh vườn lớn sau nhà, ở đó có cây xoan. Cứ qua tết, nhất là vào dịp trời nồng như mùa xuân này, là hoa xoan bắt đầu rụng. Những cánh hoa nhỏ xiù, li ti li ti, rơi vangi lai trong mưa phùn, giũa không gian ảo ảo của thời tiết, cứ đầm đượm, buồn buồn, rơi như không dứt, nên lúc nào cũng có cảm giác, như ở cái khoảng không gian trong vườn nhà mình, là khoảng trời chấm phá của những tiếng rơi nhẹ nhàng mà thao thiết ấy. Nghĩ về hình ảnh của hoa xoan, có lẽ phải hiện lên trong tâm tưởng những đứa trẻ nhà quê thời ấy cái ngô nhô bỗng đất, nằm cõi quạnh trong trời mưa phùn và con bé con đi chân trần chạy loảng hoảng xuống bếp tìm mẹ khi vừa tỉnh giấc...

Tháng ba ở thành phố thì khác. Năm nay tháng ba và Tết giáp mặt nhau tới đường đốt. Mọi hôm nào hết đoàn người này tới đoàn người kia, còn hành lý lũ lượt kéo nhau về miền Bắc ăn Tết, rồi lại ồn ào náo nhiệt kéo nhau trở lại phương Nam, bỏ lại tháng ba và mùa xuân luyến tiếc xứ đào. Trở về Sài Gòn, ôi tháng ba. Có bao nhiêu người nghĩ tới tháng ba. Có người chặc lưỡi: "Sao nhanh thế, tháng ba rồi kia".

Có lẽ thời khắc của tháng này, dễ khiến người ta rơi vào trạng thái ngỡ ngàng, luyến tiếc, lại có chút gì đó như bị đánh mất, rồi đâm ra chí lí tính toán. Có người lại cảm thấy như trong mình đang cồn lên một nỗi nhớ khó định hình, day dứt và kiềm tim.

Người ở phố, nghĩ gì về tháng ba nhỉ? Khi mỗi sáng ngủ dậy, trời không có mưa, chỉ có nắng chao chát đe dọa ngoài cửa sổ và tiếng chim sẻ nhà bên lảnh lót như giục giã làm.

Không có mưa xuân lất phất rơi, cũng chẳng còn hội hè lẵng xóm nào. Cứ như một giấc mơ xa dần xa dần, và mình thì là cái chấm nhỏ xiù ấy, đèn đặc và mờ nhạt dần đi.

Có gã thanh niên đang thèm yêu, chỉ mong tháng ba mau về, còn mua hoa hồng tặng bạn gái.

Còn những người yêu mùa xuân, yêu tiếng rơi mồng tang nhỏ nhẹ của hoa sữa Hà Nội thì đã sớm giục giã xa xôi: Sao không ra ngoài này, hoa sữa rụng đầy trời thương nhớ...!■

NGĂN CHẶN TÁI PHÁT TAI BIỂN MẠCH MÁU NÃO

Câu chuyện được ghi lại qua lời kể của anh Đỗ Xuân Sơn, sinh năm 1961, nhà số 9, đường Chu Văn Thịnh, Tô 1, phường Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La về căn bệnh tai biến mạch máu não từng xảy ra với anh và cách điều trị hiệu quả mà anh đã áp dụng.

ANH Sơn cho biết: "Khoảng tháng 4 năm 2000, khi tôi đang treo cờ để chuẩn bị cho đợt bầu cử Hội đồng Nhân dân nhiệm kỳ mới thì thấy tay run run, không thể giơ lên được, người bùn rùn, choáng váng, tôi tưởng mình bị cảm. Vợ tôi gọi bác sĩ đến và đo huyết áp cho tôi, huyết áp tăng cao 180/100. Sau đó, tôi bị té nửa người bên phải, gia đình đưa tôi lên bệnh viện địa phương cấp cứu. Bác sĩ cho biết tôi bị tai biến mạch máu não nhẹ. Điều trị ở đây 10 ngày, huyết áp đã ổn định hơn nhưng tình trạng tê nửa người của tôi vẫn chưa dứt, trí nhớ suy giảm rõ rệt, tôi chỉ nhớ được những việc xảy ra một đến hai ngày là cùng, xa hơn thì chịu không nhớ nổi, tay tôi vẫn chưa viết chữ được.

Sau đó, gia đình đưa tôi xuống bệnh viện dưới Hà Nội điều trị tiếp. 10 ngày sau, tôi ra viện trong tình trạng sức khỏe tốt hơn. Tôi uống thuốc điều trị tại nhà khoảng 2 tháng thì tình trạng tê mỏi nửa người bên phải đã hết, tay viết được một chút, trí nhớ cũng khảm.

Do trong gia đình cũng có người đã từng bị tai biến mạch máu não nặng, tôi hiểu hậu quả của căn bệnh này rất nghiêm trọng, nếu bệnh tái phát thì nguy hiểm lắm, không biết đằng nào mà lần. Vì thế, tôi đã tìm hiểu nhiều loại thuốc Tây y, Đông y để ngăn chặn tái phát bệnh. Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2008, tôi đọc báo và được biết sản phẩm Nattospes có thể hỗ trợ điều trị, phòng ngừa rất tốt tai biến mạch máu não. Là



Ảnh minh họa

một người trong ngành y, tôi hiểu đây là sản phẩm nguồn gốc tự nhiên, không gây tác dụng phụ - cái hay ở sản phẩm này so với thuốc Tây y là thế! Tôi mua Nattospes về dùng. Thời gian đầu tôi dùng 2 viên/ngày, sau giảm xuống 01 viên/ngày, liên tục trong 4-5 tháng. Kết quả là tôi thấy người khỏe khoắn, ăn uống ngon miệng, ngủ tốt hơn, mọi sinh hoạt đều dễ chịu, tay viết lưu loát, trí nhớ minh mẫn như bình thường và không phải dùng sổ ghi nhớ nữa. Đặc biệt, trước kia tôi rất hay đau đầu - một di chứng của tai biến, nhưng bây giờ gần như hết hẳn. Mục đích chính mà tôi sử dụng Nattospes là để phòng ngừa cơn tai biến. Và điều này đã được khẳng định, đó là từ khi dùng Nattospes đến nay, tôi chưa hề bị cơn tai biến nào".

Anh Sơn chia sẻ thêm: "Đến nay, tôi vẫn duy trì dùng Nattospes, mỗi năm tôi uống 2 đến 3 đợt, mỗi đợt 2 tháng, kết hợp với ăn uống điều độ, tập thể dục nhẹ nhàng. Sức khỏe và cuộc sống của tôi đã tốt hơn nhiều".

HỮU ÍCH
(Theo tạp chí Sống khỏe - Số ra ngày 5/10/2010)

CÔNG TY THHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐÔ

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ



Để lấy kết quả xổ số truyền thống mới nhất

Soạn tin: **XSTD** **8197**

Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
 - xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD** **8297**

Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD** **8597**

Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
 điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD** **8797**

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN** **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT** **8297**

MẠNG RIÊNG ẢO QUỐC TẾ

"Mạng của chính Khách hàng"

Cuộc sống đích thực VNPT



8.VPN

Gọi 18001001
hay 04.38410036
Để biết thêm chi tiết



Công ty Viễn thông Quốc tế

www.vti.com.vn

Sản phẩm của VNPT



VĂN NGHỆ - TUẤN BẢO SÁNG TẮC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập : NGUYỄN TRÍ HUÂN • Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRỊNH BẢO
• Tòa soạn, Trị sự : 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trị sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
• Email: thukyvbn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvnn@gmail.com; vanhocnuocngoainv@gmail.com; bannghehuatvn@gmail.com.
• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang- Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trinh bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 5.900 đồng.